

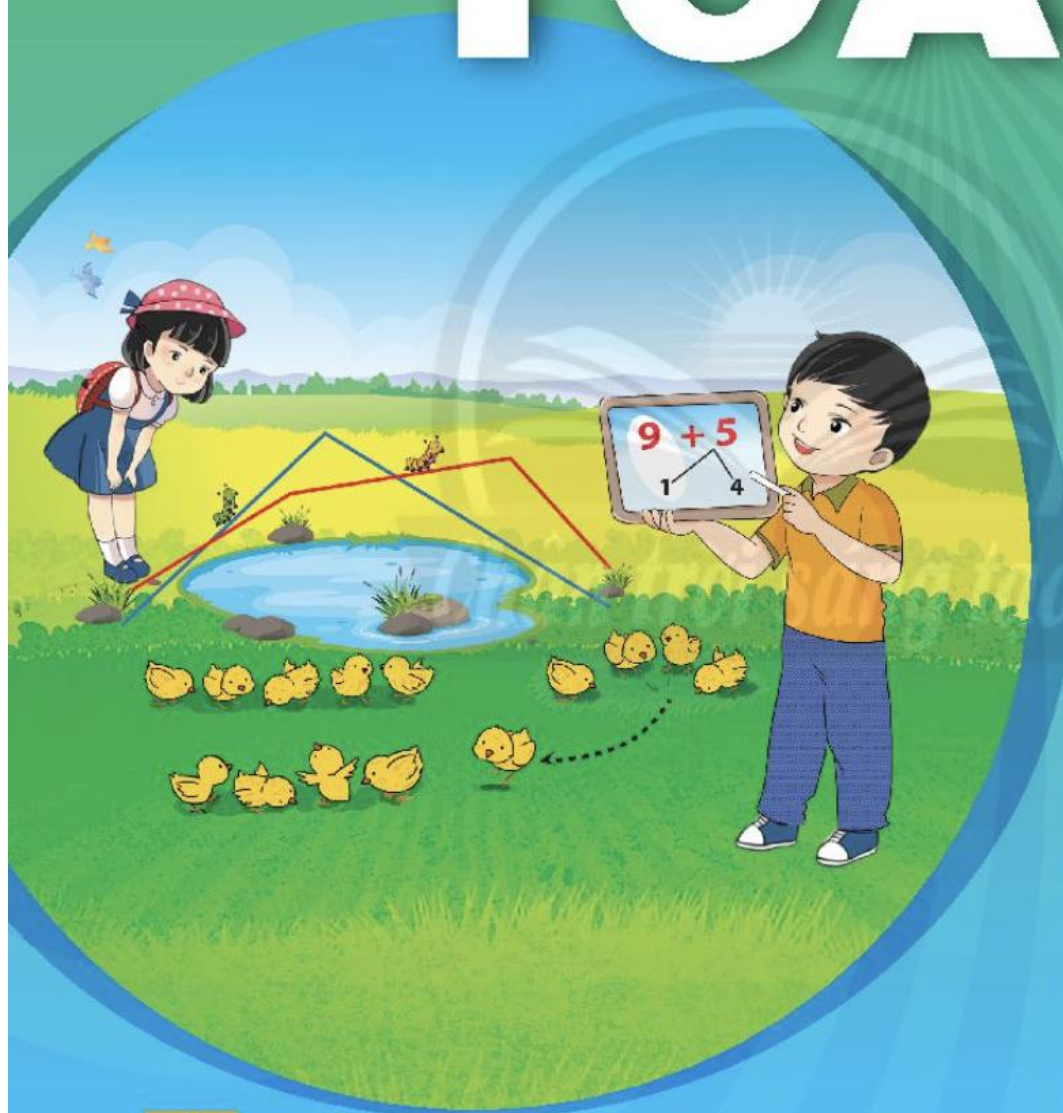


TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐÌNH THỊ XUÂN DUNG – ĐÌNH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập TOÁN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kỹ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỞ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập đa dạng và phong phú. Trong mỗi phần, các bài tập tự luận và trắc nghiệm được giới thiệu đan xen và đặc biệt có một số đề kiểm tra dùng để tham khảo.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Giáo viên có thể lựa chọn những nội dung phù hợp với các đối tượng học sinh, các em không nhất thiết phải làm hết các bài trong sách.

Học sinh có thể dùng **VỞ BÀI TẬP TOÁN** trong buổi học thứ nhất (khi đã làm hết các bài trong sách giáo khoa), đặc biệt hữu ích ở buổi học thứ hai và trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.



MỤC LỤC

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG	6
Ôn tập các số đến 100	7
Ước lượng	11
Số hạng – Tổng	13
Số bị trừ – Số trừ – Hiệu	16
Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu	19
Em làm được những gì?	22
Điểm – Đoạn thẳng	26
Tia số – Số liền trước, số liền sau	29
Đề-xi-mét	33
Em làm được những gì?	37
Thực hành và trải nghiệm	41
2. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ QUA 10 TRONG PHẠM VI 20	42
Phép cộng có tổng bằng 10	43
9 cộng với một số	44
8 cộng với một số	46
7 cộng với một số, 6 cộng với một số	47
Bảng cộng	49
Đường thẳng – Đường cong	53
Đường gấp khúc	54
Ba điểm thẳng hàng	55
Em làm được những gì?	56
Phép trừ có hiệu bằng 10	58
11 trừ đi một số	59
12 trừ đi một số	60
13 trừ đi một số	61
14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số	62
Bảng trừ	64
Em giải bài toán	67
Bài toán nhiều hơn	69
Bài toán ít hơn	70
Đựng nhiều nước, đựng ít nước	71
Lít	72
Em làm được những gì?	73
Thực hành và trải nghiệm	78
Kiểm tra	79

3. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100..... 82

Phép cộng có tổng là số tròn chục 83

Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 87

Em làm được những gì? 91

Phép trừ có số bị trừ là số tròn chục 94

Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100..... 97

Em làm được những gì? 100

Thu thập, phân loại, kiểm đếm 103

Biểu đồ tranh 105

Có thể, chắc chắn, không thể..... 110

Ngày, giờ 111

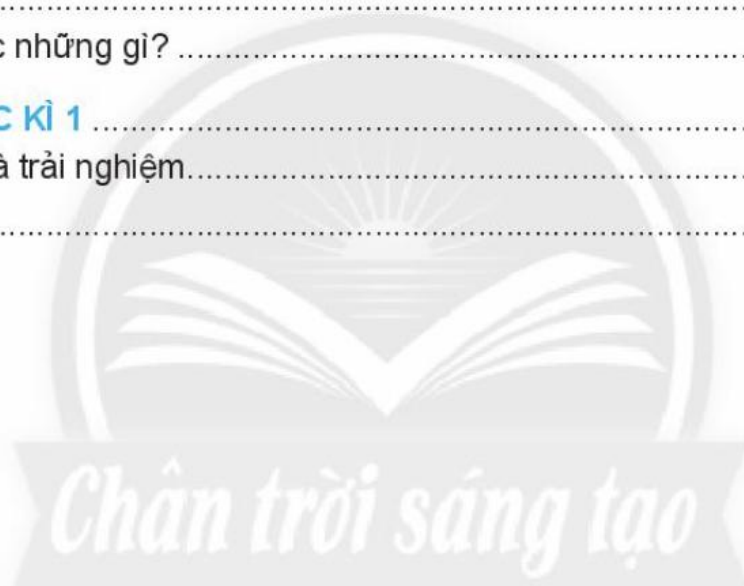
Ngày, tháng 115

Em làm được những gì? 117

ÔN TẬP HỌC KÌ 1 119

Thực hành và trải nghiệm..... 135

Kiểm tra 137



1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG



ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

Quan sát bảng sau để làm bài.

41	42	...	...	...	46	47	...	...	50
...	52	53	...	...	...	...	58	...	...
61	62	...	...	...	...	67	68	...	...
...	...	...	74	75	...	...	78	...	...
81	...	...	...	...	86	87	...	...	...
...	92	93	94	...	...	...	...	99	...

1

- Viết số** thích hợp vào các chỗ chấm trong bảng trên.
- Tô màu đỏ** vào các ô có **số tròn chục**.
- Tô màu vàng** vào các ô có **số đơn vị là 5**.

2

Viết vào chỗ chấm.

- Chục** hay **đơn vị**?

Các số trong cùng một cột có số giống nhau.

- Bé hơn** hay **lớn hơn**?

Trong cùng một hàng, số bên trái số bên phải.

Trong cùng một cột, số bên dưới số bên trên.

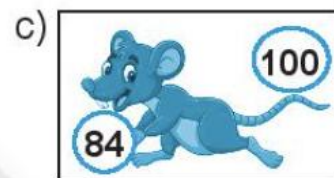
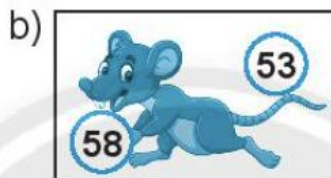
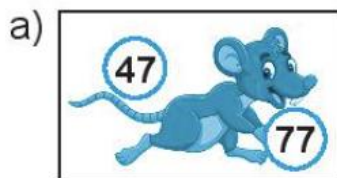
- Một** hay **một**?

Các số **41, 51, 61, 71, 81, 91** khi đọc kết thúc bởi tiếng

3 **Viết** vào chỗ chấm.

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
5	năm		sáu mươi tư
55			tám mươi mốt
37			một trăm

4 Đánh dấu (✓) vào số **lớn hơn**.

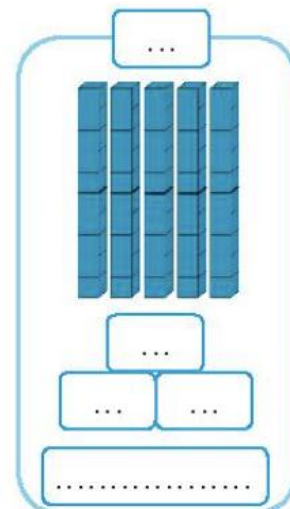
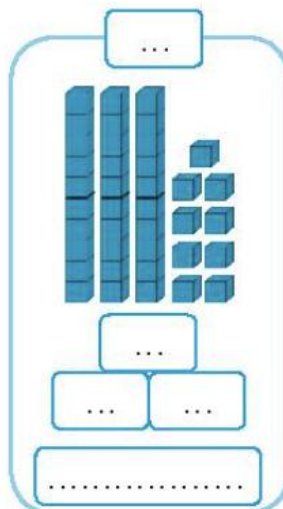
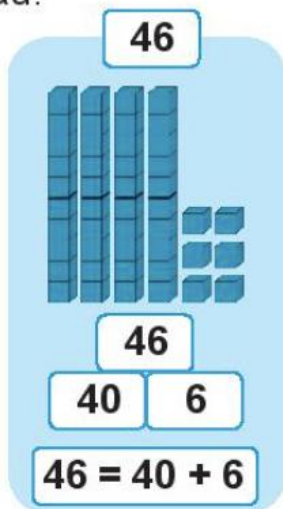


5 **Viết** các số **46, 64, 72, 27** theo thứ tự **từ bé đến lớn**.

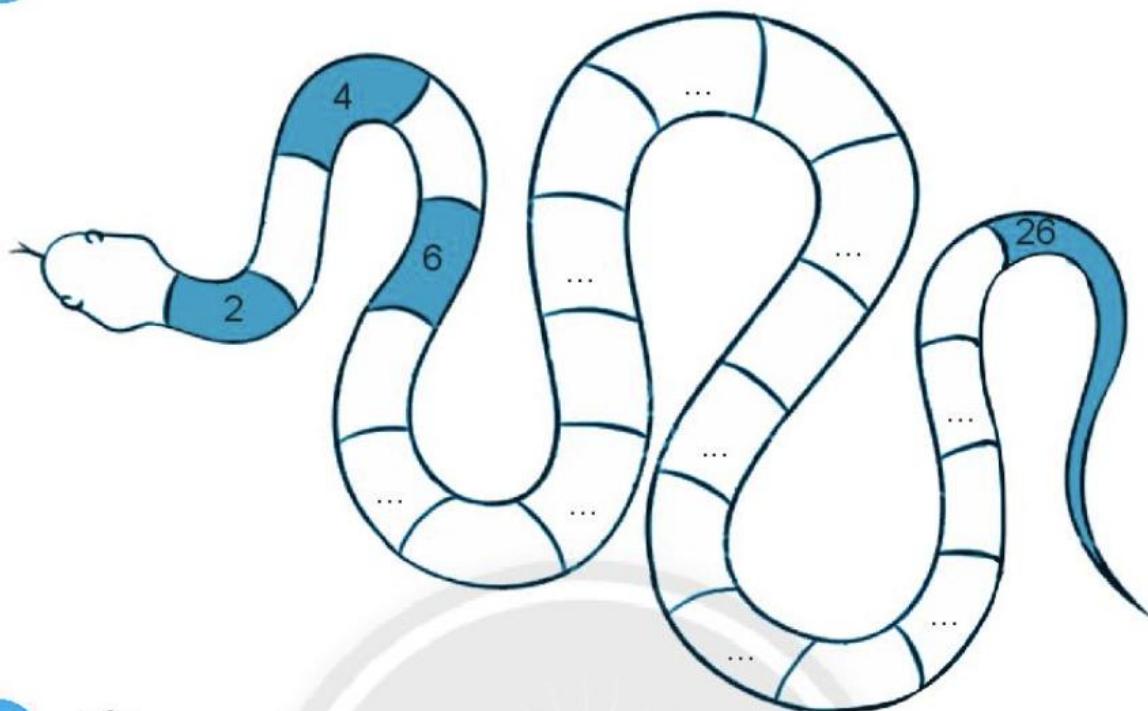


6 **Viết** theo mẫu.

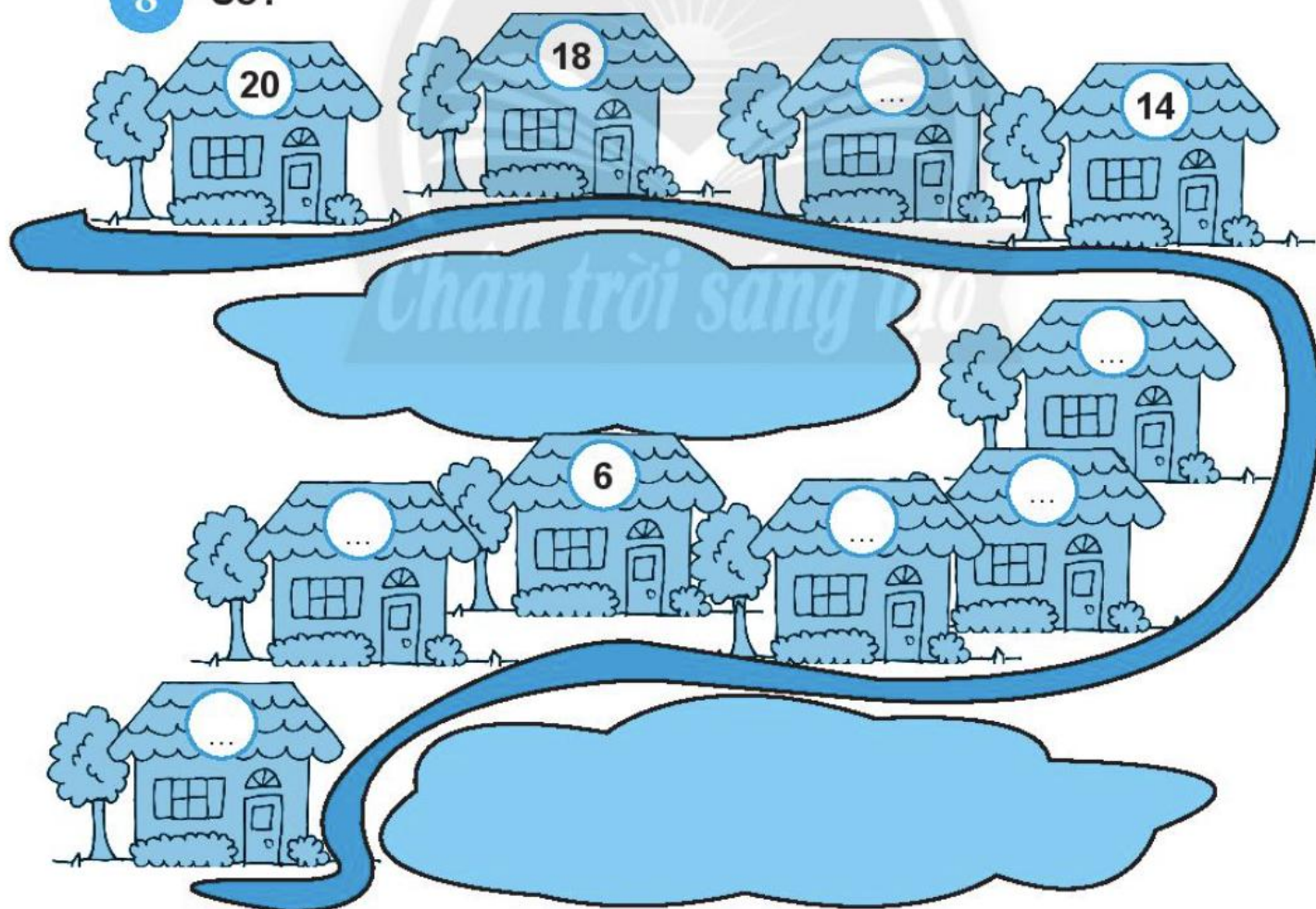
Mẫu:



7 **Viết số và tô màu** vào các ô có dấu chấm (theo mẫu).

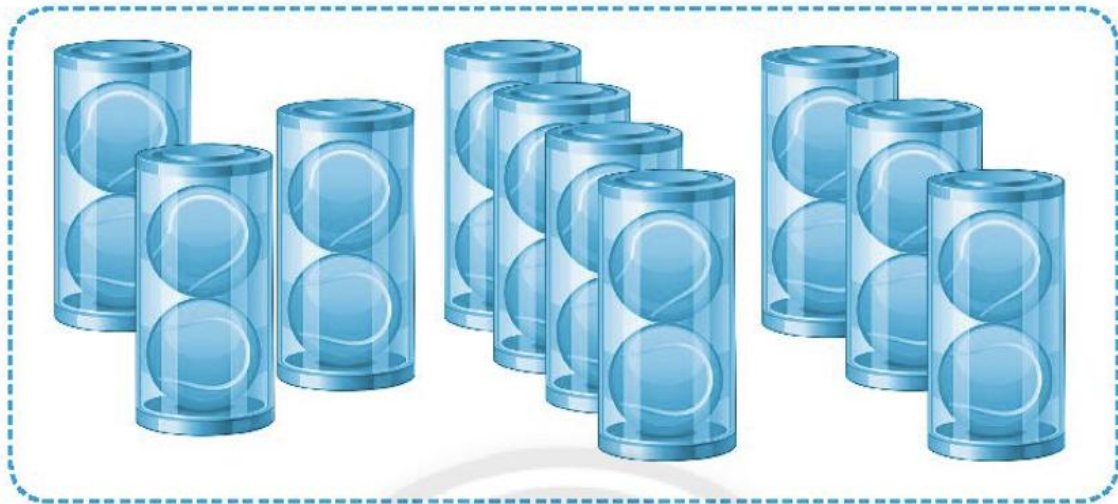


8 **Số?**



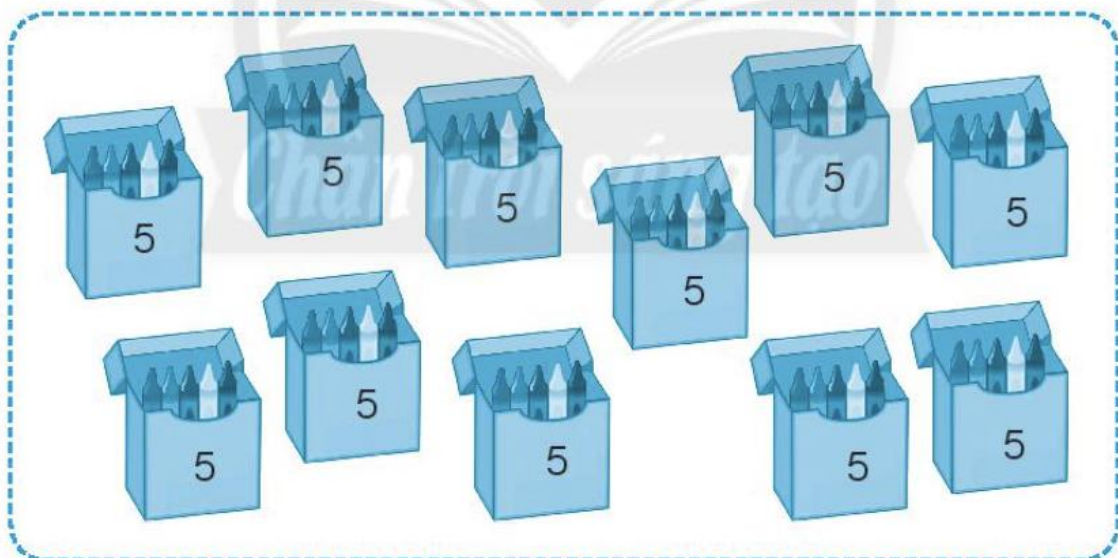
Đếm nhanh rồi **viết** vào chỗ chấm.

a)



Có quả bóng.

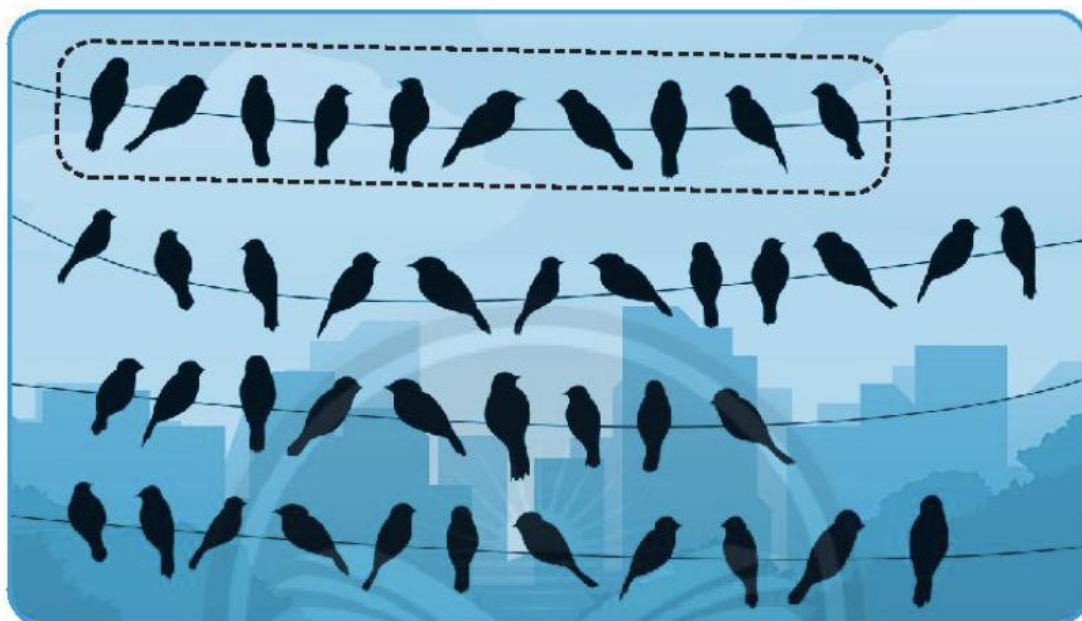
b)



Có cái bút sáp.

ƯỚC LƯỢNG

1 Viết số vào chỗ chấm.



a) Ước lượng.

- Các con chim xếp thành hàng ngang.
- Số con chim ở các hàng **gần bằng nhau**.
- Hàng đầu có con chim.
- Mỗi hàng có khoảng con chim.
- **Đếm** số con chim theo các hàng (đếm thêm 10):
10, 20,,
- Tất cả **có khoảng** con chim.

b) **Đếm** (đếm từng con chim).

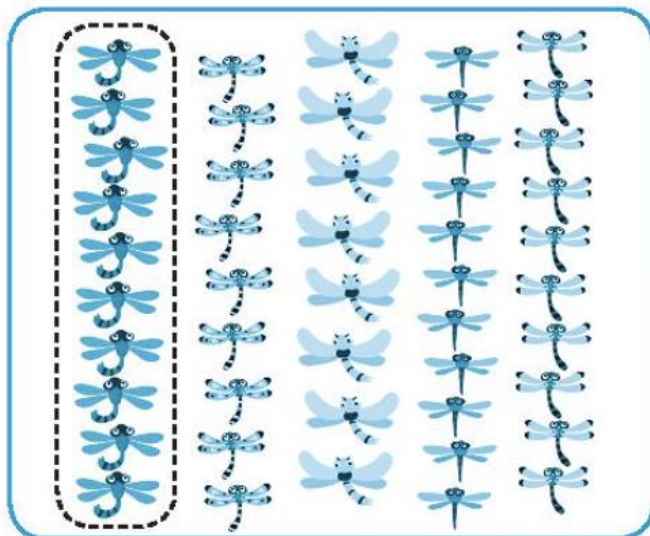
Có tất cả con chim.



Em đếm xem mỗi hàng
có bao nhiêu con.

Số?

2



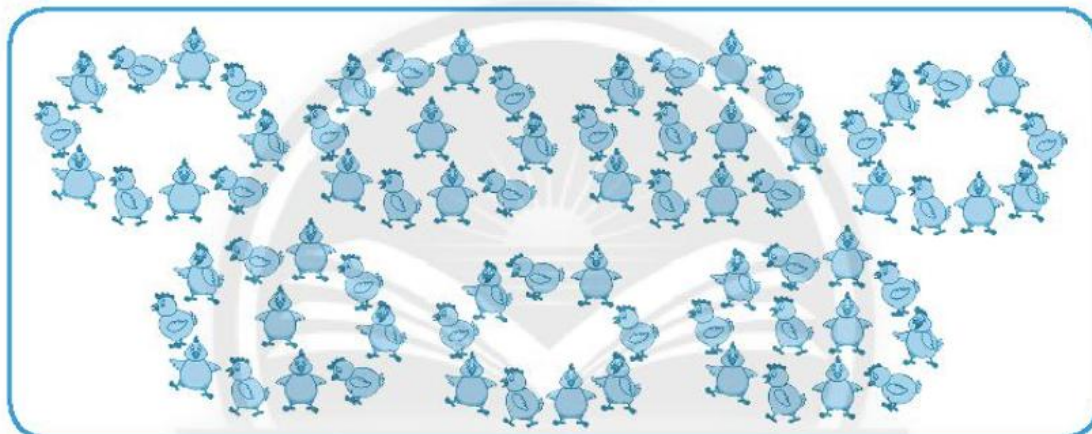
Ước lượng:

Có khoảng
con chuồn chuồn.

Đếm:

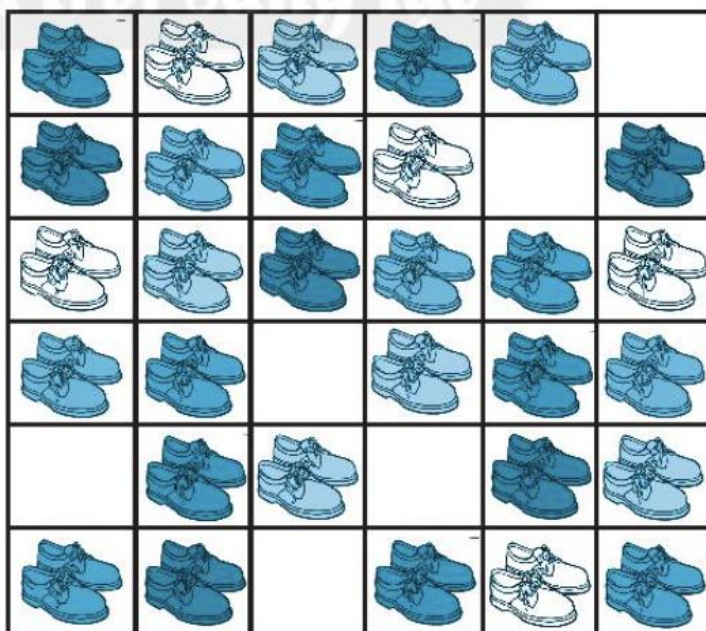
Có con
chuồn chuồn.

3



Ước lượng: Có khoảng con gà.

4



Ước lượng:

Có khoảng
đôi giày.

Đếm:

Có đôi giày.

SỐ HẠNG – TỔNG

1 Làm theo mẫu.

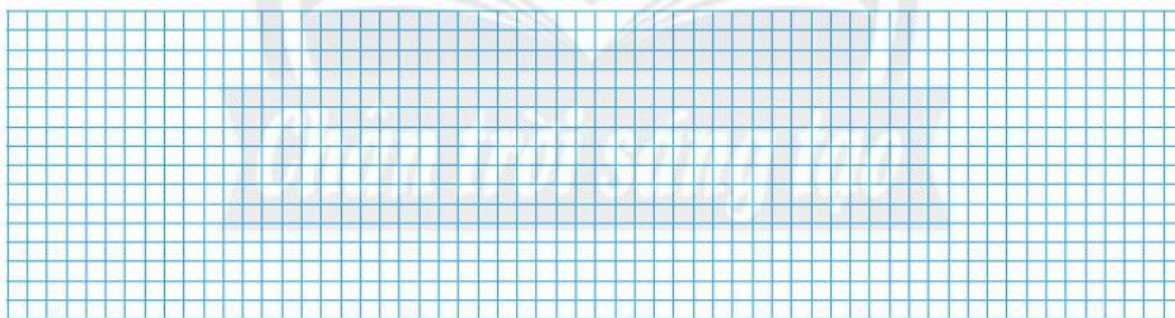
Tính	Các thành phần của phép tính	
	Số hạng	Tổng
$8 + 2 = 10$	8 và 2	10
$15 + 4 = \dots\dots$	$\dots\dots$	$\dots\dots$
$6 + 10 + 20 = \dots\dots$	$\dots\dots$	$\dots\dots$

2 Đặt tính rồi tính tổng.

$$24 + 63$$

$$11 + 76$$

$$52 + 4$$



3 Tô màu các ô như sau:

- Hai số có tổng là **16**: màu xanh da trời.
- Hai số có tổng là **9**: màu đỏ.
- Hai số có tổng là **44**: màu vàng.
- Hai số có tổng là **52**: màu tím.

4	23	0
6	9	22
40	30	10

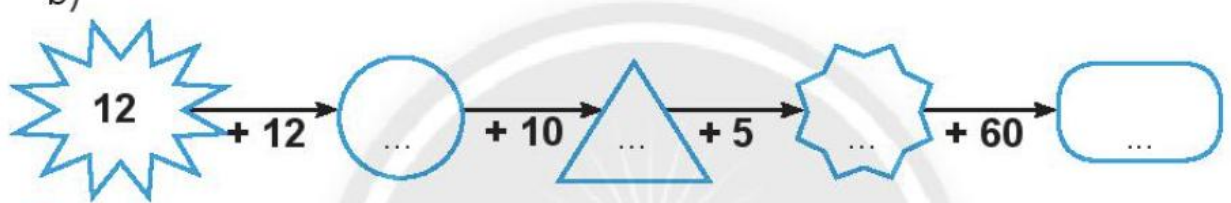
2

4 Số?

a)

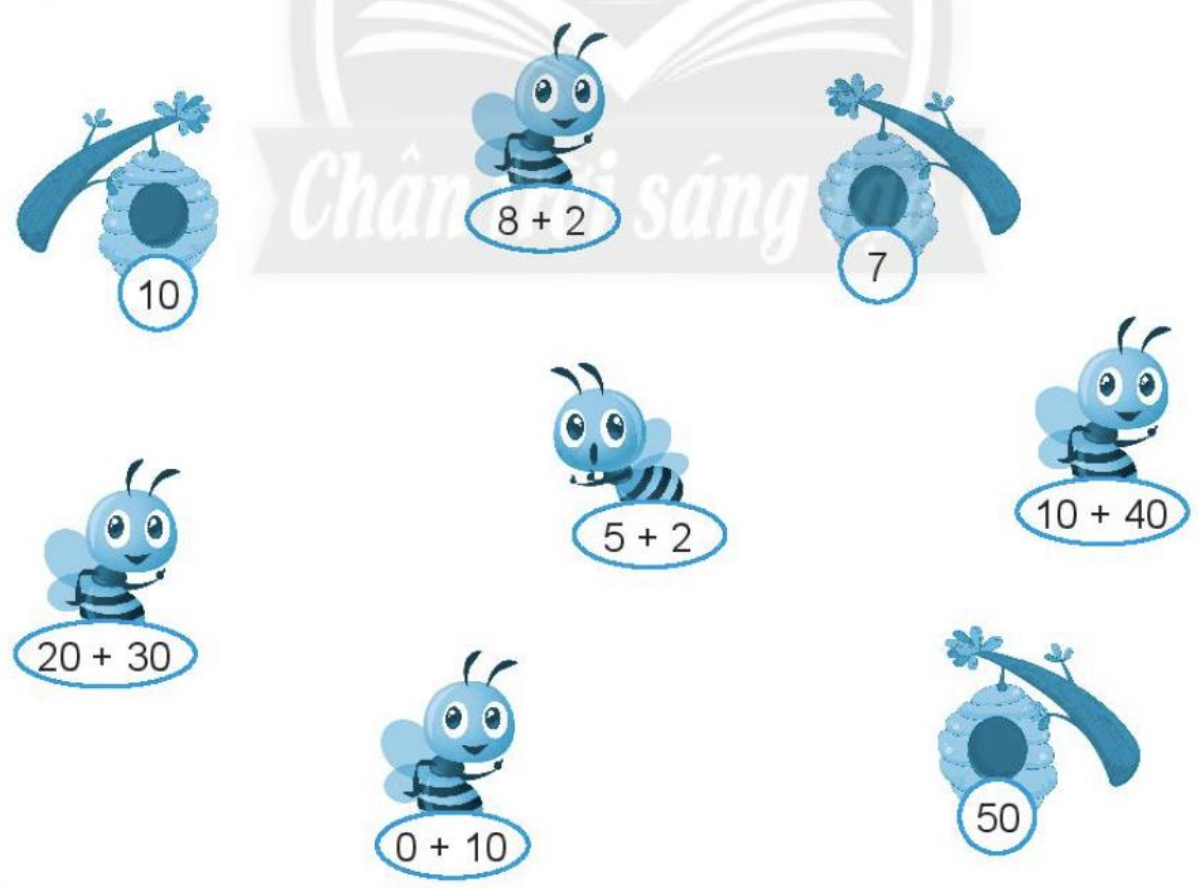
Số hạng	15	22	25	64	50	40
Số hạng	22	15	44	3	40	50
Tổng	37					

b)

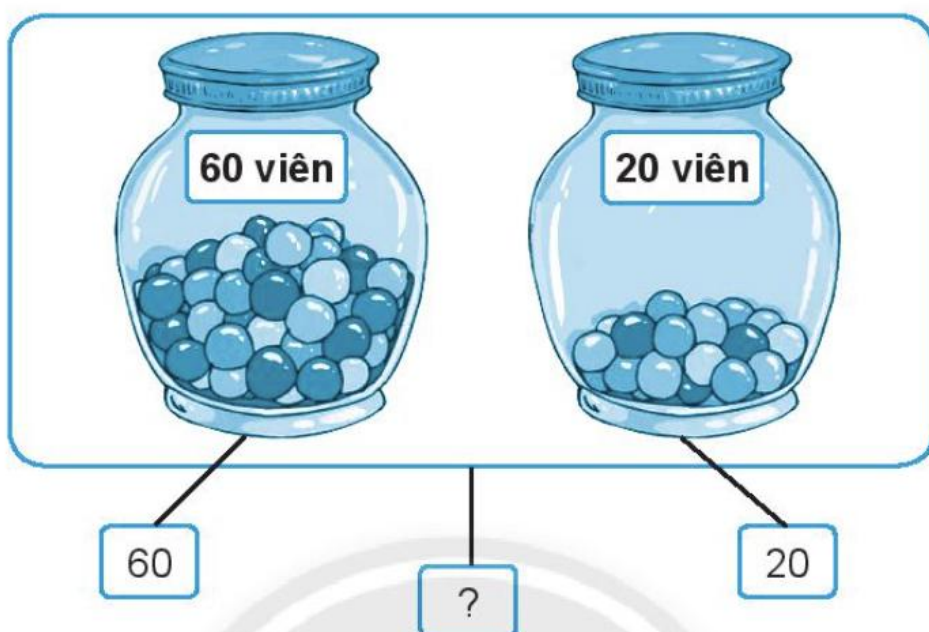


3

5 Nói phép tính với kết quả thích hợp để giúp ong về tổ.



6 **Viết** hai phép tính cộng theo tranh.



7 **Thử thách.**

Điền chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 5\boxed{} \\ \hline 86 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \boxed{}4 \\ + 31 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6\boxed{} \\ + 30 \\ \hline 98 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \boxed{}5 \\ + 3\boxed{} \\ \hline 67 \end{array}$$

SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ – HIỆU

1 Làm theo mẫu.

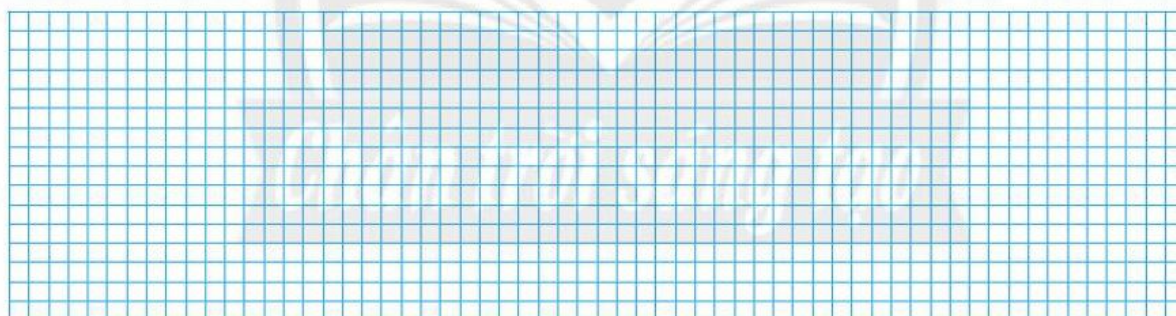
Tính	Các thành phần của phép tính		
	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
$14 - 4 = 10$	14	4	10
$63 - 41 = \dots$			
$28 - 17 = \dots$			
$35 - 30 = \dots$			

2 Đặt tính rồi tính hiệu.

$56 - 14$

$79 - 42$

$88 - 7$



3 Nối (theo mẫu).

$95 - 53 = \square$

$58 - 26 = \square$

22

32

42

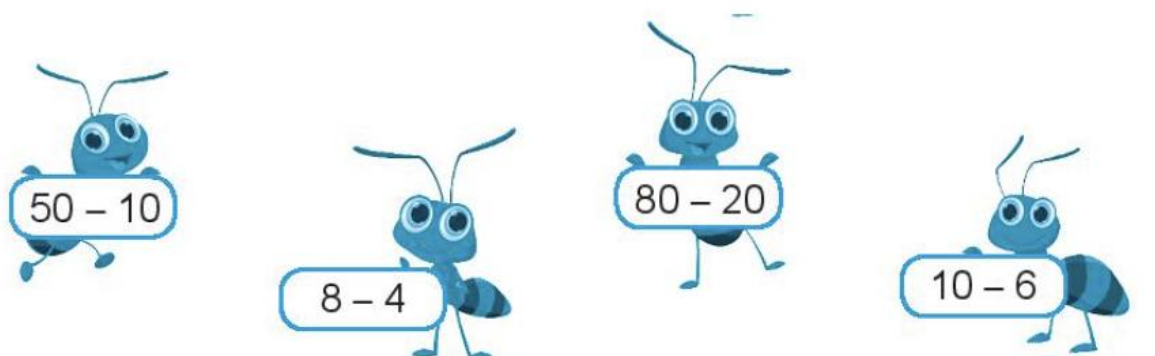
52

$43 - 21 = \square$

$92 - 40 = \square$

4

Nối các phép tính có kết quả bằng nhau để tìm tổ cho các bạn kiến.



5

Số?



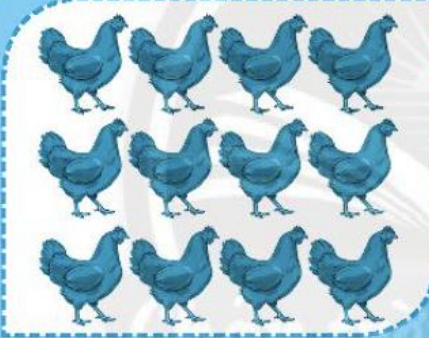
Số bị trừ	68	54	27	93	76
Số trừ	30	21	12	50	15
Hiệu	38				

6



7

a) **Số?**



b) **Viết** bốn phép tính theo tranh ở câu a.

A large grid of graph paper with a vertical margin line on the left side. The grid consists of 20 columns and 15 rows of small squares. The margin line is located between the first and second columns, leaving a narrow column on the left for writing.

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU

1 Quan sát tranh.



- a) **Tô màu** vào các ô dưới đây:
 Mỗi con chuột, tô một ô màu đỏ.
 Mỗi con mèo, tô một ô màu xanh.

Chuột

--	--	--	--	--	--

Mèo

--	--	--	--	--	--

- b) **Nhiều hơn** hay **ít hơn**?

Số con chuột số con mèo.

Số con mèo số con chuột.

- c) Có **4** con mèo và **6** con chuột.

Hỏi số chuột nhiều hơn số mèo là bao nhiêu con?

(Hỏi số mèo ít hơn số chuột là bao nhiêu con?)

--	--	--	--	--

Trả lời: Số chuột nhiều hơn số mèo là con.

(Số mèo ít hơn số chuột là con)

2

Quan sát tranh.



Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

A. Số con cò nhiều hơn số con cá là **2** con.

☐

B. Số con cò ít hơn số con cá là **2** con.

☐

C. Số con cá nhiều hơn số con cò là **2** con.

☐

3

Cho hai băng giấy sau.



a) **Đo** đội dài mỗi băng giấy rồi **viết** vào chỗ chấm.

Băng giấy xanh dài cm.

Băng giấy trắng dài cm.

b) Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

A. Băng giấy xanh dài hơn băng giấy trắng **3** cm.

B. Băng giấy xanh dài hơn băng giấy trắng **17** cm.

4

Ngăn trên có **20** quyển sách, ngăn dưới có **35** quyển sách. Hỏi ngăn trên có ít hơn ngăn dưới bao nhiêu quyển sách?

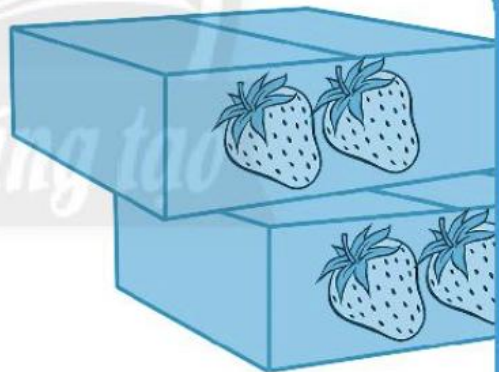


--	--	--	--	--

Trả lời: Ngăn trên có ít hơn ngăn dưới quyển sách.

5

Ở một siêu thị, ngày thứ nhất bán được **58** thùng dâu, ngày thứ hai bán được **30** thùng dâu. Hỏi cả hai ngày siêu thị đó bán được bao nhiêu thùng dâu?

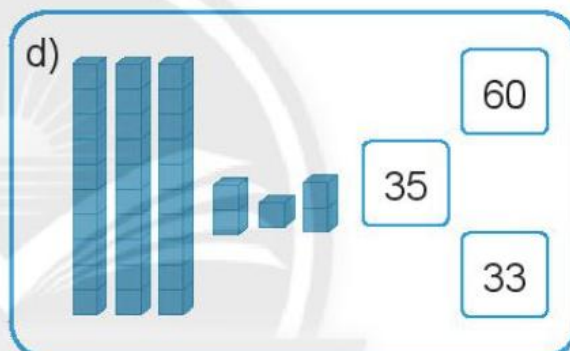
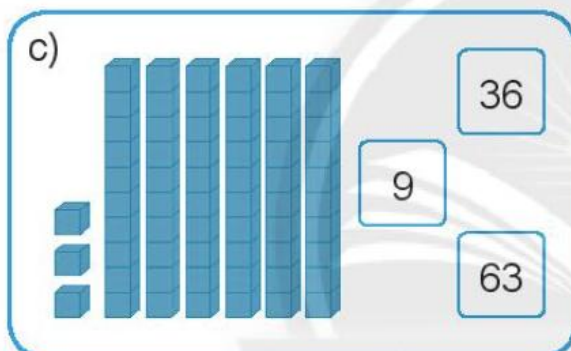
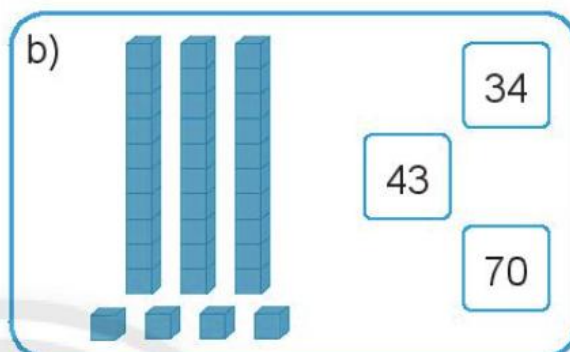
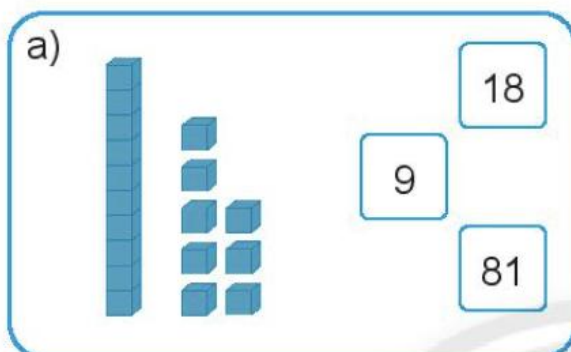


--	--	--	--	--

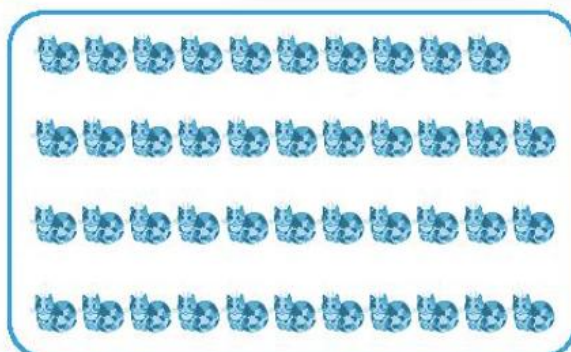
Trả lời: Cả hai ngày siêu thị đó bán được thùng dâu.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

- 1 Đánh dấu (✓) vào số phù hợp với hình.
Có bao nhiêu khối lập phương?

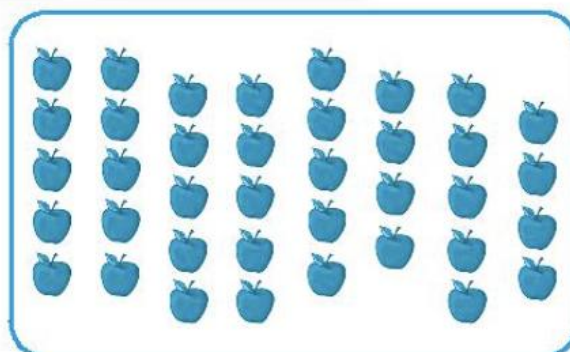


- 2 Số?



Ước lượng: Có khoảng
con mèo.

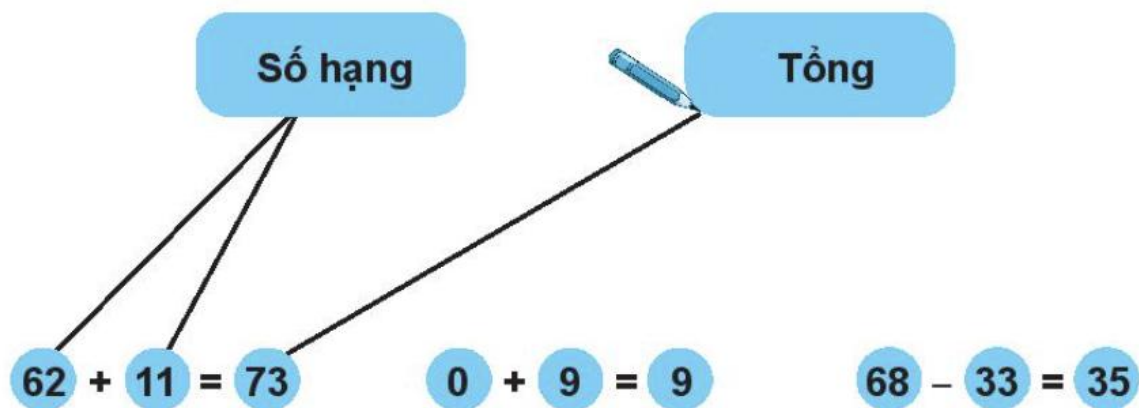
Đếm: Có con mèo.



Ước lượng: Có khoảng
quả táo.

Đếm: Có quả táo.

- 3 **Nối** mỗi số với tên gọi các thành phần của phép tính (theo mẫu).



Số bị trừ

Số trừ

Hiệu

- 4 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**. Làm lại các phép tính sai.

85

+

12

97

☐

7

+

20

90

☐

69

-

27

49

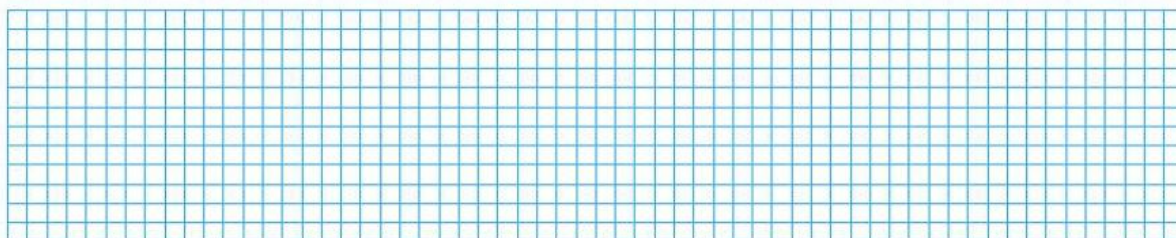
☐

48

-

30

78

☐


5

>

9 29

9 29

<

60 + 8 8 + 60

74 - 24 74 + 24

=

- 6 Nói hai số có **tổng bằng 80** để giúp chim mẹ tìm con.



7

Mai sưu tầm được **45** con tem, Lê sưu tầm được **15** con tem. Hỏi Mai sưu tầm được nhiều hơn Lê bao nhiêu con tem?

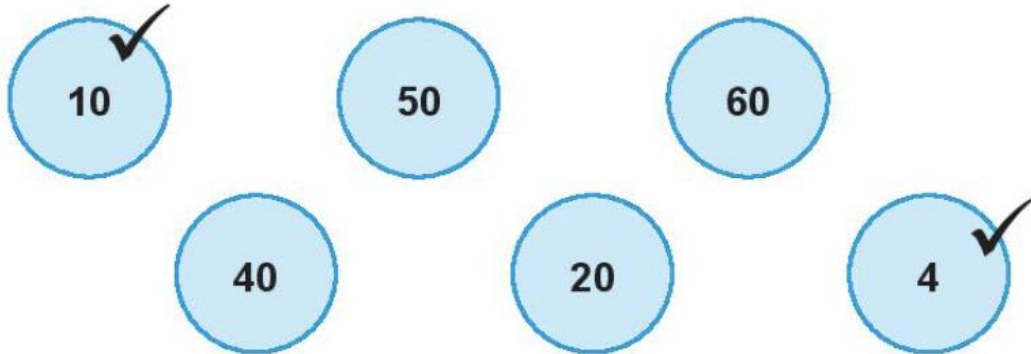
--	--	--	--	--



Trả lời: Mai sưu tầm được nhiều hơn Lê con tem.

8 Vui học.

Quan sát các số sau.



Chọn hai số thích hợp viết vào nhị hoa rồi viết 4 phép tính theo mẫu.

Mẫu:

$10 + 4 = 14$
 $4 + 10 = 14$
 $14 - 4 = 10$
 $14 - 10 = 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐIỂM – ĐOẠN THẲNG

1

a) Dùng thước thẳng **nối các điểm** để có:

- Các đoạn thẳng AB, BC, CD, DA.
- Các đoạn thẳng AE, EB.
- Các đoạn thẳng IK, KL, LM.

E

A

B

b) Em **tô màu** chuồng chim.

- Hình vuông: màu vàng.
- Hình tam giác: màu đỏ.
- Hình chữ nhật: màu xanh dương.



D

I

M

C

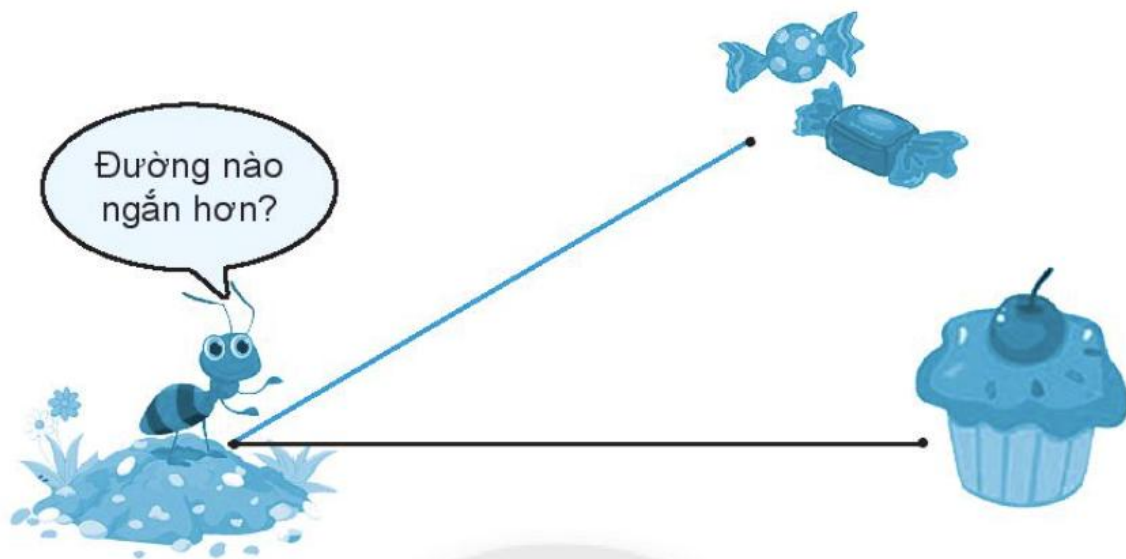
K

L

2

Dùng thước thẳng **vẽ đoạn thẳng** MN dài 6 cm.

3 Ước lượng rồi đo.



a) **Ước lượng** (đánh dấu (✓) vào ý kiến đúng).

Đường đi màu đen ngắn hơn.

Đường đi màu đen và màu xanh dài bằng nhau.

Đường đi màu xanh ngắn hơn.

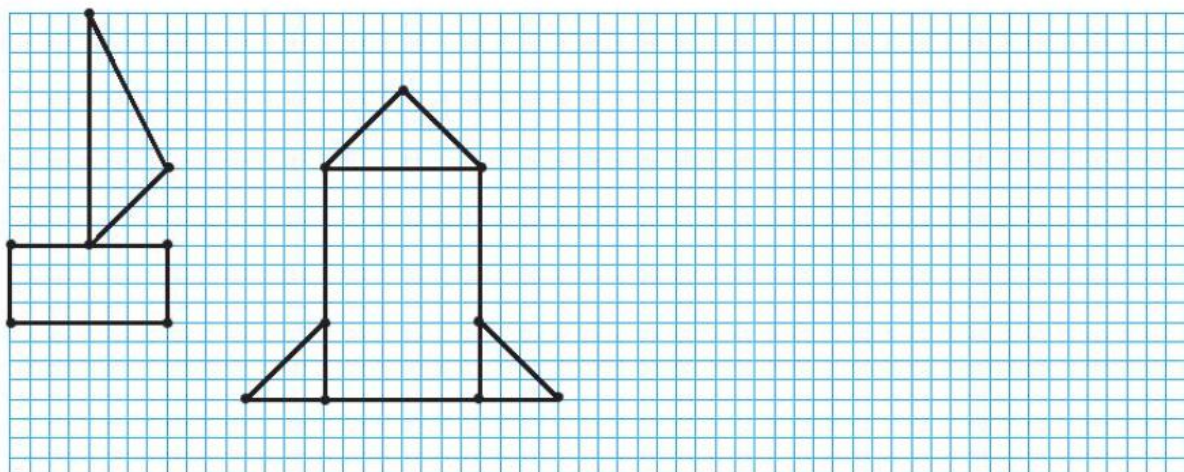
☐
☐
☐

b) **Đo** rồi **viết** số vào chỗ chấm.

– Đường màu xanh dài cm.

– Đường màu đen dài cm.

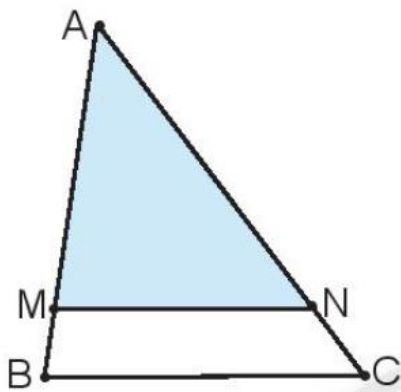
4 Vẽ (theo mẫu).



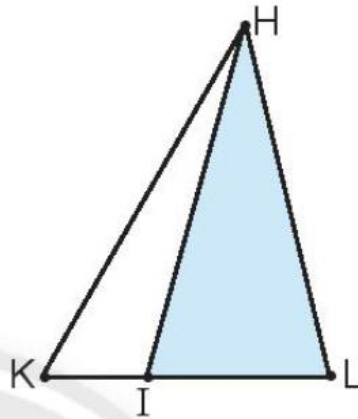
5

a) **Số?**

Mỗi hình sau **có bao nhiêu hình tam giác?**

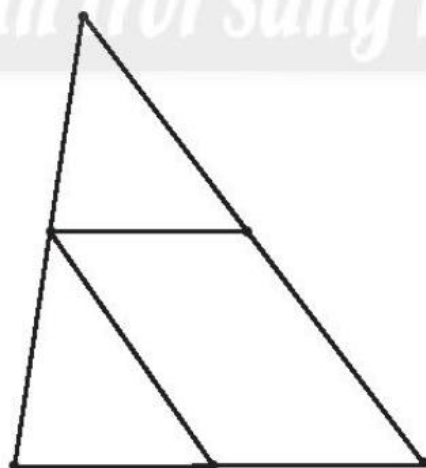


Có hình tam giác.



Có hình tam giác.

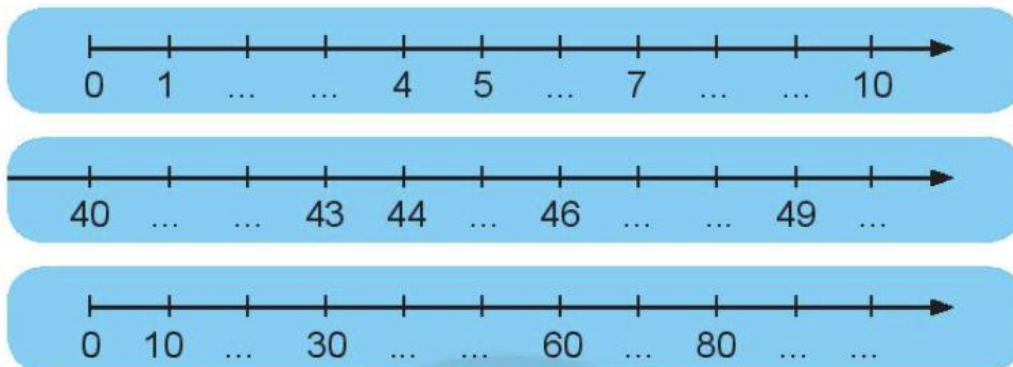
b) **Vẽ thêm 1 đoạn thẳng để có 5 hình tam giác.**



Chân trời sáng tạo

TIA SỐ – SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU

1 Quan sát các tia số sau.



- Viết** số thích hợp vào chỗ chấm ở các tia số trên.
- Khoanh** vào số liền trước của các số: **3**; **5**; **8**.
- Khoanh** vào số liền sau của các số: **49**; **43**; **40**.

2 Quan sát ba tia số ở bài 1.

- Bé hơn** hay **lớn hơn**?

Trên các tia số này, số bên phải số bên trái.

- Dựa vào tia số để so sánh** các số.

>	1 9	20 100	47 42
<	7 6	30 30	46 48
=			

3

- Viết số liền sau.**



b) **Viết số liền trước.**



4

46, 47, 48 là ba số liền tiếp.



Viết **số** vào chỗ chấm để có ba số **liền tiếp**.



5

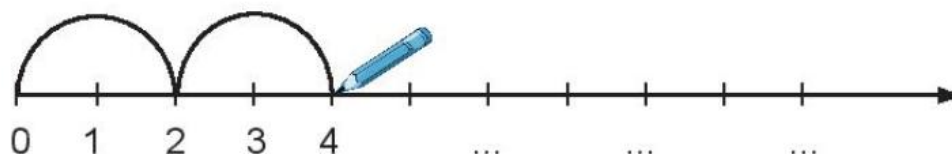
Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



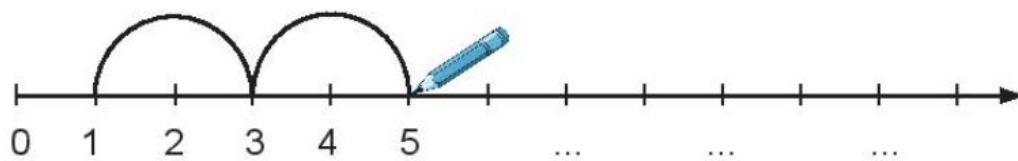
6

Đếm thêm 2 (vẽ theo mẫu, **viết số** vào chỗ chấm).

a)

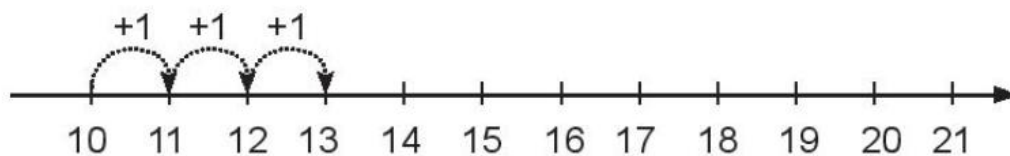


b)



7 Dựa vào tia số, **tìm kết quả** của phép tính.

a) **Đếm thêm.**

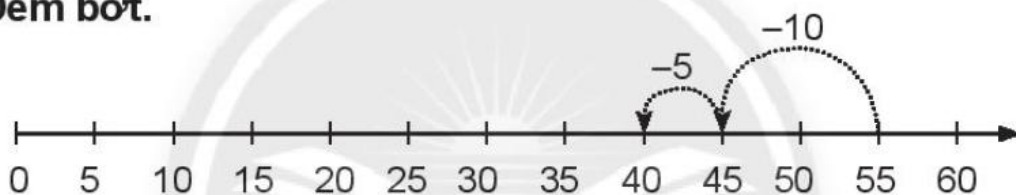


$$10 + 3 = 13$$

$$14 + 2 = \dots$$

$$16 + 2 + 1 = \dots$$

b) **Đếm bớt.**



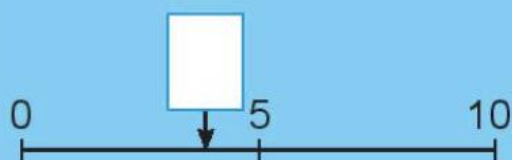
$$55 - 10 - 5 = 40$$

$$35 - 5 - 5 = \dots$$

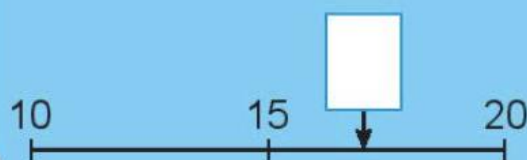
$$20 - 10 - 10 = \dots$$

8 **Viết số** thích hợp vào ô trống.

a) **4** hay **6**?



b) **13** hay **17**?



c) **29, 21, 35, 48** hay **42**?



9 Vui học.

Số nhà của mỗi bạn là số nào?

Số nhà của tớ là số lớn nhất có hai chữ số.



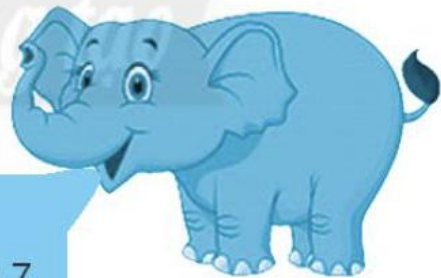
Số nhà của tớ là số bé nhất có hai chữ số.

Số nhà của tớ là số liền sau của 99.



Chân trời sáng tạo

Số nhà của tớ là số gồm hai chữ số 4 và 7, số này lớn hơn 70.



Số nhà của Hươu Cao Cổ là

Số nhà của Khỉ là

Số nhà của Đà Điểu là

Số nhà của Voi là

ĐỀ-XI-MÉT

1 Viết.

dm	dm
dm	
5 dm	
16 dm	

2 Viết vào chỗ chấm.



a) **Dài hơn, ngắn hơn hay bằng?**

- Ngón trỏ **1** dm.
- Bàn tay **1** dm.
- Gang tay **1** dm.
- Sải tay **10** dm.
- Bước chân **5** dm.

b) **cm hay dm?**

- Ngón trỏ dài khoảng: **5**
- Gang tay dài khoảng: **15**
- Bàn tay dài khoảng: **1**

- Sải tay dài khoảng: **12**
- Bước chân dài khoảng: **4**

c) **Đo** rồi **viết số** vào chỗ chấm.

- Ngón trỏ dài khoảng cm.
- Bàn tay dài khoảng cm.
- Bước chân dài khoảng cm.
- Gang tay dài khoảng cm.
- Sải tay dài khoảng dm.

3 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

$1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$

☐

$10 \text{ cm} > 1 \text{ dm}$

☐

$8 \text{ dm} < 82 \text{ cm}$

☐

$50 \text{ cm} = 5 \text{ dm}$

☐

$3 \text{ dm} > 30 \text{ cm}$

☐

$47 \text{ cm} < 7 \text{ dm}$

☐

4 **Tính:**

$8 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$10 \text{ dm} + 7 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

$29 \text{ cm} - 17 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$33 \text{ dm} - 21 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

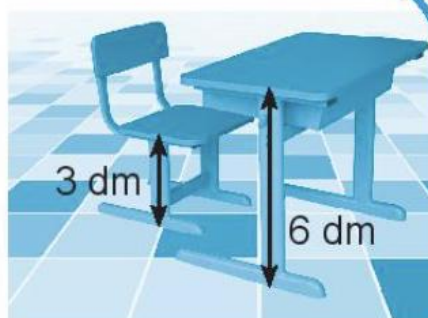
$33 \text{ cm} - 10 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$44 \text{ dm} + 55 \text{ dm} - 68 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

5

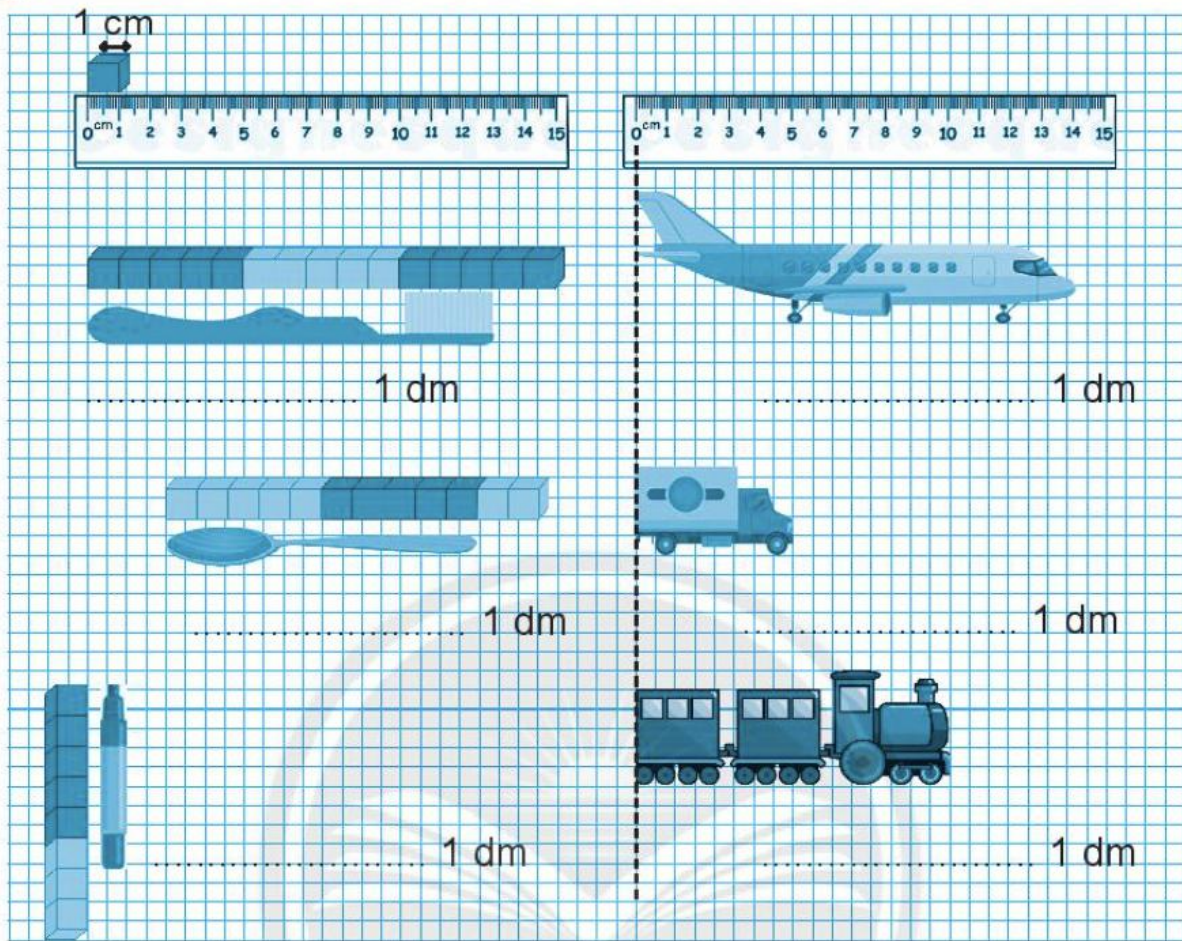
Bộ bàn ghế học sinh có kích thước đo được như hình bên. Hỏi mặt bàn cao hơn mặt ghế mấy đề-xi-mét?

--	--	--	--	--

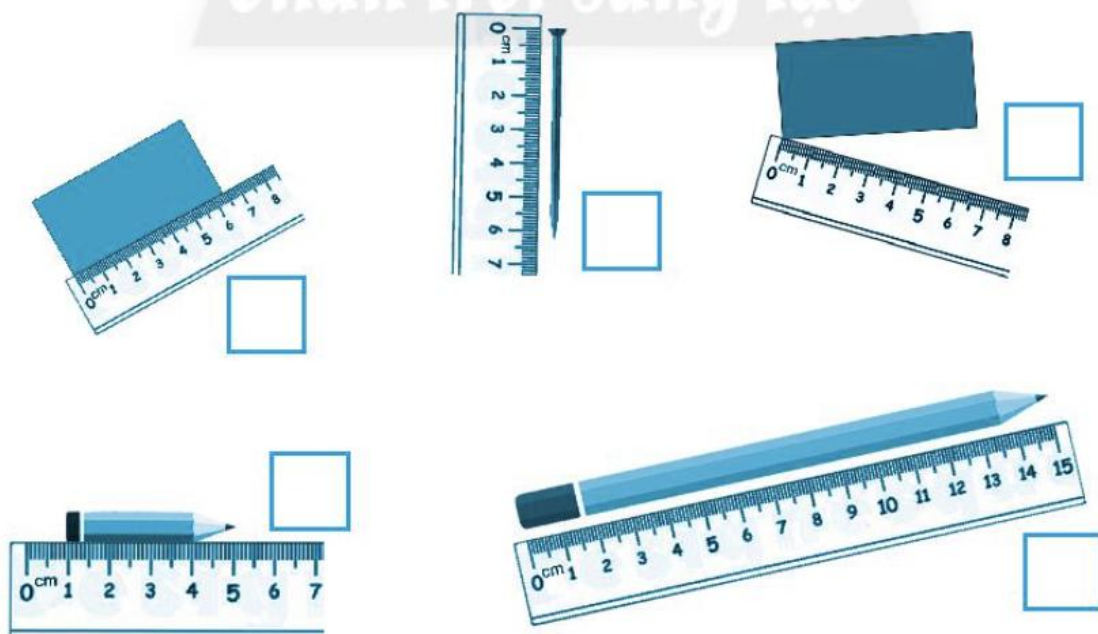


Trả lời: Mặt bàn cao hơn mặt ghế

6 **Dài hơn, ngắn hơn hay dài bằng?**



7 **Đánh dấu (✓) vào cách đặt thước đúng để đo các đồ vật.**



8

Ước lượng rồi đo các đồ vật trong lớp.

Đồ vật	Ước lượng	Đo
Bàn học của em 	khoảng gang tay	 dm
Bảng lớp 	khoảng sải tay	 dm
Cửa lớp 	khoảng bước chân	 dm

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 **Viết** vào chỗ chấm (theo mẫu).

Viết số	Đọc số
70	bảy mươi
61	
45	

Viết số	Đọc số
32	ba mươi hai
.....	mười một
.....	tám mươi mốt

2 **Tô màu** hồng vào ô số lớn nhất, màu xanh vào ô số bé nhất rồi viết các số theo thứ tự **từ bé đến lớn** vào các ô bên dưới.

a)



b)



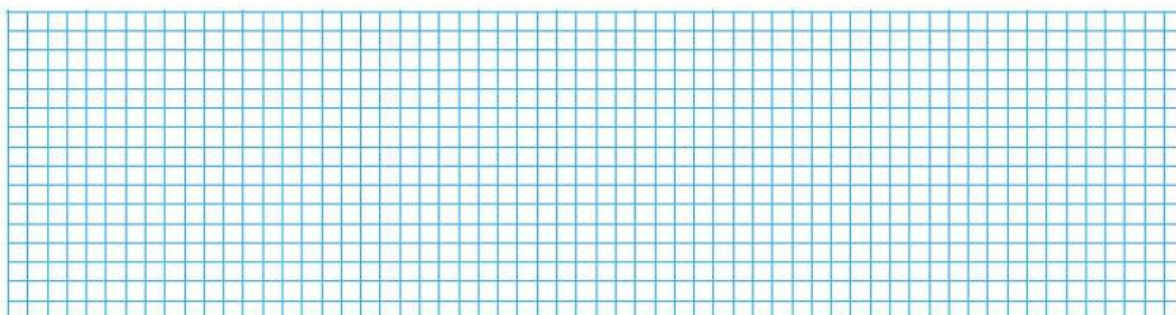
3 **Đặt tính** rồi **tính**.

$$48 + 21$$

$$72 + 6$$

$$97 - 45$$

$$38 - 7$$



- 4 **Vẽ** kim giờ còn thiếu và **viết số** thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

1 giờ trước	Hiện tại
 8 giờ	 9 giờ
 giờ	 giờ
 giờ	 giờ

- 5 **Viết** tên đoạn thẳng vào chỗ chấm.



Đoạn thẳng



Đoạn thẳng

6 Tính rồi **sắp xếp** các kết quả theo thứ tự **từ lớn đến bé**.

$$7 \text{ dm} + 0 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

$$8 \text{ dm} - 2 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

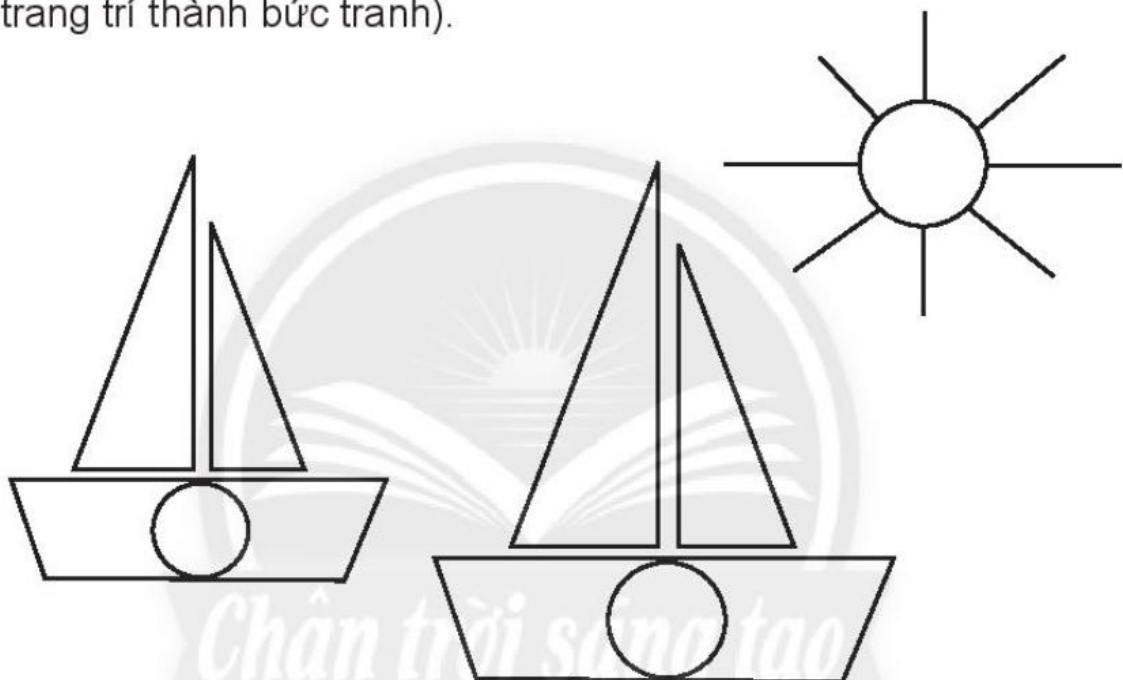
$$70 \text{ dm} - 30 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

$$90 \text{ dm} - 40 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

..... dm, dm, dm, dm.

7 Tô màu.

Tô hình tròn màu đỏ, hình tam giác màu vàng (có thể tô thêm màu và trang trí thành bức tranh).



8

Có **23** con bọ rùa đang đậu trên những bông hoa, thêm **15** con bay đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con bọ rùa?

--	--	--	--	--

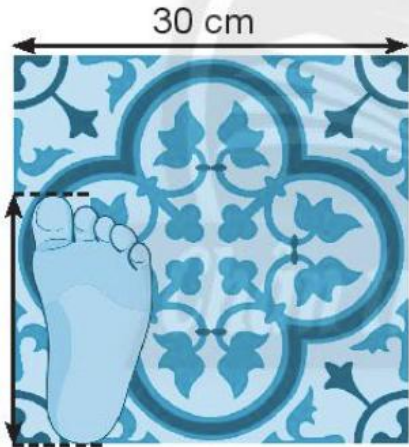
Trả lời: Có tất cả con bọ rùa.



9

Vui học.

Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Vật cần đo	Ước lượng	Đo
	khoảng 3 dm ☐	45 cm ☐
	khoảng 2 dm ☐	18 cm ☐
	khoảng 3 gang tay ☐	5 dm ☐

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

- 1 Em hãy viết tên một vài loại cây có trong trường mà em đã quan sát.

- 2 **Điền từ** thích hợp vào chỗ chấm dựa vào kết quả ở bài 1.

a) **Cao hơn** hay **thấp hơn** (xem ví dụ mẫu)?

Cây	Chiều cao của cây so với chiều cao của em	Chiều cao của cây so với chiều cao của cột cờ
Phượng	cao hơn	thấp hơn
.....		
.....		

b) **So sánh** chiều cao của cây.

Viết vào chỗ chấm.

Cây cao hơn cây

Cây thấp hơn cây

Cây cao nhất.

Cây thấp nhất.



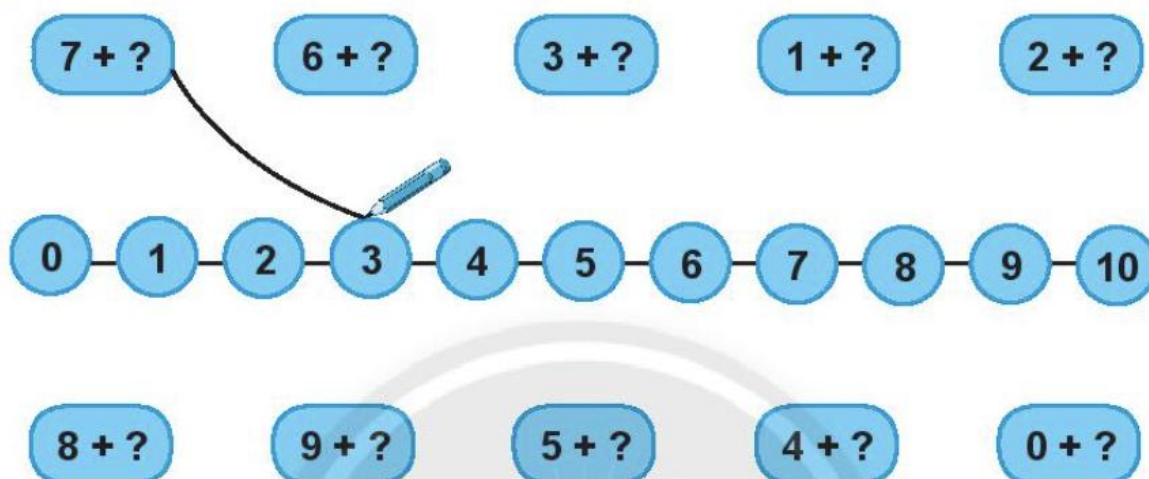
2. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ QUA 10 TRONG PHẠM VI 20



Chân trời sáng tạo

PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10

1 **Nói** (theo mẫu) để mỗi tổng đều bằng 10.



2 **Tính:**

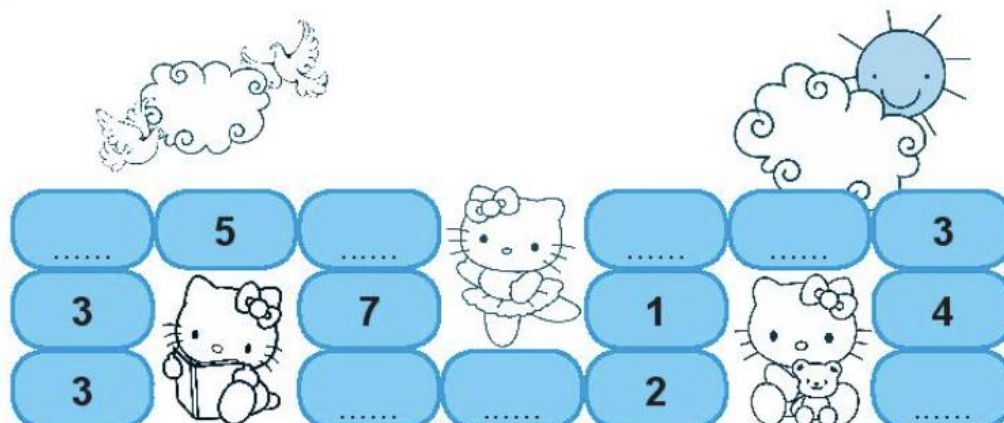
a) $4 + 6 + 5 = \dots\dots\dots$

b) $3 + 7 + 6 = \dots\dots\dots$

c) $1 + 9 + 8 = \dots\dots\dots$

d) $8 + 2 + 3 = \dots\dots\dots$

3 **Tìm số**, biết ba số theo hàng ngang hay cột dọc đều có tổng là 10.



9 CỘNG VỚI MỘT SỐ

1 **Viết số** vào chỗ chấm.

$$9 + 5$$



Gộp cho đủ chục rồi cộng 10 với số còn lại.

Tách ... ở số sau.

2 **Tính nhẩm.**

$9 + 7 = \dots\dots$

$9 + 3 = \dots\dots$

$9 + 5 = \dots\dots$

$9 + 2 = \dots\dots$

$9 + 8 = \dots\dots$

$9 + 9 = \dots\dots$

$9 + 6 = \dots\dots$

$9 + 4 = \dots\dots$

$9 + 1 = \dots\dots$

3 **Quan sát các phép tính sau.**

$$9 + 4 = 13$$

$$9 + 7 = 16$$

(Bớt 1 ở số sau ta được số đơn vị ở kết quả).

Viết số vào chỗ chấm.

$$9 + 6 = 1\dots$$

$$9 + 9 = 1\dots$$

$$9 + 8 = 1\dots$$

4

Vui học.

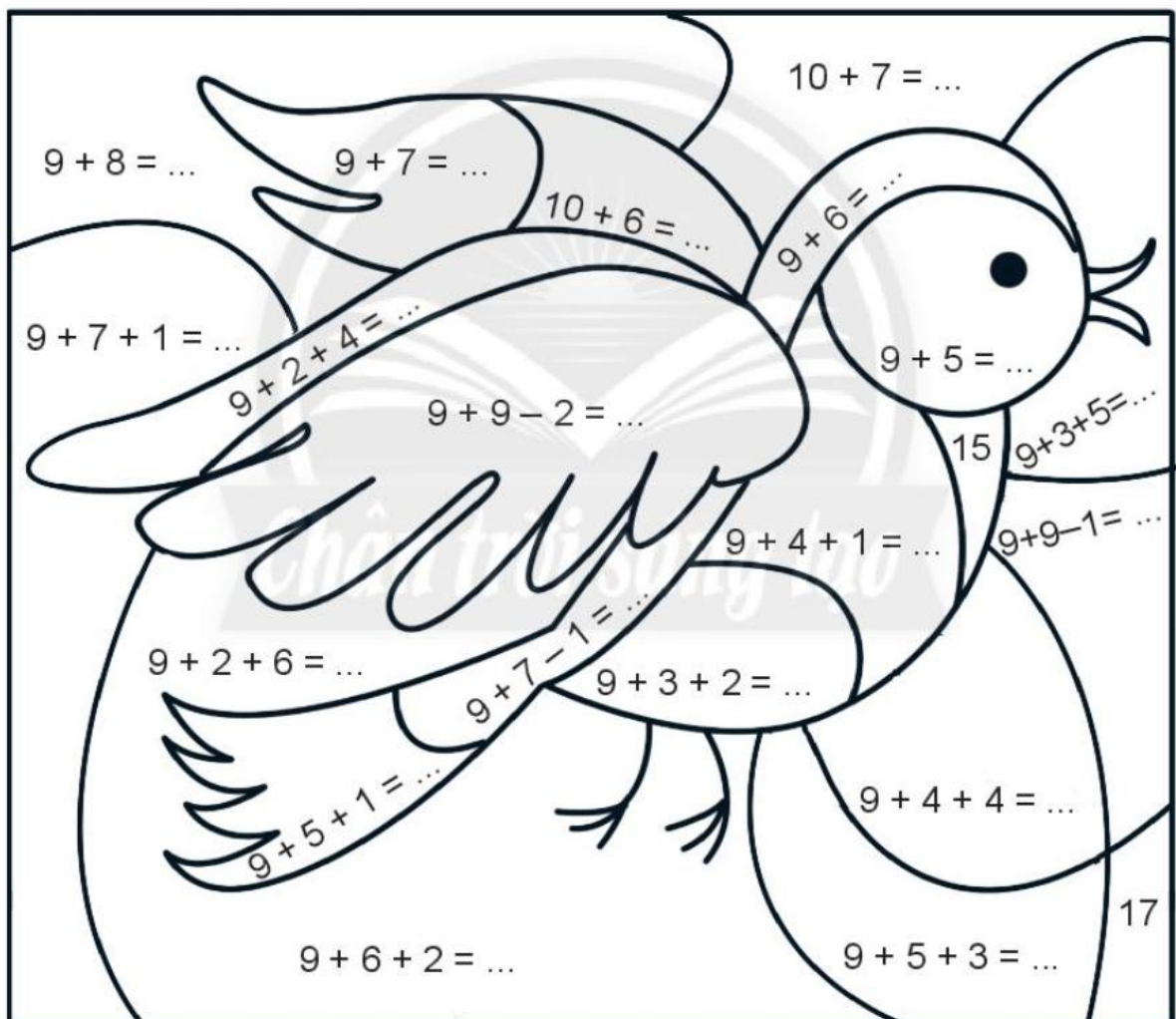
Tô màu theo kết quả phép tính.

Kết quả là: **14** màu vàng

15 màu đỏ

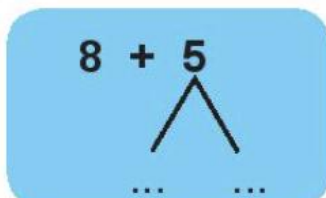
16 màu xanh lá

17 màu xanh dương



8 CỘNG VỚI MỘT SỐ

1 **Viết** vào chỗ chấm.



Gộp cho đủ rồi với số còn lại.

Tách ... ở số sau.

2 **Tính nhẩm.**

$8 + 7 = \dots\dots$

$8 + 3 = \dots\dots$

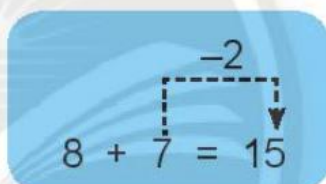
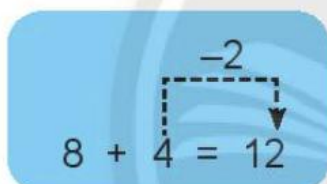
$8 + 5 = \dots\dots$

$8 + 6 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots\dots$

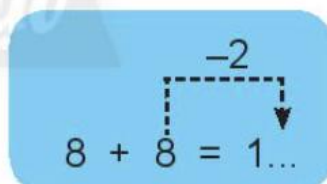
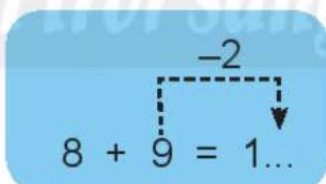
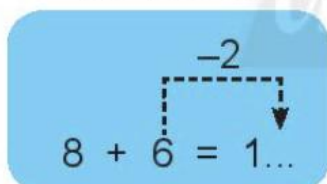
$8 + 9 = \dots\dots$

3 **Quan sát** các phép tính sau.



(Bớt 2 ở số sau ta được số đơn vị ở kết quả).

Viết số vào chỗ chấm.



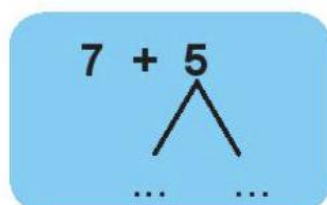
4 **Nối** mỗi bảng với con vật các bạn nuôi.



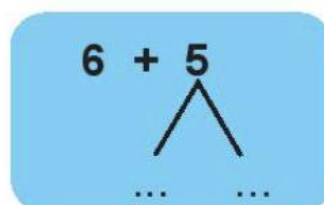
7 CỘNG VỚI MỘT SỐ, 6 CỘNG VỚI MỘT SỐ

1 **Viết** vào chỗ chấm.

Gộp cho đủ rồi với số còn lại.



Tách ... ở số sau.



Tách ... ở số sau.

2 **Tính nhẩm.**

$$7 + 6 = \dots\dots$$

$$6 + 6 = \dots\dots$$

$$7 + 8 = \dots\dots$$

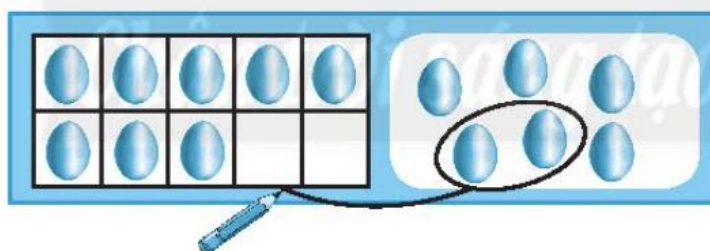
$$7 + 4 = \dots\dots$$

$$6 + 5 = \dots\dots$$

$$6 + 9 = \dots\dots$$

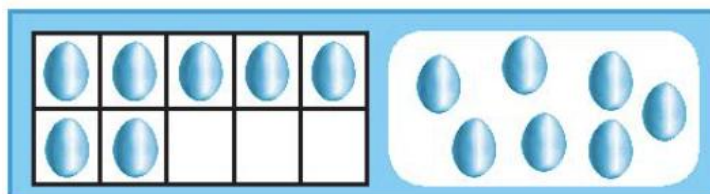
3 **Làm theo mẫu.**

Mẫu:



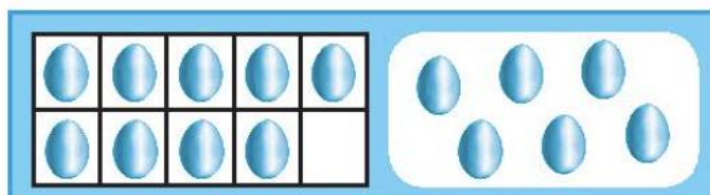
$$8 + 6 = 14$$

a)



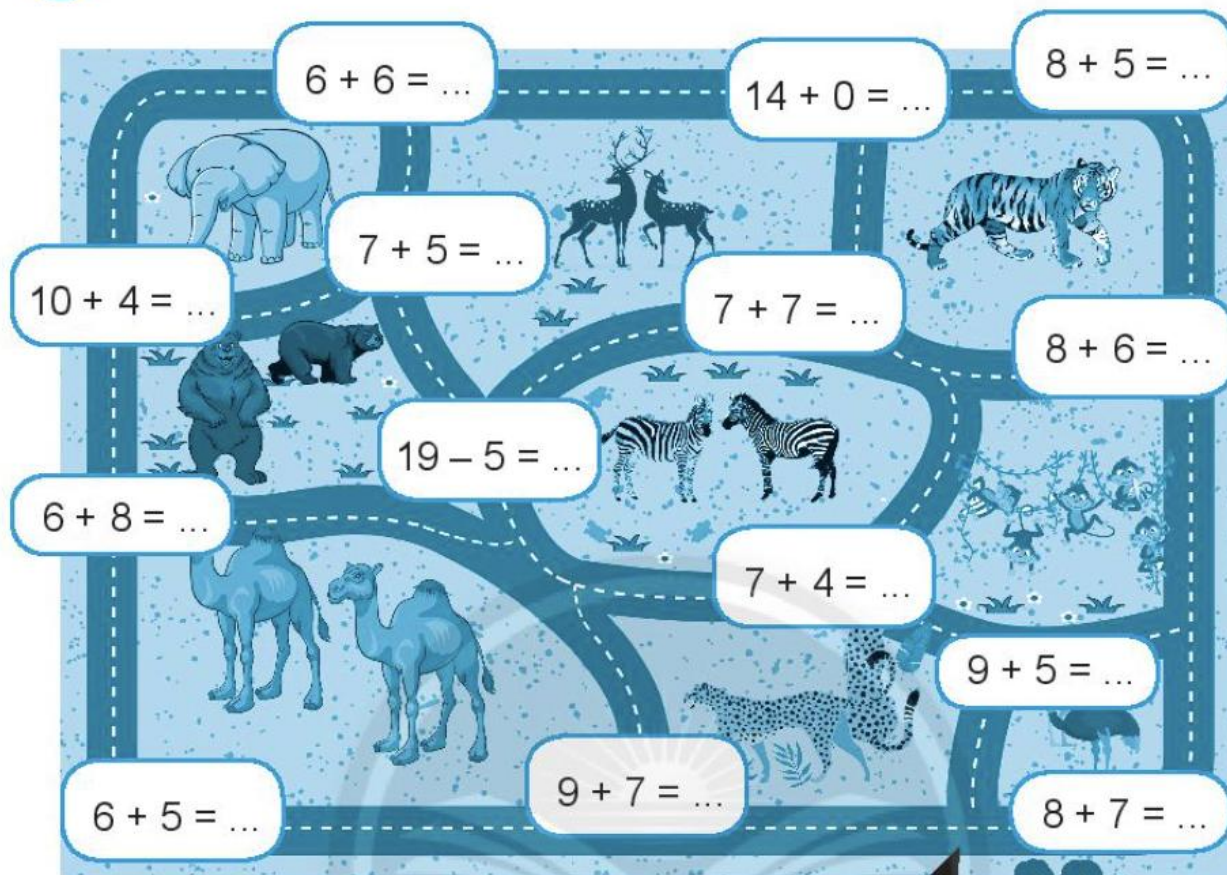
.....

b)



.....

- 4 **Tính** rồi đi theo các kết quả là **14** để đến chuồng voi.



- 5 **Viết số** thích hợp vào chỗ chấm.

$$8 + \dots = 15$$

$$\dots + 4 = 13$$

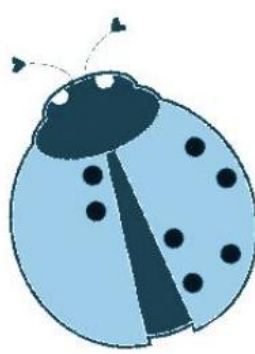
$$14 = 9 + \dots$$

$$7 + \dots = 12$$

$$\dots + 8 = 16$$

$$11 = 6 + \dots$$

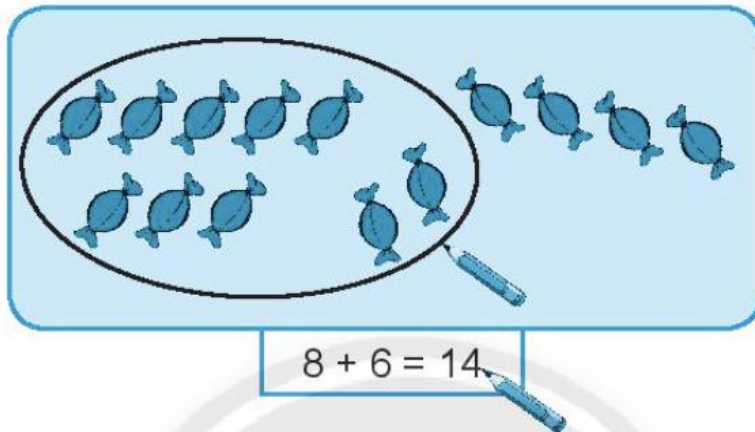
- 6 **Vẽ** thêm để mỗi chú bọ rùa có **15** chấm tròn.



BẢNG CỘNG

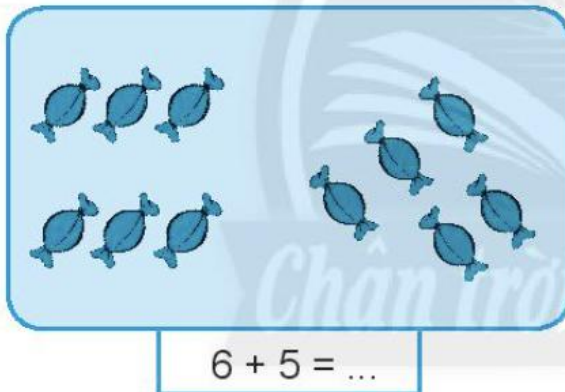
1 Khoanh đủ chục rồi viết kết quả (theo mẫu).

Mẫu:



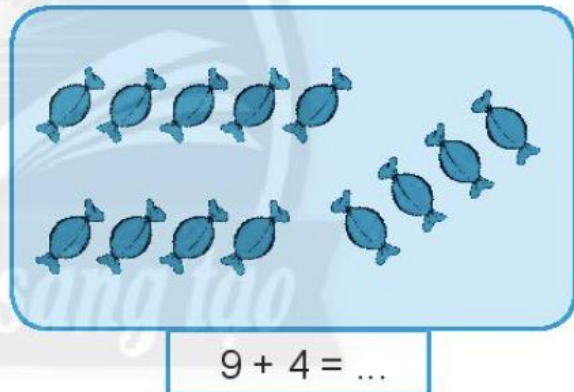
$8 + 6 = 14$

a)



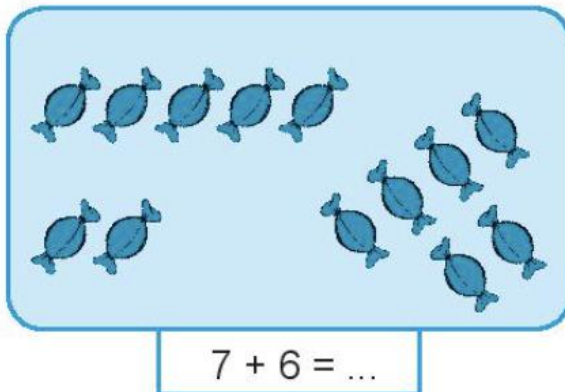
$6 + 5 = \dots$

b)



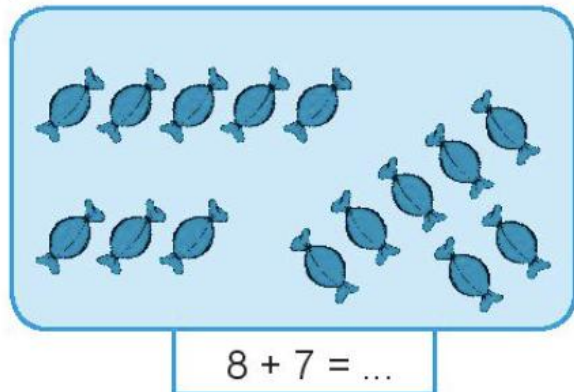
$9 + 4 = \dots$

c)



$7 + 6 = \dots$

d)



$8 + 7 = \dots$

2

a) $7 + 5 = 7 + \dots + 2$

$$6 + 6 = 6 + \dots + 2$$

$$9 + 7 = 9 + \dots + 6$$

$$8 + 6 = 8 + \dots + 4$$

b) $8 + \dots = 8 + 2 + 5$

$$7 + \dots = 7 + 3 + 4$$

$$9 + \dots = 9 + 1 + 8$$

$$6 + \dots = 6 + 4 + 3$$

3

9+2=11

9+3=12 **8+3=11**

$9+4=\dots$ $8+4=\dots$ $\dots$

$9+5=...$ $7+5=...$

... $8+6=$... $6+6=$... $5+6=$...

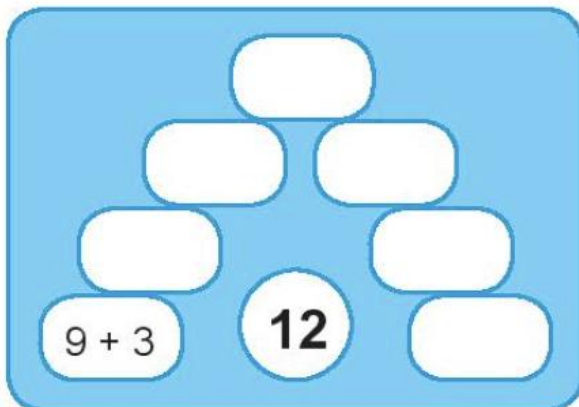
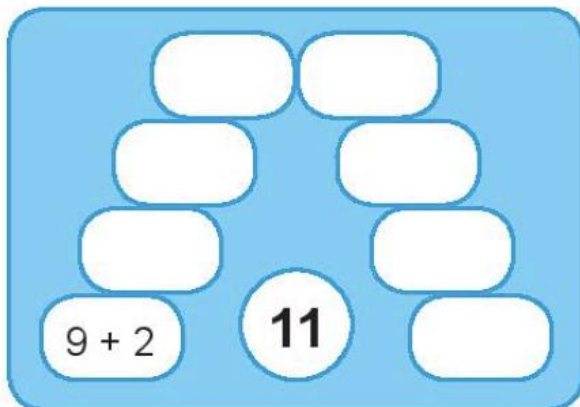
... $7+7=$...

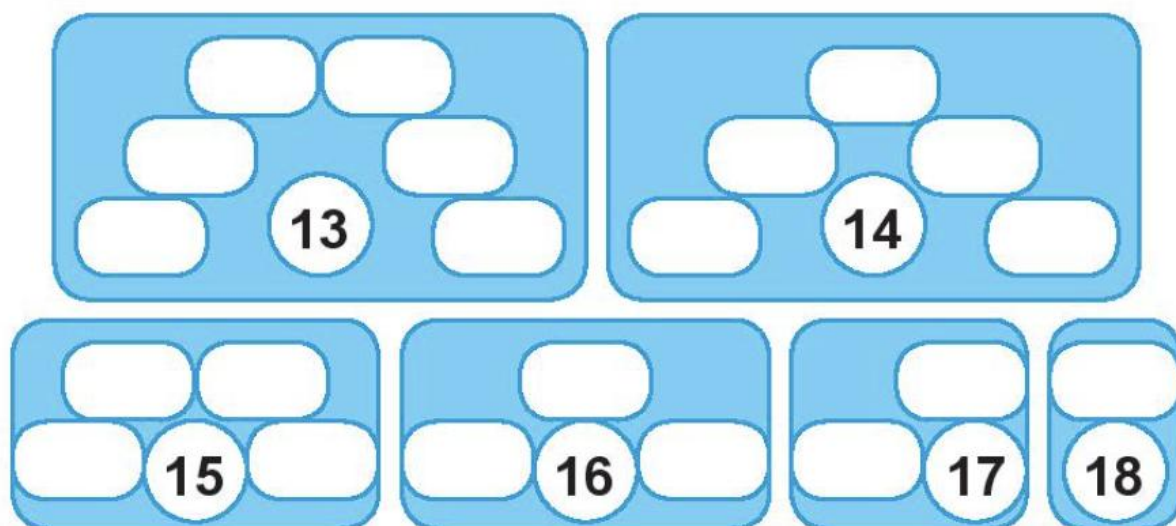
8+8=... 5+8=... 3+8=...

9+9=... ... 7+9=... 6+9=... ... 4+9=... ... 2+9=...



4





5



$$7 + 9 \dots 9 + 7$$

$$8 + 5 \dots 8 + 6$$

$$3 + 8 \dots 8 + 3$$

$$6 + 6 \dots 6 + 5$$

6

Tính nhẩm.

$$7 + 4 = \dots$$

$$6 + 8 = \dots$$

$$5 + 9 = \dots$$

$$8 + 8 = \dots$$

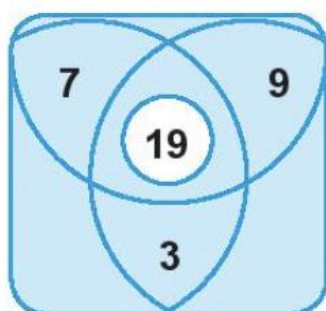
$$5 + 7 = \dots$$

$$9 + 9 = \dots$$

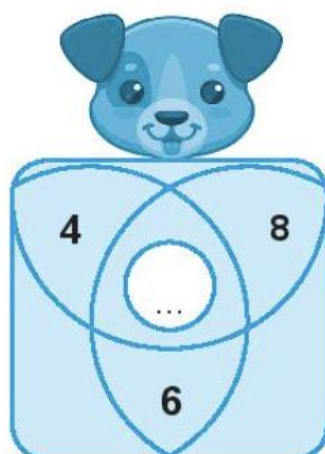
7

Viết số vào chỗ chấm (theo mẫu).

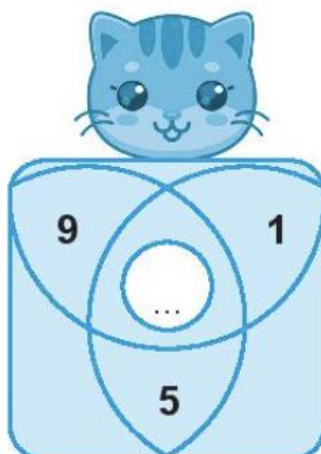
Mẫu:



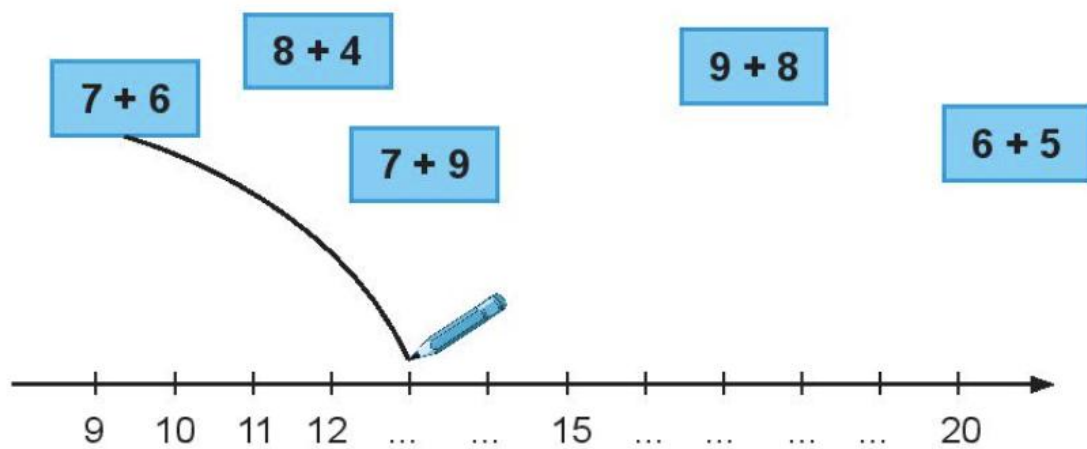
a)



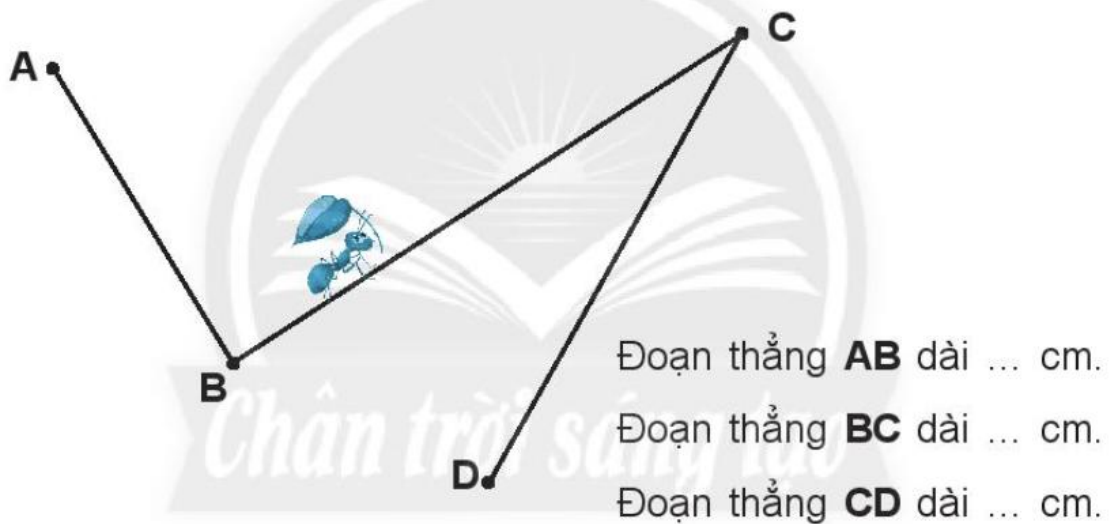
b)



8 **Nối** (theo mẫu).



9 **Đo** rồi **viết số** vào chỗ chấm.



10

Trên sân có **7** con chim sẻ, thêm **6** con nữa bay đến. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu con chim sẻ?

--	--	--	--	--

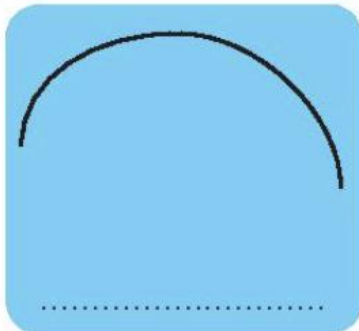


Trả lời: Có tất cả con chim sẻ.

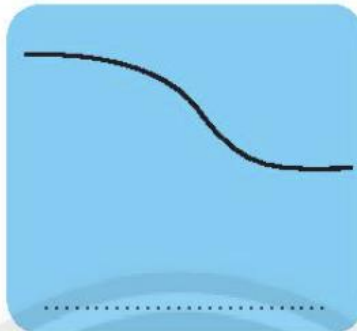
ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG

1 **Viết** vào chỗ chấm (**đường thẳng** hay **đường cong**).

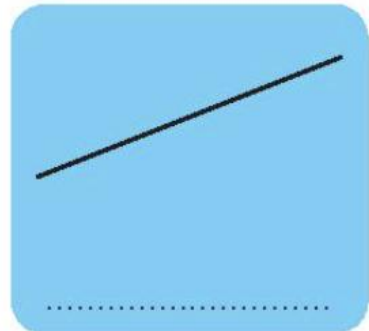
a)



b)

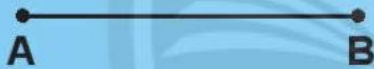


c)

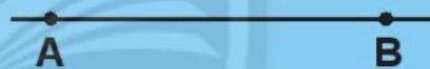


2 **Viết** cách đọc tên đoạn thẳng, đường thẳng (theo mẫu).

Mẫu:



Đoạn thẳng AB



Đường thẳng AB



.....

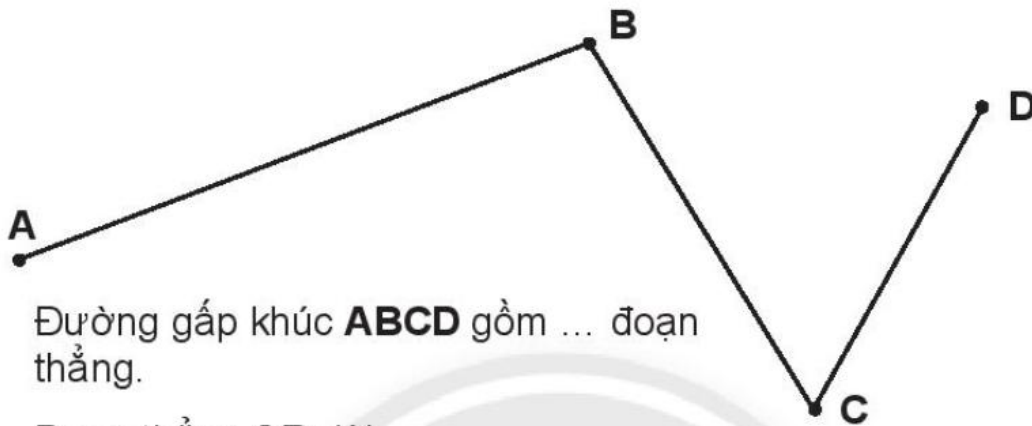


.....

3 **Vẽ** một đoạn thẳng, một đường thẳng, một đường cong.

ĐƯỜNG GẤP KHÚC

- 1 a) **Đo** rồi **viết** vào chỗ chấm.



Đường gấp khúc **ABCD** gồm ... đoạn thẳng.

Đoạn thẳng **AB** dài

Đoạn thẳng **BC** dài

Đoạn thẳng **CD** dài

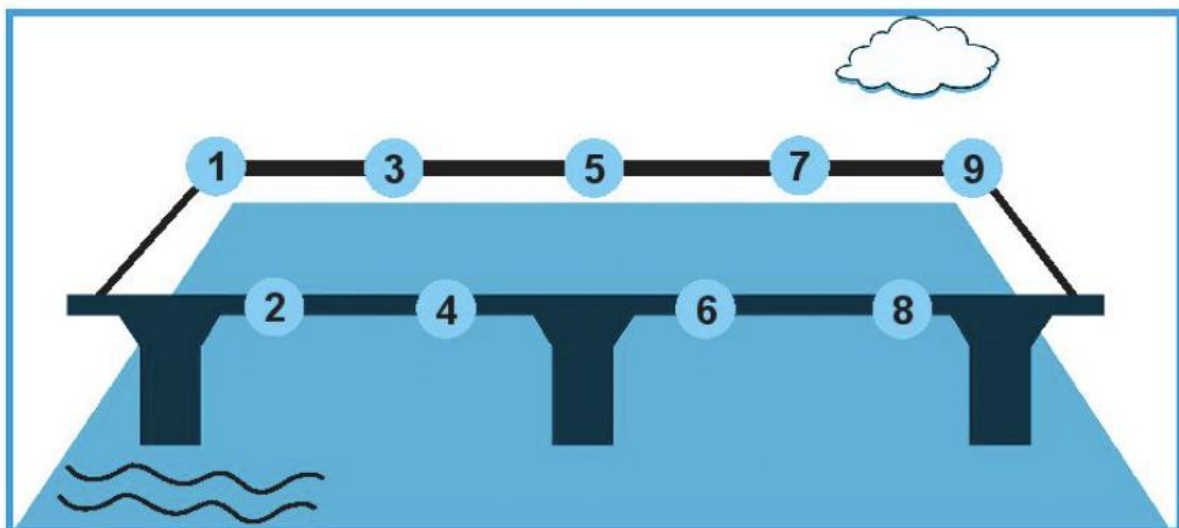
- b) Tính độ dài đường gấp khúc **ABCD**.

.....

- 2 **Vẽ** theo hướng dẫn.

– Dùng thước thẳng, nối lần lượt các số theo thứ tự từ 1 đến 9 để có cây cầu.

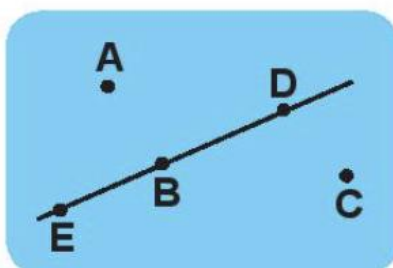
– Vẽ thêm mặt trời, mây, sóng nước, ...



BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

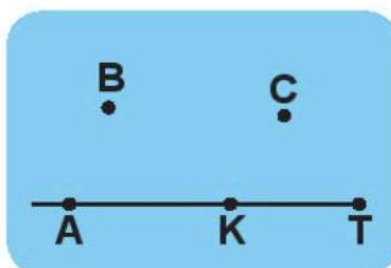
1 **Viết** tên ba điểm thẳng hàng ở mỗi hình vẽ sau (theo mẫu).

Mẫu:



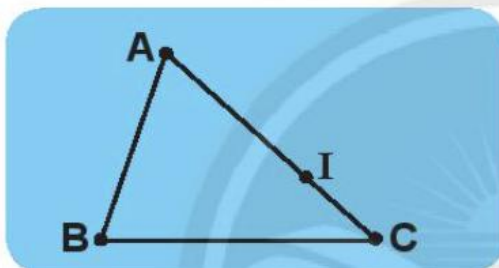
E, B, D

a)



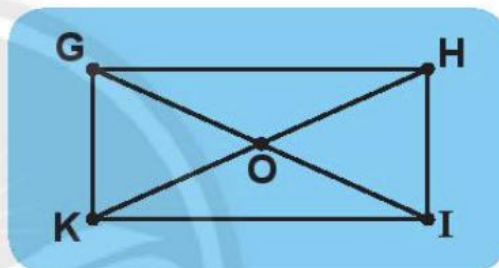
.....

b)



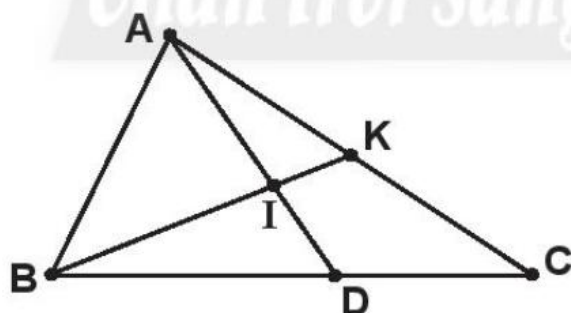
.....

c)



..... và

2 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.



- a) Ba điểm **A, B, C** thẳng hàng.
- b) Ba điểm **A, I, D** thẳng hàng.
- c) Ba điểm **A, I, B** không thẳng hàng.
- d) Ba điểm **B, I, K** thẳng hàng.

☐
☐
☐
☐

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Tính nhẩm.

$$\begin{array}{llll} 9 + 6 = \dots & 7 + 4 = \dots & 8 + 3 = \dots & 6 + 5 = \dots \\ 4 + 8 = \dots & 6 + 7 = \dots & 7 + 9 = \dots & 5 + 8 = \dots \end{array}$$

2 Tính nhẩm.

$$\begin{array}{lll} 3 + 7 + 4 = \dots & 4 + 9 + 6 = \dots & 10 - 3 + 5 = \dots \\ 1 + 7 + 9 = \dots & 7 + 8 + 2 = \dots & 7 + 5 - 2 = \dots \end{array}$$

3

Trên xe có **9** bạn, thêm **3** bạn nữa lên xe.
Hỏi trên xe có tất cả bao nhiêu bạn?

--	--	--	--	--

Trả lời: Có tất cả ... bạn.



4 Xem tranh, viết số vào chỗ chấm.



Có ... con ếch đang ngồi trên lá sen, thêm ... con ếch màu xanh
nhảy vào, rồi thêm ... con ếch màu trắng cũng nhảy vào.
Có tất cả ... con ếch.

5 Vẽ thêm kim giờ để đồng hồ chỉ:



4 giờ



8 giờ



6 giờ



12 giờ

6 Tính rồi tô màu theo kết quả.

11: màu vàng

12: màu cam

13: màu xanh da trời

14, 15, 16, 17: màu xanh lá

18: màu đỏ

8 + 5 = ...	9 + 4 = ...	9 + 2 = ...	4 + 9 = ...	5 + 8 = ...
7 + 6 = ...	3 + 8 = ...	8 + 3 = ...	6 + 7 = ...	
6 + 7 = ...	4 + 7 = ...	9 + 3 = ...	7 + 4 = ...	7 + 6 = ...
5 + 6 = ...	8 + 4 = ...	4 + 8 = ...	6 + 5 = ...	
6 + 5 = ...	7 + 5 = ...	9 + 9 = ...	5 + 7 = ...	5 + 6 = ...
7 + 4 = ...	6 + 6 = ...	6 + 6 = ...	4 + 7 = ...	
9 + 5 = ...	8 + 3 = ...	3 + 9 = ...	3 + 8 = ...	8 + 7 = ...
8 + 6 = ...	9 + 2 = ...	2 + 9 = ...	8 + 8 = ...	
7 + 7 = ...	9 + 6 = ...	7 + 4 = ...	9 + 8 = ...	8 + 9 = ...

PHÉP TRỪ CÓ HIỆU BẰNG 10

1 **Viết số** thích hợp vào chỗ chấm.

$10 + 4 = \dots$

$\dots + 7 = 17$

$10 + \dots = 12$

$14 - 4 = \dots$

$\dots - 7 = 10$

$12 - \dots = 10$

2 **Nói** (theo mẫu) **để mỗi hiệu đều bằng 10.**

$13 - ?$

$17 - ?$

$16 - ?$

$19 - ?$



$12 - ?$

$18 - ?$

$15 - ?$

$14 - ?$

3 **Viết** dấu phép tính thích hợp (+ hay -) vào .

$18 \square 8 = 10$

$6 \square 4 = 10$

$15 \square 5 = 10$

$8 \square 2 = 10$

$16 \square 6 = 10$

$10 \square 0 = 10$

4 **Viết số** thích hợp vào chỗ chấm.

$12 - 2 - 3 = \dots$

$19 - 9 - 1 = \dots$

$16 - 6 - 5 = \dots$

$14 - 4 - 4 = \dots$

$13 - 3 - 7 = \dots$

$20 - 10 - 10 = \dots$

11 TRỪ ĐI MỘT SỐ

- 1 **Viết** số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} 11 - 5 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \quad \dots \end{array}$$

Trừ dễ được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại.

Tách ... ở số sau.

- 2 **Viết** (theo mẫu).

Mẫu: $11 - 5 = 11 - 1 - 4 = 6$

$11 - 8 = 11 - 1 - \dots$

$11 - 3 = 11 - 1 - \dots$

$11 - 2 = 11 - 1 - \dots$

$11 - 6 = 11 - 1 - \dots$

$11 - 7 = 11 - 1 - \dots$

$11 - 9 = 11 - 1 - \dots$

- 3 **Tính nhẩm.**

$11 - 4 = \dots$

$11 - 6 = \dots$

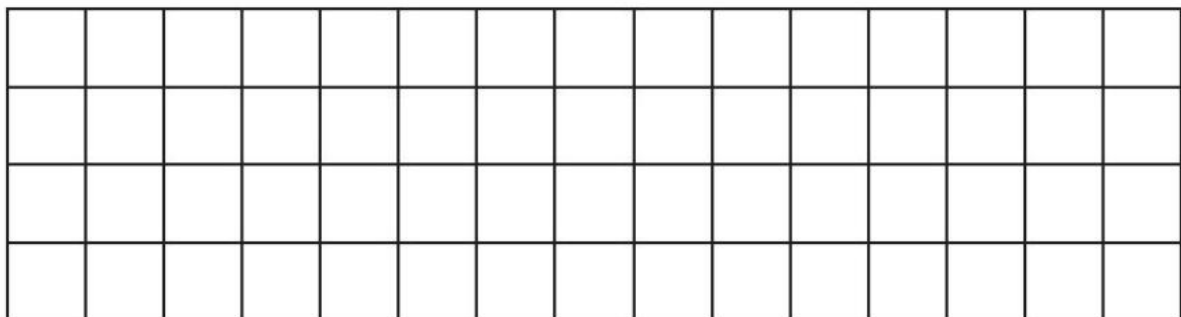
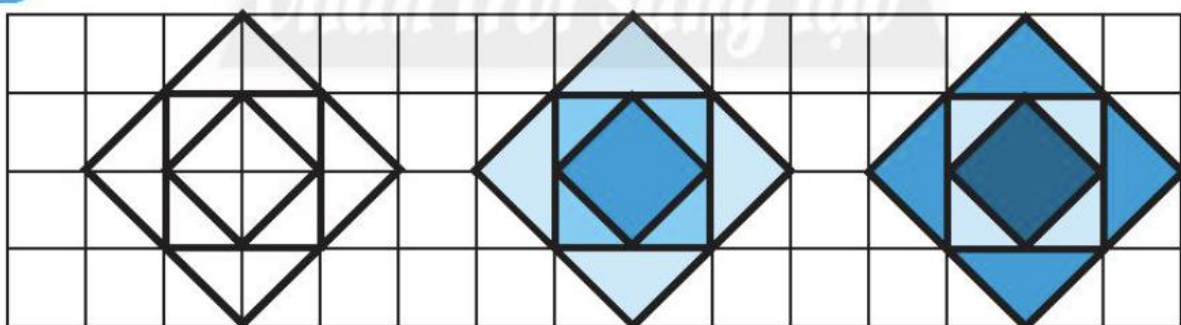
$11 - 7 = \dots$

$11 - 8 = \dots$

$11 - 2 = \dots$

$11 - 5 = \dots$

- 4 **Vẽ** (theo mẫu, có thể tô màu khác).



12 TRỪ ĐI MỘT SỐ

1 **Viết** vào chỗ chấm.

$$12 - 5$$



Trừ dễ được rồi số còn lại.

Tách ... ở số sau.

2 **Viết** (theo mẫu).

Mẫu: $12 - 5 = 12 - 2 - 3 = 7$

$12 - 6 = 12 - 2 - \dots$

$12 - 4 = 12 - 2 - \dots$

$12 - 3 = 12 - 2 - \dots$

$12 - 9 = 12 - 2 - \dots$

$12 - 8 = 12 - 2 - \dots$

$12 - 7 = 12 - 2 - \dots$

3 **Tính nhẩm.**

a) $12 - 2 = \dots$ $12 - 8 = \dots$ $12 - 10 = \dots$

$12 - 6 = \dots$ $12 - 3 = \dots$ $12 - 9 = \dots$

b) $12 - 5 = \dots$ $12 - 4 = \dots$ $11 - 7 = \dots$

$11 - 5 = \dots$ $11 - 4 = \dots$ $12 - 7 = \dots$

4 **Xếp** hình máy bay trực thăng.



13 TRỪ ĐI MỘT SỐ

1 **Viết** vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} 13 - 5 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \quad \dots \end{array}$$

Trừ để được rồi số còn lại.

Tách ... ở số sau.

2 **Viết** (theo mẫu).

Mẫu: $13 - 5 = 13 - 3 - 2 = 8$

$13 - 4 = 13 - 3 - 1 = \dots \quad 11 - 6 = 11 - 1 - 5 = \dots$

$13 - 8 = 13 - 3 - 5 = \dots \quad 12 - 6 = 12 - 2 - 4 = \dots$

$13 - 7 = 13 - 3 - 4 = \dots \quad 13 - 6 = 13 - 3 - 3 = \dots$

3 **Tính nhẩm.**

$13 - 6 = \dots \quad 13 - 8 = \dots \quad 13 - 4 = \dots$

$13 - 7 = \dots \quad 13 - 9 = \dots \quad 13 - 5 = \dots$

4 **Nói** (theo mẫu) để biết sau mỗi tấm bìa là con vật gì.

Biết rằng tên mỗi con vật được cho biết theo kết quả của phép tính.

4 (con cừu)
5 (con dê)
6 (con heo)
7 (con chó)
8 (con mèo)
9 (con ngỗng)

$12 - 4$ (cat)
 $12 - 3$ (bird)
 $11 - 7$ (sheep)
 $13 - 6$ (dog)
 $13 - 8$ (goat)
 $11 - 5$ (pig)

14, 15, 16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ

1 **Viết** vào chỗ chấm.

Trừ dễ được rồi số còn lại.

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 14 - 6 \\ \swarrow \searrow \\ 4 \quad 2 \end{array}$$

Tách 4
ở số sau

$$\begin{array}{r} 15 - 9 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \dots \end{array}$$

Tách ...
ở số sau

$$\begin{array}{r} 16 - 7 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \dots \end{array}$$

Tách ...
ở số sau

$$\begin{array}{r} 17 - 8 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \dots \end{array}$$

Tách ...
ở số sau

$$\begin{array}{r} 18 - 9 \\ \swarrow \searrow \\ \dots \dots \end{array}$$

Tách ...
ở số sau

2 **Số?** (theo mẫu)

Mẫu: $14 - 6 = 14 - 4 - 2$

$15 - 8 = 15 - 5 - \dots$

$18 - 9 = 18 - \dots - 1$

$16 - 8 = 16 - 6 - \dots$

$12 - 9 = 12 - 2 - \dots$

$17 - 8 = 17 - \dots - 1$

$13 - 9 = 13 - \dots - 6$

3 **Tính nhẩm.**

$14 - 5 = \dots$

$16 - 9 = \dots$

$17 - 9 = \dots$

$18 - 9 = \dots$

$15 - 6 = \dots$

$11 - 4 = \dots$

4 **Vẽ** thêm để chú bọ rùa có:

a) 14 chấm tròn.

b) 15 chấm tròn.

c) 17 chấm tròn.



5 **Viết** phép tính trừ theo tranh (theo mẫu).

Mẫu:



12	-	4	=	8
----	---	---	---	---

a)



--	--	--	--	--

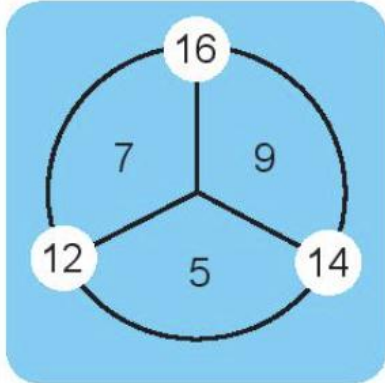
b)



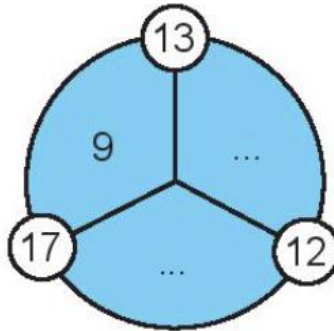
--	--	--	--	--

4 SỐ? (theo mẫu)

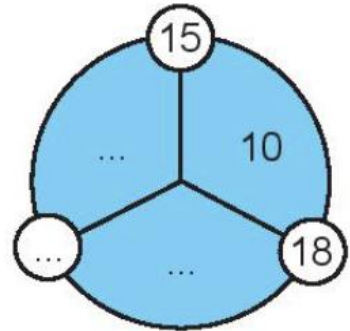
Mẫu:



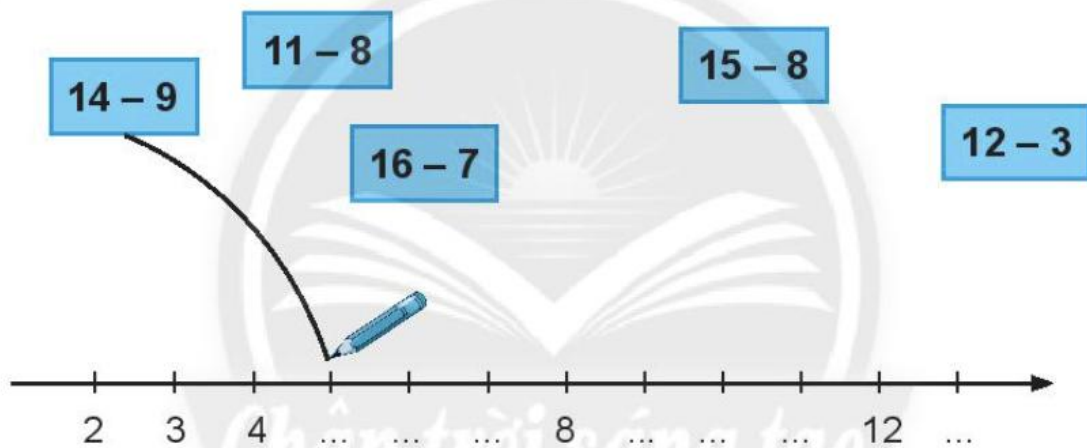
a)



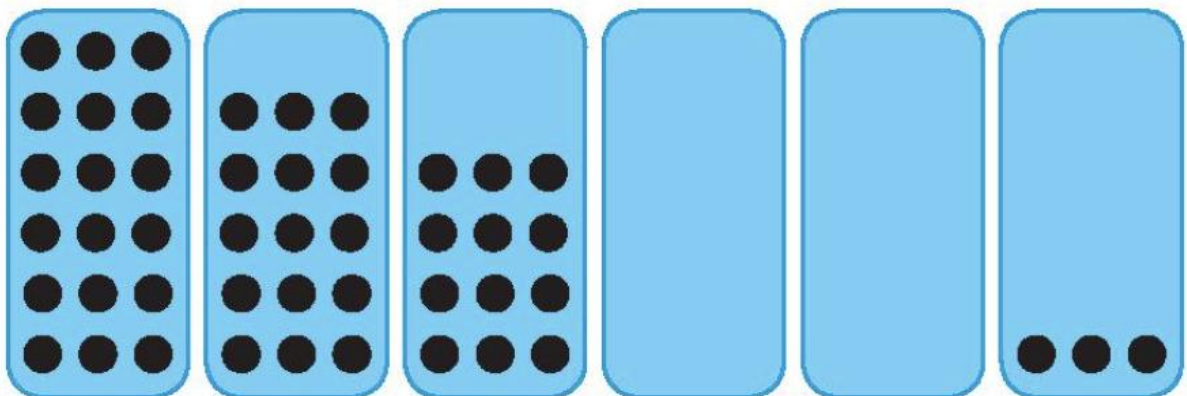
b)



5 Nói (theo mẫu).



6 Vẽ số chấm tròn thích hợp vào hai tám bìa để trống.



7 Số?

$8 + 6 = \dots$

$5 + 7 = \dots$

$9 + 8 = \dots$

$14 - 8 = \dots$

$12 - \dots = 7$

$17 - \dots = 9$

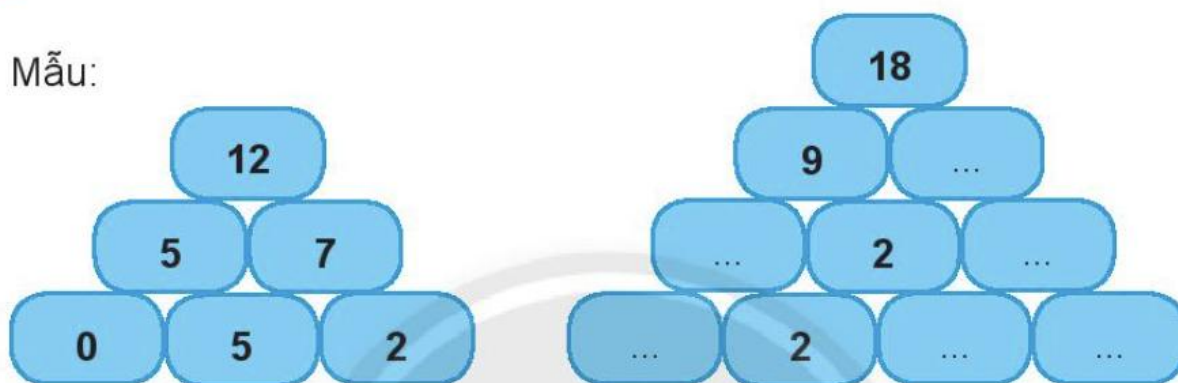
$14 - 6 = \dots$

$12 - \dots = 5$

$17 - \dots = 8$

8 Số?

Mẫu:



9 Số? (Biết ba số theo hàng ngang hay cột dọc đều có tổng là 17.)



10 Xếp hình theo mẫu.



EM GIẢI BÀI TOÁN

Tìm hiểu

Tìm cách giải

Giải

Kiểm tra

1

Lớp 2A có **20** bạn nữ
và **15** bạn nam. Hỏi lớp
2A có bao nhiêu học sinh?



Em có thể **trình bày bài giải** theo một trong hai cách dưới đây.

Bài giải	Bài giải
Lớp học sinh lớp 2A có là:	$20 + 15 = 35$
$20 + 15 = 35$ (học sinh)	Trả lời: Lớp 2A có
Đáp số: 35 học sinh.	35 học sinh

Em **hoàn thiện** tóm tắt và **viết lại** cách trình bày bài giải mà em chọn.

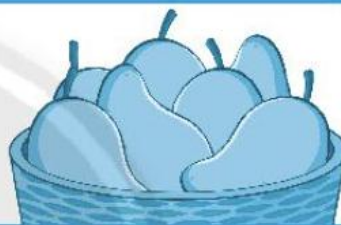
Tóm tắt	Bài giải
Nữ: ... bạn.	
Nam: ... bạn.	
Tất cả: ... bạn?	

- 2 Huy có **14** tờ giấy màu,
Huy cho Mai **5** tờ giấy màu.
Hỏi Huy còn lại bao nhiêu tờ
giấy màu?



Tóm tắt
Có: ... tờ giấy
Cho: ... tờ giấy
Còn lại: ... tờ giấy?

- 3 Mẹ mua **6** trái xoài, ba mua thêm
6 trái xoài nữa. Hỏi cả ba và mẹ
mua bao nhiêu trái xoài?



Tóm tắt
Mẹ: ... trái
Ba: ... trái
Ba và mẹ: ... trái?

- 4 **Giải bài toán** theo tóm tắt sau.

Tóm tắt
Phấn trắng và phấn màu: **12** viên.
Phấn trắng: **4** viên.
Phấn màu: ... viên?



Bài giải

BÀI TOÁN NHIỀU HƠN

Tìm hiểu

Tìm cách giải

Giải

Kiểm tra

1

Ngăn trên có **7** hộp sữa, ngăn dưới có nhiều hơn ngăn trên **5** hộp sữa. Hỏi ngăn dưới có bao nhiêu hộp sữa?



Gồm tất	
Ngăn trên:	hộp.
Ngăn dưới nhiều hơn:	hộp.
Ngăn dưới:	hộp?

2

Chân trời sáng tạo

Xe của voi chạy được **82** cm, xe của vịt chạy được xa hơn xe của voi **13** cm. Hỏi xe của vịt chạy được bao nhiêu xăng-ti-mét?



Gồm tất	
Voi:	cm.
Vịt xa hơn:	cm.
Vịt:	cm?

BÀI TOÁN ÍT HƠN

Tìm hiểu

Tìm cách giải

Giải

Kiểm tra

1

Năm nay anh Hai **15** tuổi, Thu ít hơn anh Hai **7** tuổi. Hỏi năm nay Thu bao nhiêu tuổi?



Tóm tắt	
Anh Hai: ... tuổi.	
Thu ít hơn: ... tuổi.	
Thu: ... tuổi?	

2

Giải bài toán theo tóm tắt sau.

Tóm tắt

Bé Lan cao: **95** cm.

Gấu bông thấp hơn: **51** cm.

Gấu bông cao: ... cm?



Bài giải

ĐỰNG NHIỀU NƯỚC, ĐỰNG ÍT NƯỚC

1 **Viết** vào chỗ chấm (**nhiều hơn**, **ít hơn** hay **bằng**).

a)

Nước trong bình **A** bình **B**.

Nước trong bình **B** bình **C**.

Nước trong bình **C** bình **A**.



b)

Nước trong bình **A** bình **B**.

Nước trong bình **B** bình **C**.

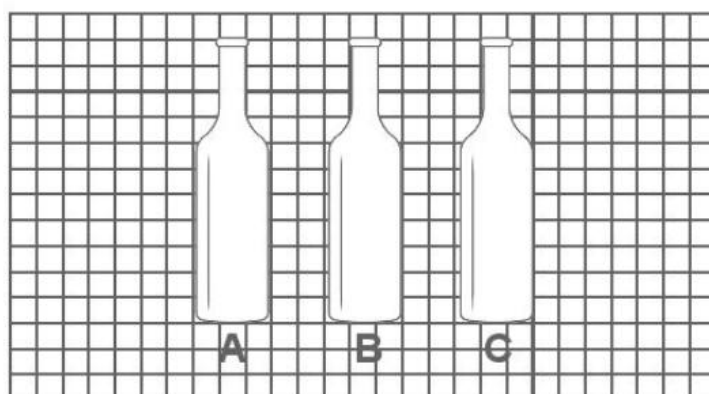
Nước trong bình **A** bình **C**.



2 Đánh dấu (✓) vào chai có **nhiều nước nhất**.



3 Vẽ mực nước ở ba chai để chai **A** có ít nước nhất, chai **C** có nhiều nước nhất.



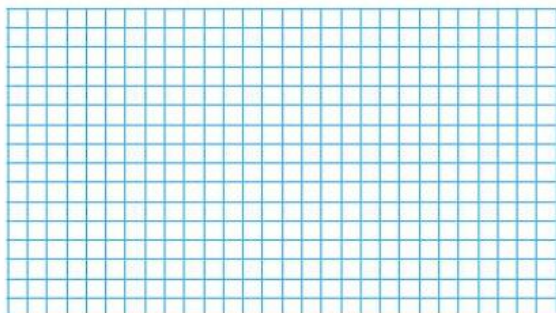
LÍT

- 1 Đánh dấu (✓) vào các hộp sữa đựng **ít hơn 1 l**.



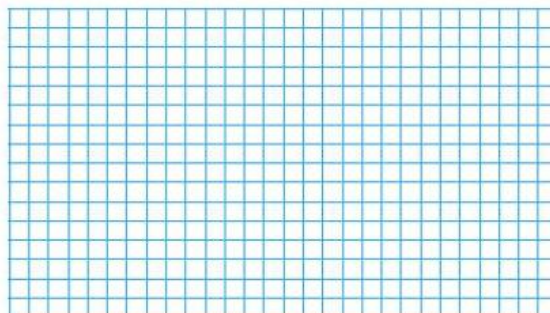
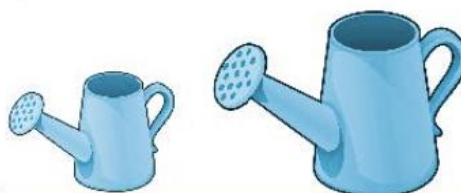
2

Có một bình đựng **3 l** nước và một chai **1 l** không có nước. Người ta đổ nước từ bình vào đầy chai. Hỏi trong bình còn lại bao nhiêu lít nước?



3

Bình tưới của em đựng được **2 l** nước. Bình tưới của ba đựng được nhiều hơn bình tưới của em **3 l** nước. Hỏi bình tưới của ba đựng được bao nhiêu lít nước?



EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 SỐ?

- a) 35, 36, 37, ..., ..., ..., 41, 42, ..., ...
- b) 100, ..., ..., 97, 96, 95, ..., ..., ..., 91.
- c) 20, 18, 16, ... , 12, ..., ..., 6, ..., 2.
- d) 5, 10, 15, ..., ..., ..., 35, ..., ..., 50.
- e) 10, 20, 30, ..., ..., ..., 70, ..., ..., ...

2

a) SỐ?

Số liền trước của **64** là

Số liền sau của **99** là

b) Liền trước hay liền sau?

20 là số của **19**.

20 là số của **21**.

3

Đếm nhanh.

- a) Có **chiếc** giày.
- b) Có **đôi** giày.



4 Tính nhẩm.

$50 + 40 = \dots$

$10 + 8 = \dots$

$12 + 5 = \dots$

$60 - 20 = \dots$

$52 - 2 = \dots$

$19 - 9 = \dots$

$80 - 70 = \dots$

$9 + 60 = \dots$

$17 - 4 = \dots$

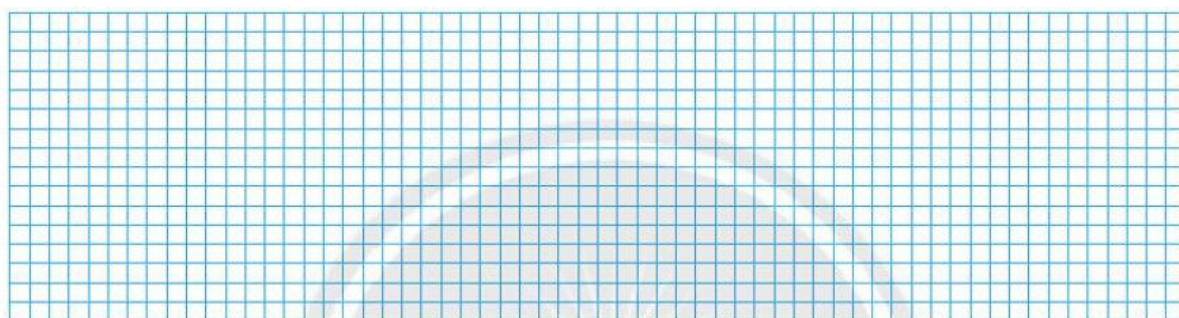
5 Đặt tính rồi tính.

$26 + 51$

$7 + 22$

$84 - 30$

$99 - 6$



6 Phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.

a) **Viết** vào chỗ chấm.

Gộp cho đủ rồi với số còn lại.

b) **Tính nhẩm.**

$9 + 6 = \dots$

$8 + 7 = \dots$

$7 + 5 = \dots$

$4 + 9 = \dots$

$5 + 8 = \dots$

$6 + 5 = \dots$

7 Phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.

a) **Viết** vào chỗ chấm.

Trừ để được rồi số còn lại.

b) **Tính nhẩm.**

$11 - 4 = \dots$

$14 - 5 = \dots$

$16 - 9 = \dots$

$17 - 8 = \dots$

$12 - 3 = \dots$

$15 - 6 = \dots$

$13 - 4 = \dots$

$18 - 9 = \dots$

8

Tô màu theo số hoặc kết quả phép tính.

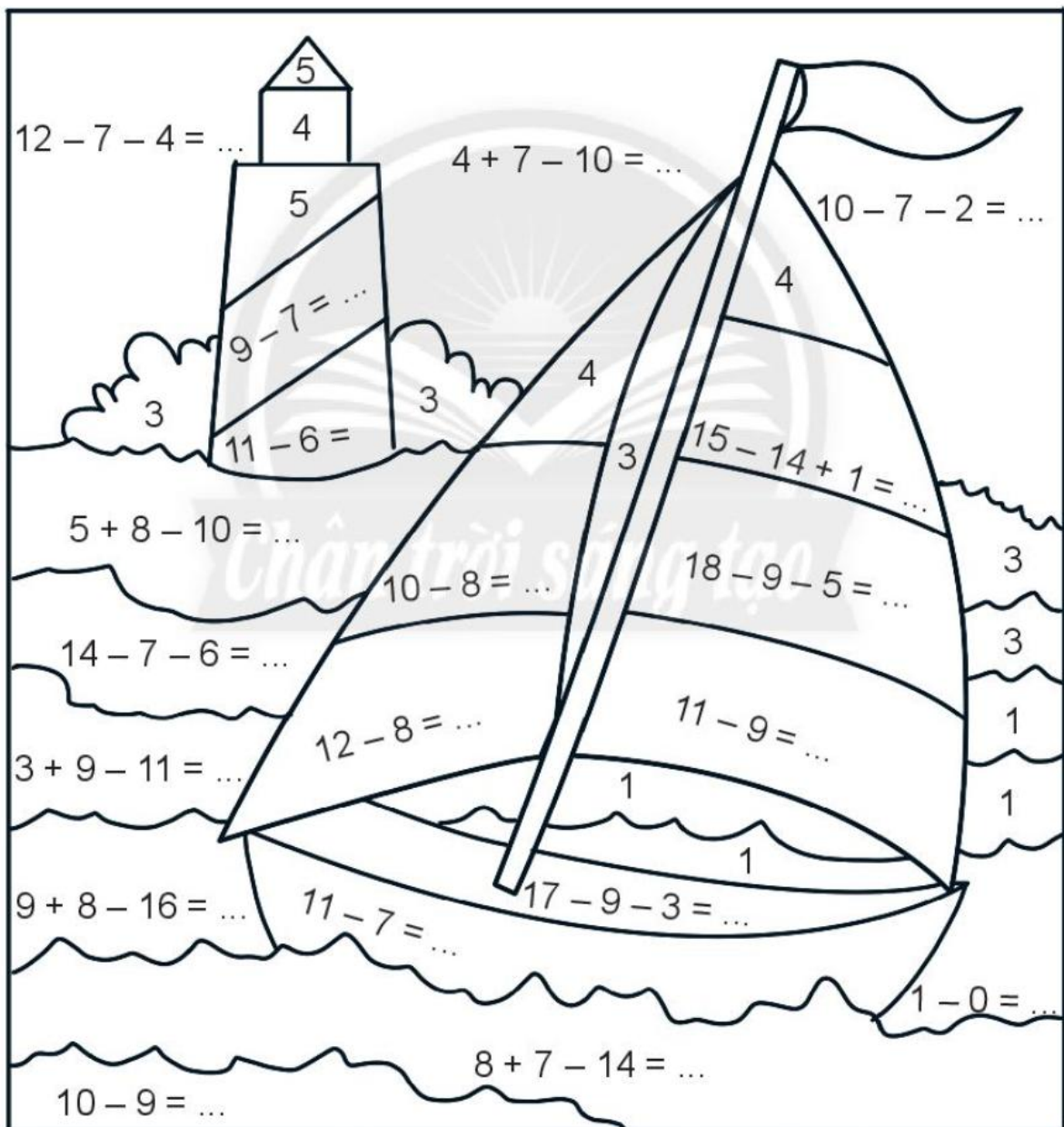
1: màu xanh dương

2: màu đỏ

3: màu xanh lá cây

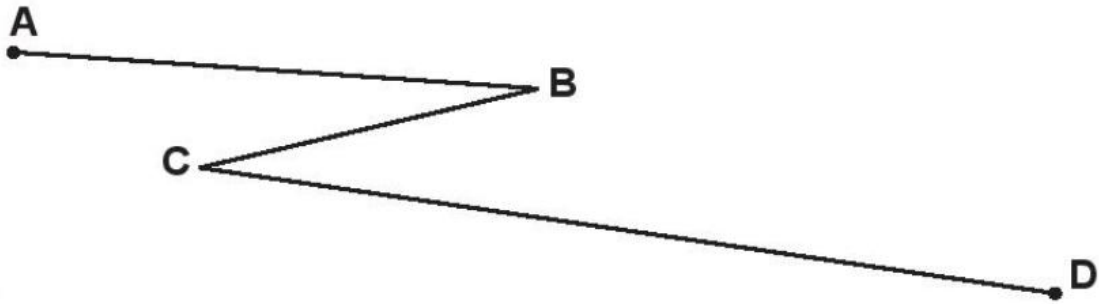
4: màu vàng

5: màu nâu



- 9 **Đo** rồi **tính** độ dài đường gấp khúc ABCD và **viết** vào chỗ chấm.

Đường gấp khúc ABCD dài ... **cm** hay ... **dm**.

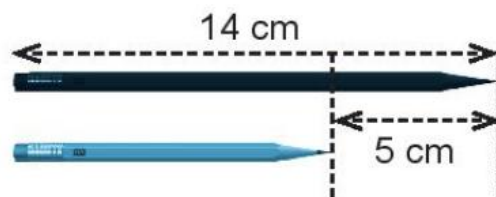


- 10 **Xếp** hình thuyền buồm.



11

Bút chì đen dài **14 cm**. Bút chì đen dài hơn bút chì xanh **5 cm**. Hỏi bút chì xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Bài giải

12 **Viết** theo mẫu.

Mẫu:

Thứ Tư



Lúc **5 giờ** chiều **thứ Tư**, em chơi cầu lông.

a)

Thứ Bảy



Lúc tối, em giúp mẹ dọn dẹp.

b)

Chủ nhật



Lúc sáng, em đi thăm ông, bà.

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Đong nước



Mẫu:

Với hai bình không có nước, một bình chứa được **3 l** và một bình chứa được **2 l**. Làm thế nào để có **1 l** nước?

Cách làm:

- Đong nước đầy bình 3 l.
- Đổ nước từ bình 3 l vào đầy bình 2 l, trong bình 3 l còn lại 1 l nước.

Phép tính: $3\text{ l} - 2\text{ l} = 1\text{ l}$.

Thực hành theo mẫu.

Với hai bình không có nước, một bình chứa được **3 l** và một bình chứa được **5 l**. Làm thế nào để có:

- a) 2 l nước? b) 8 l nước?

a) Cách làm:

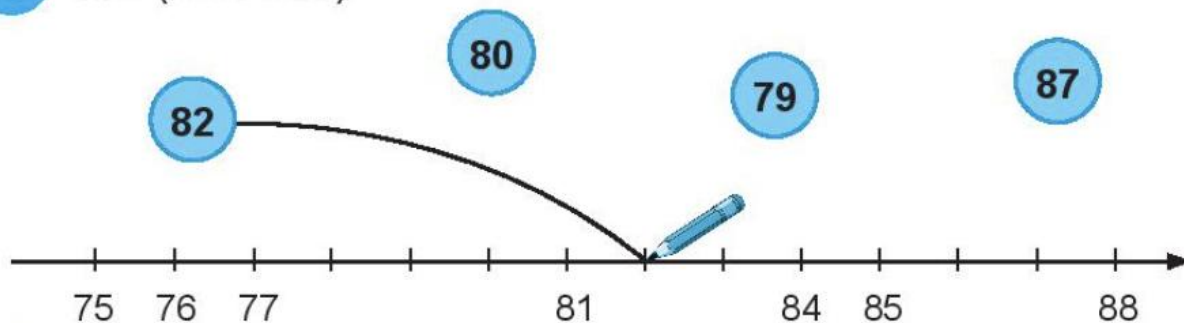
Phép tính:

b) Cách làm:

Phép tính:

KIỂM TRA

1 Nói (theo mẫu).



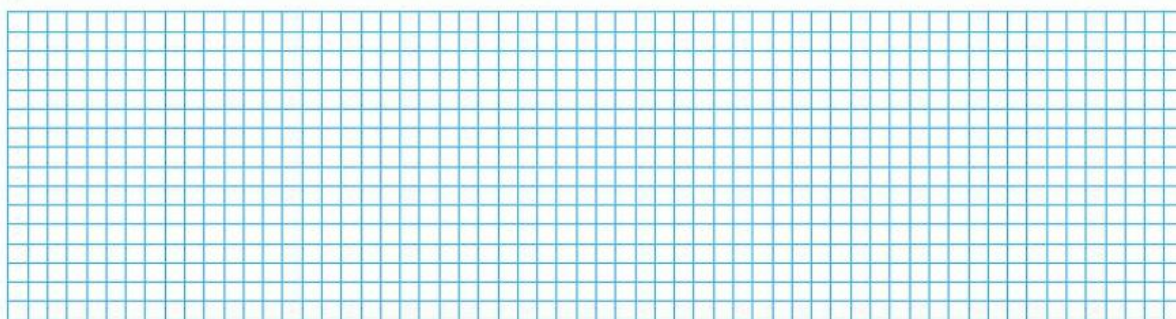
2 Nói (theo mẫu).



3 Đặt tính rồi tính.

$$21 + 57$$

$$68 - 5$$



4 Tính:

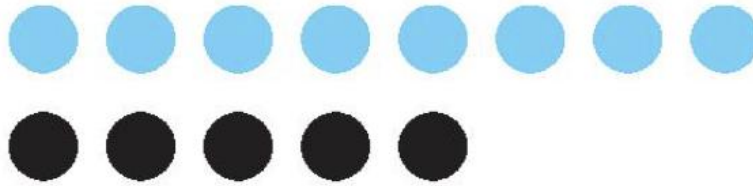
$$7 + 4 = \dots$$

$$5 + 9 = \dots$$

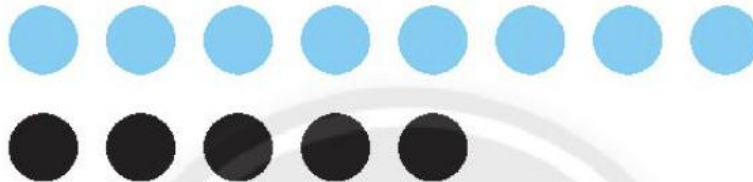
$$6 \text{ dm} + 5 \text{ dm} - 7 \text{ dm} = \dots\dots$$

$$12 \text{ l} - 3 \text{ l} + 9 \text{ l} = \dots\dots$$

- 5 Khoanh vào hình để thể hiện **tổng** số hình tròn hai loại.



- 6 Khoanh vào **phần nhiều hơn** của số hình tròn màu xanh so với số hình tròn màu đen.



- 7 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Cho biết năm nay An **8** tuổi, chị Tư **14** tuổi.

a) An ít hơn chị Tư 6 tuổi.

☐

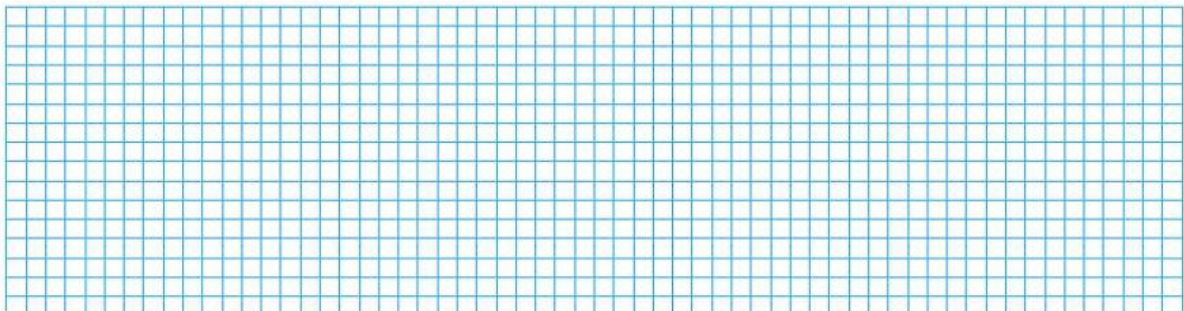
b) Chị Tư nhiều hơn An 6 tuổi.

☐

c) An và chị Tư bằng tuổi nhau.

☐

- 8 Lan đọc được **12** cuốn truyện. Hùng đọc được ít hơn Lan **4** cuốn truyện. Hỏi Hùng đọc được bao nhiêu cuốn truyện?



9 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Cho biết bình **A** không có nước, bình **B** và bình **C** đầy nước.

Nếu đổ hết nước từ hai bình **B** và **C** vào bình **A** thì:

a) Nước tràn ra ngoài bình A.

☐

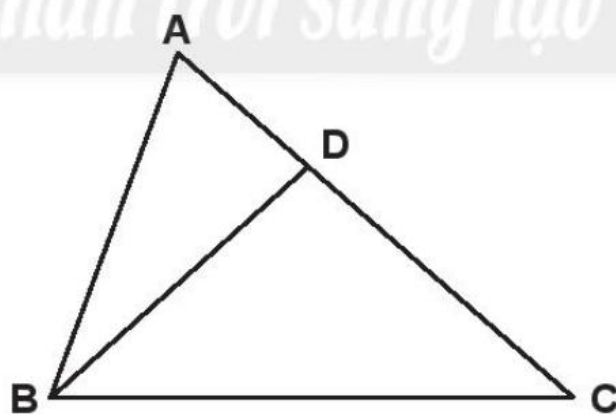
b) Nước vừa đầy bình A.

☐

c) Bình A chưa đầy nước.

☐

10 Đo rồi **tính** độ dài đường gấp khúc ADBC.



..... cm + cm + cm = cm.

3. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÓ NHỚ

TRONG PHẠM VI 100



PHÉP CỘNG CÓ TỔNG LÀ SỐ TRÒN CHỤC

1 Tính tổng số chấm tròn (theo mẫu).

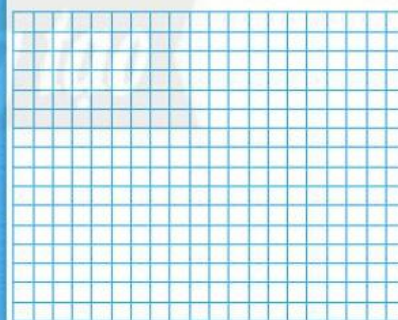
Mẫu:



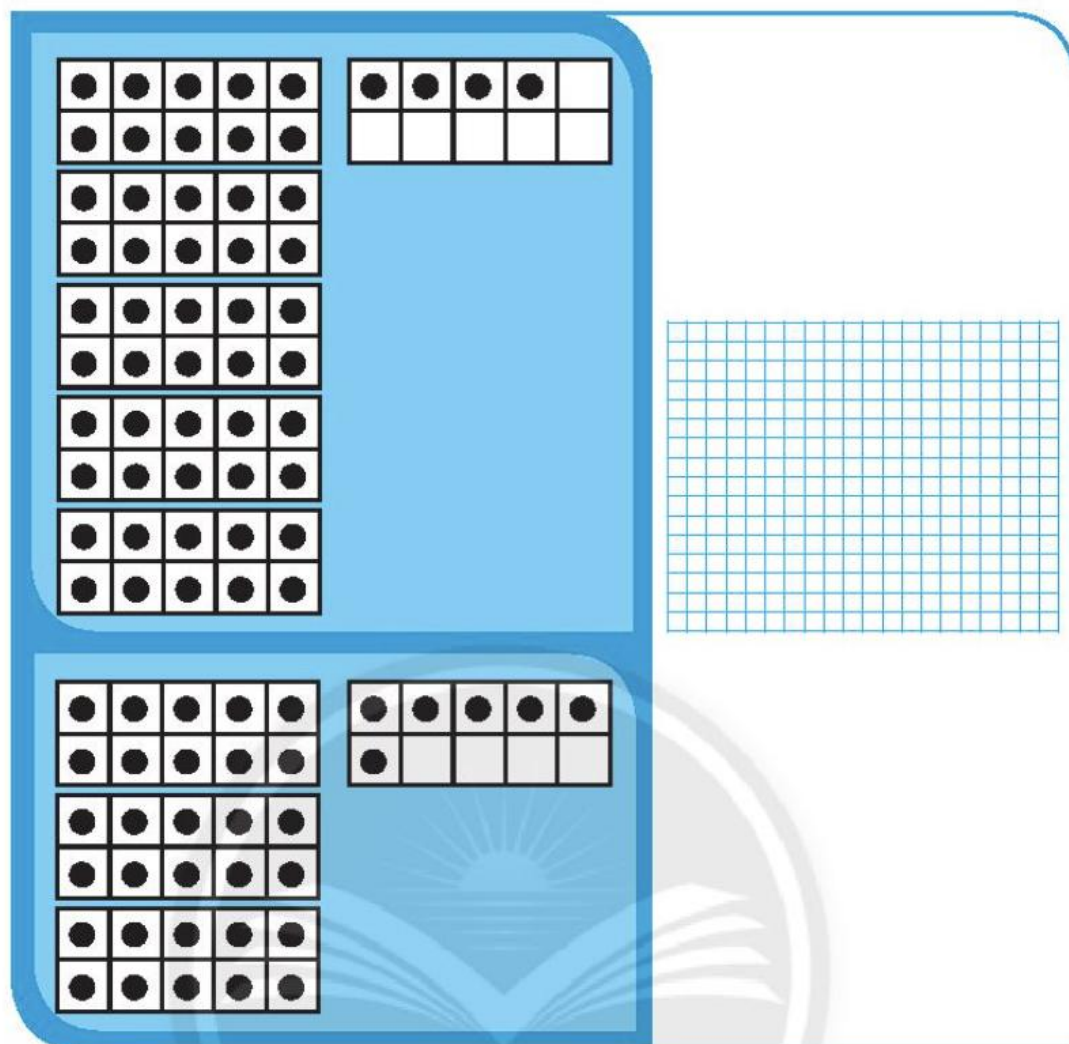
$$\begin{array}{r} 18 \\ + 22 \\ \hline 40 \end{array}$$



a)



b)



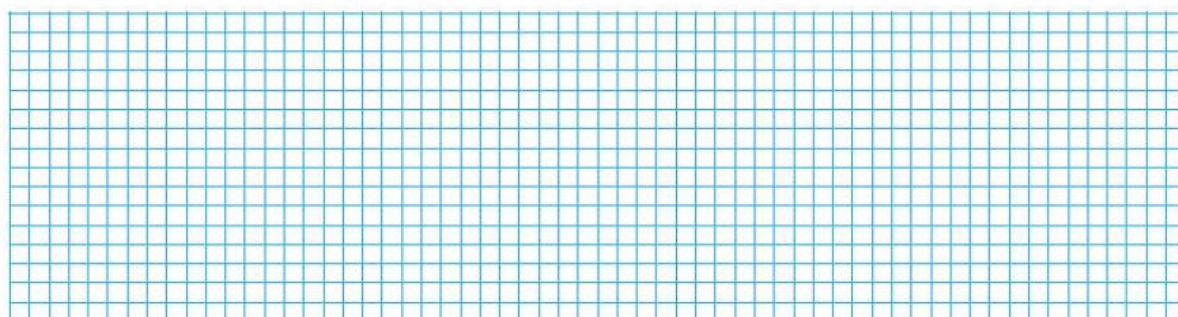
2

Đặt tính rồi tính.

$$16 + 44$$

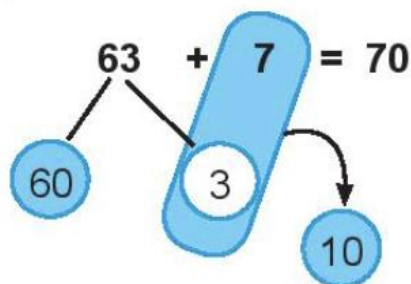
$$38 + 52$$

$$3 + 77$$

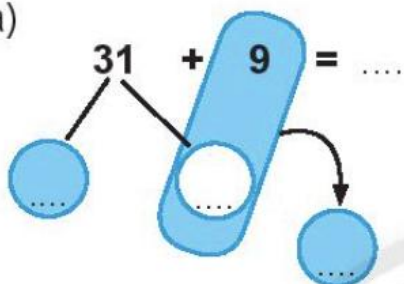


3 SỐ? (theo mẫu)

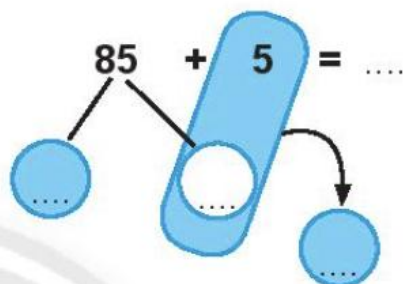
Mẫu:



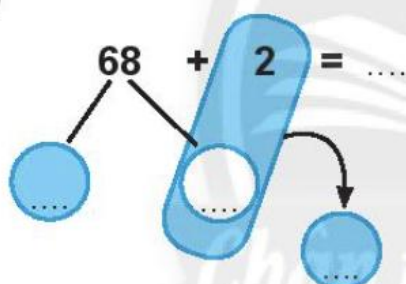
a)



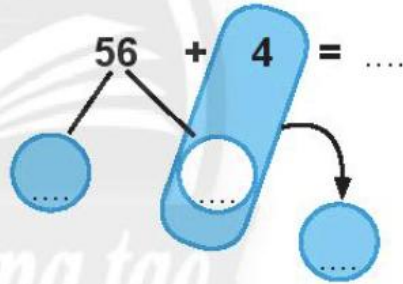
b)



c)



d)



4 Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu).

Mẫu:

Tổng của 28 và 12 là:

30 **40** 50

a)

Tổng của 49 và 11 là:

38 50 60

b)

Tổng của 45 và 35 là:

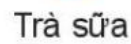
10 80 90

c)

Tổng của 16 và 64 là:

60 70 80

Một cửa hàng nước đã bán được một số li trà sữa và sinh tố như hình vẽ. Hỏi cửa hàng đó đã bán tất cả bao nhiêu li trà sữa và sinh tố?



Trường em mới trồng một cây phượng và một cây điệp. Cây phượng cao **25** dm. Cây điệp cao **15** dm. Hỏi cây phượng cao hơn cây điệp bao nhiêu đề-xi-mét?



PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

1 **Tính rồi nối** (theo mẫu).

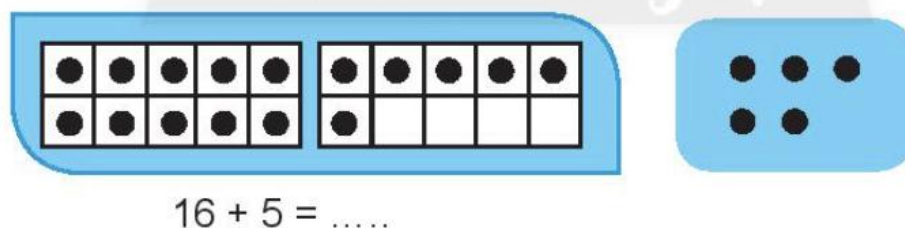


2 **Làm theo mẫu.**

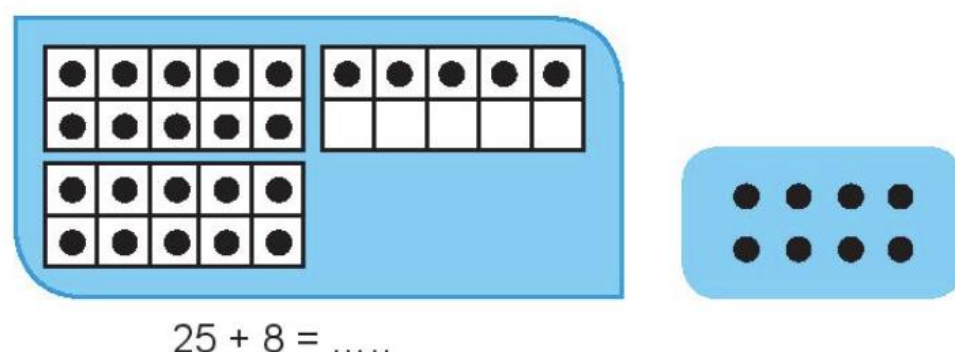
Mẫu: Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.



a)



b)



3 Tính.

a) $26 + 4 + 2 = \dots\dots\dots$

$26 + 6 = \dots\dots\dots$

c) $56 + 4 + 32 = \dots\dots\dots$

$56 + 36 = \dots\dots\dots$

b) $25 + 5 + 3 = \dots\dots\dots$

$25 + 8 = \dots\dots\dots$

d) $75 + 5 + 13 = \dots\dots\dots$

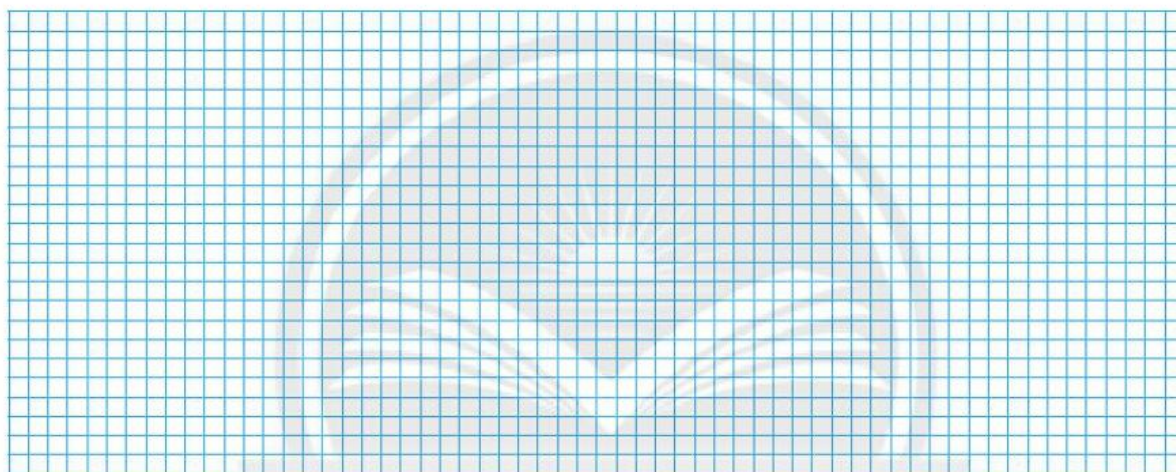
$75 + 18 = \dots\dots\dots$

4 Đặt tính rồi tính.

$28 + 37$

$45 + 16$

$52 + 29$



5

>

$45 + 8 \dots\dots\dots 48$

$63 + 29 \dots\dots\dots 100$

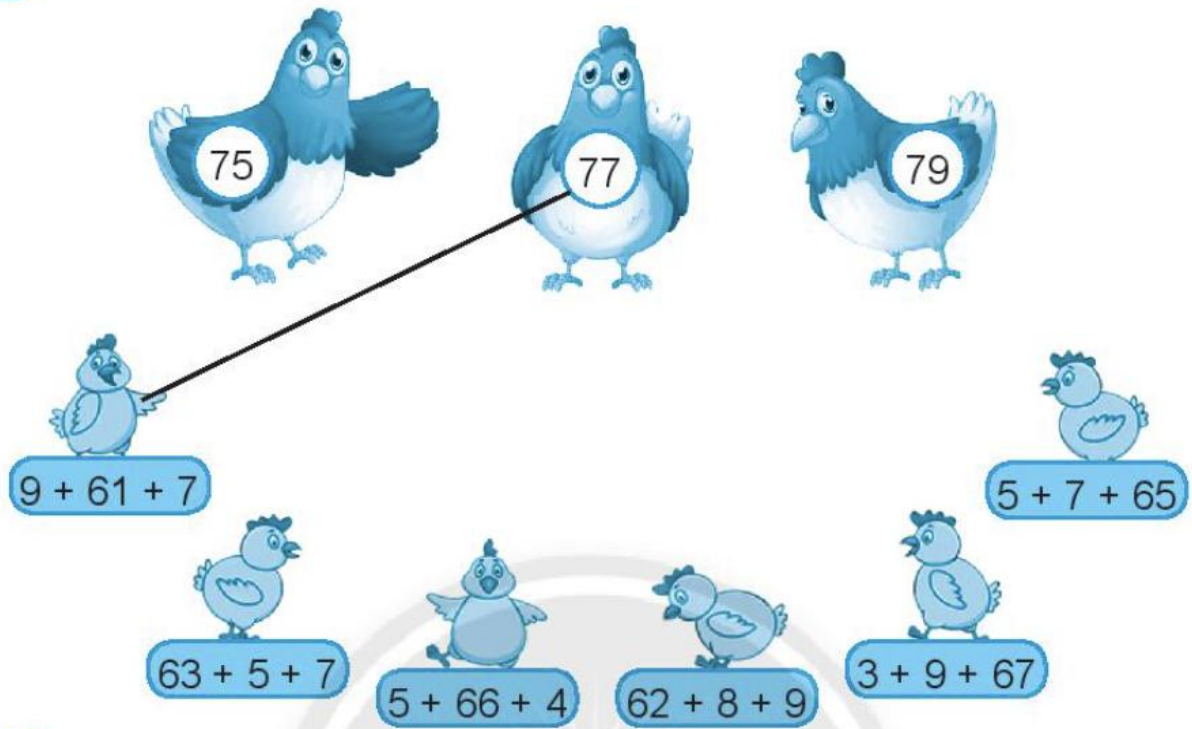
<

$27 + 33 \dots\dots\dots 23 + 37$

$18 + 24 \dots\dots\dots 30$

=

6 **Tính** để giúp gà con tìm mẹ.



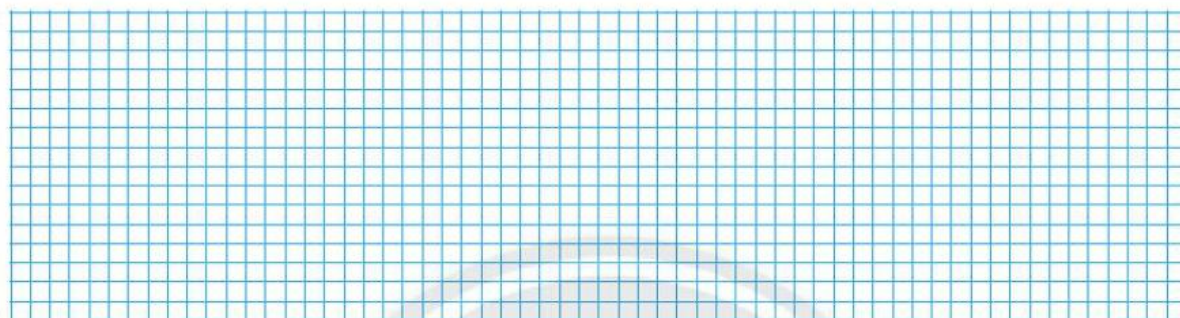
7 **Số?** (theo mẫu)

Mẫu:



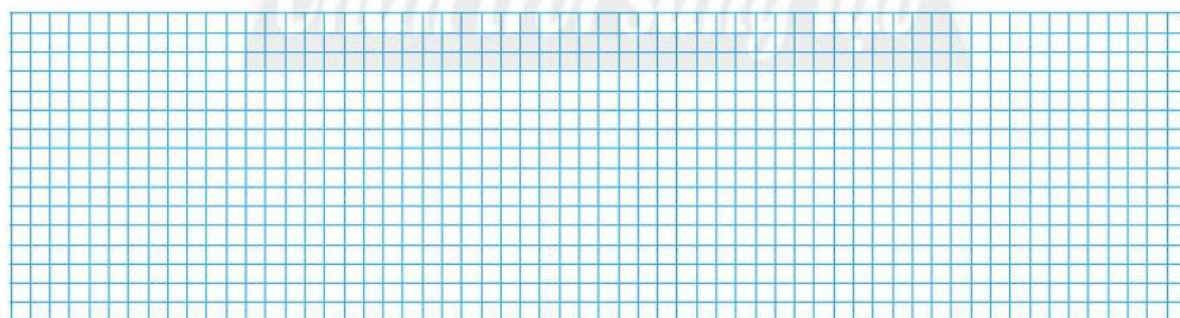
8

Một câu lạc bộ thể thao có **34** bạn chơi cờ vua và **57** bạn chơi cờ tướng. Hỏi câu lạc bộ đó có tất cả bao nhiêu bạn tham gia chơi cờ vua và cờ tướng?



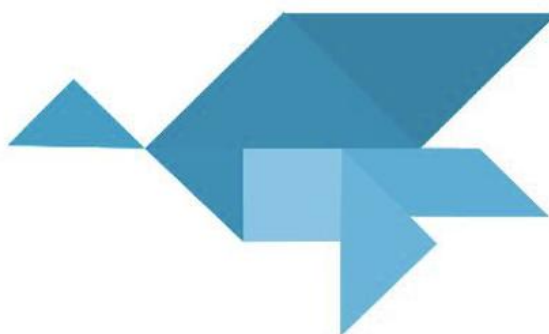
9

Vườn nhà ông Tám trồng **46** cây sầu riêng.
Vườn nhà bà Ba trồng **64** cây sầu riêng.
Hỏi ông Tám trồng ít hơn bà Ba bao nhiêu cây sầu riêng?



10 Vui học.

Xếp hình con chim.



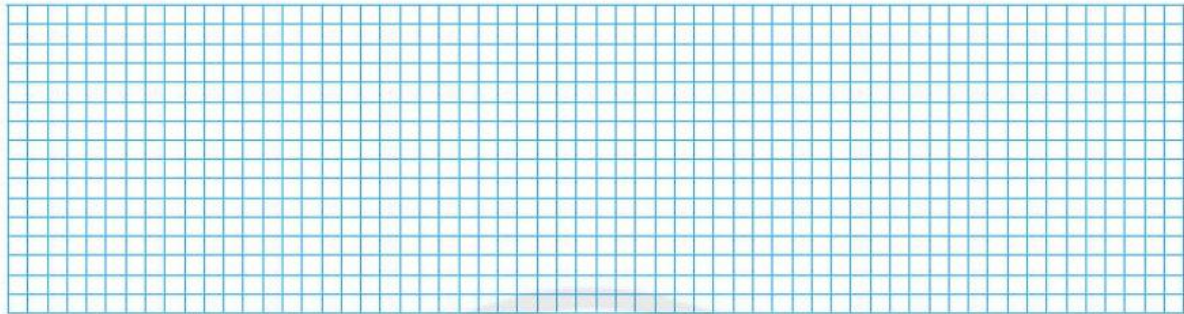
EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Đặt tính rồi tính.

$23 + 37$

$14 + 48$

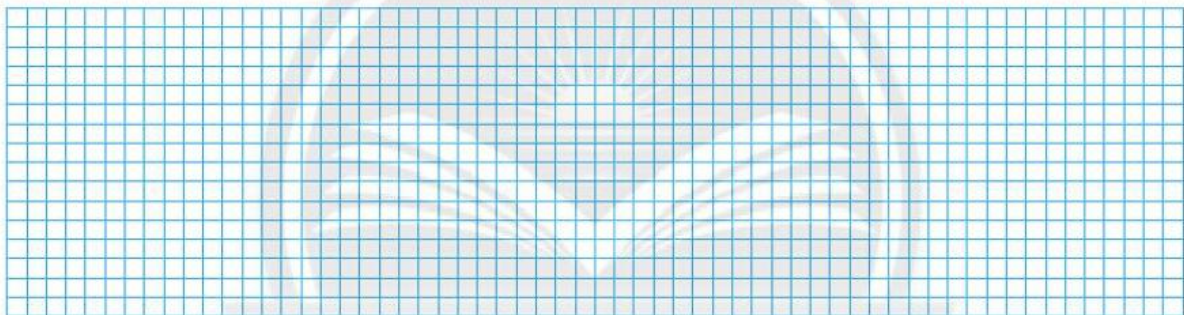
$76 + 9$



$68 + 22$

$36 + 56$

$48 + 7$



2 Tô màu giống nhau cho những quả có tổng bằng nhau.



3



$26 \text{ cm} + 18 \text{ cm} \dots\dots 40 \text{ cm}$

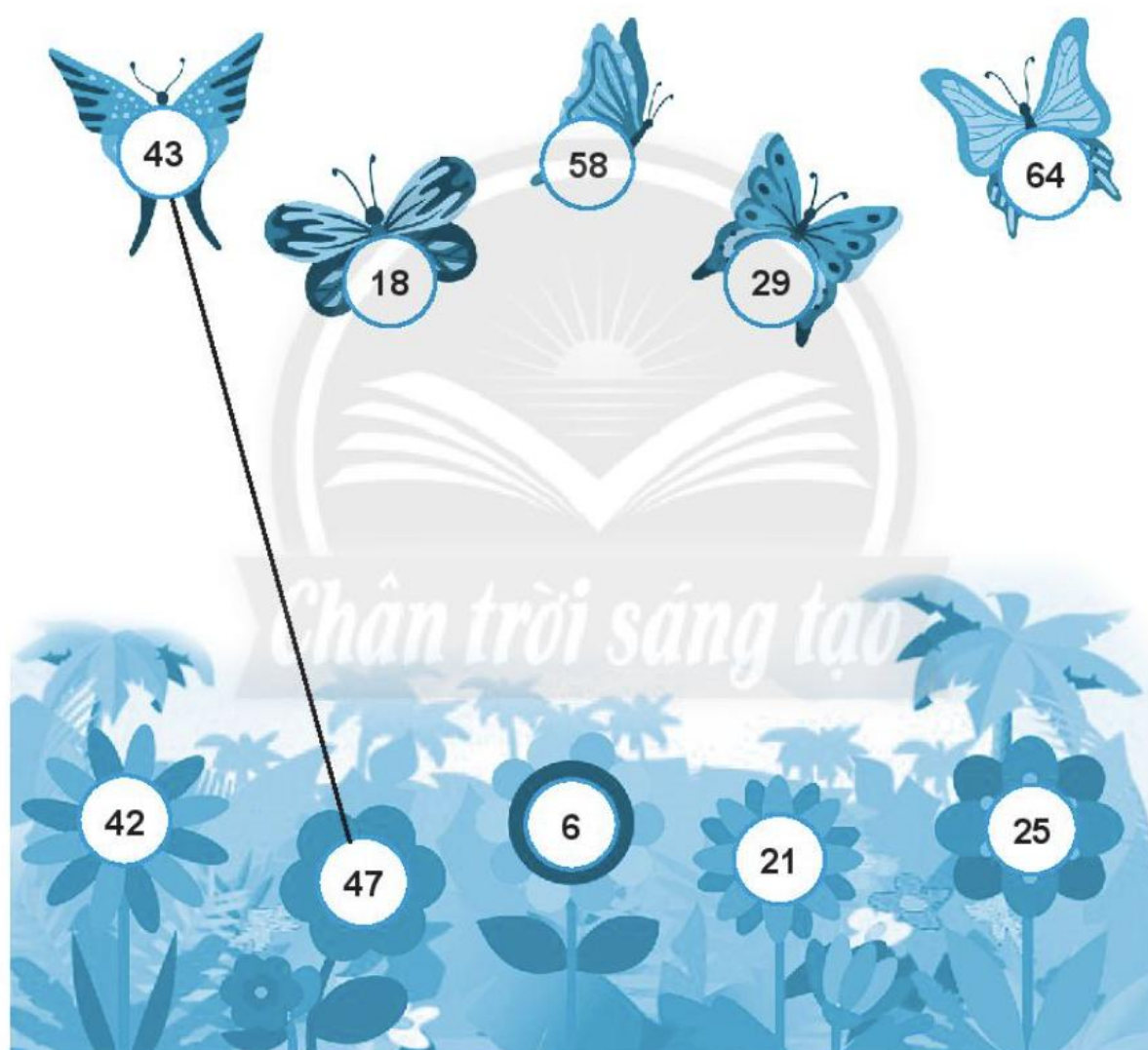
$43 \text{ dm} + 9 \text{ dm} \dots\dots 50 \text{ dm}$

$33 \text{ l} + 59 \text{ l} \dots\dots 100 \text{ l}$

$60 \text{ cm} + 40 \text{ cm} \dots\dots 10 \text{ dm}$

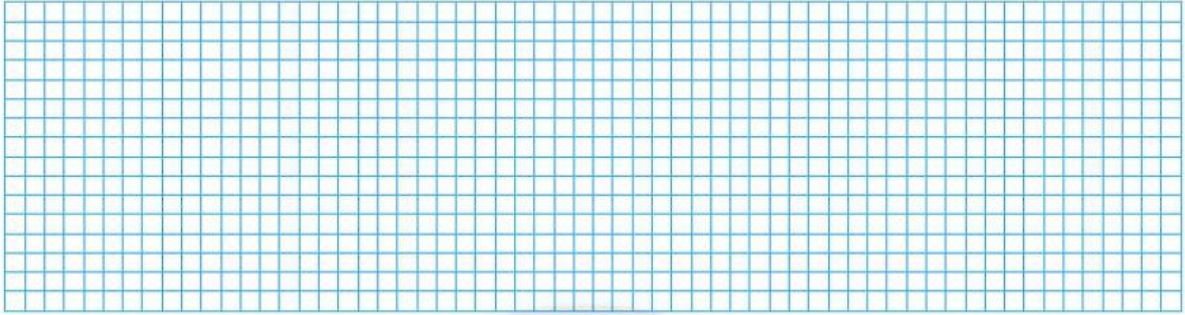
4

Nối các cặp số có tổng là số tròn chục (theo mẫu).



5

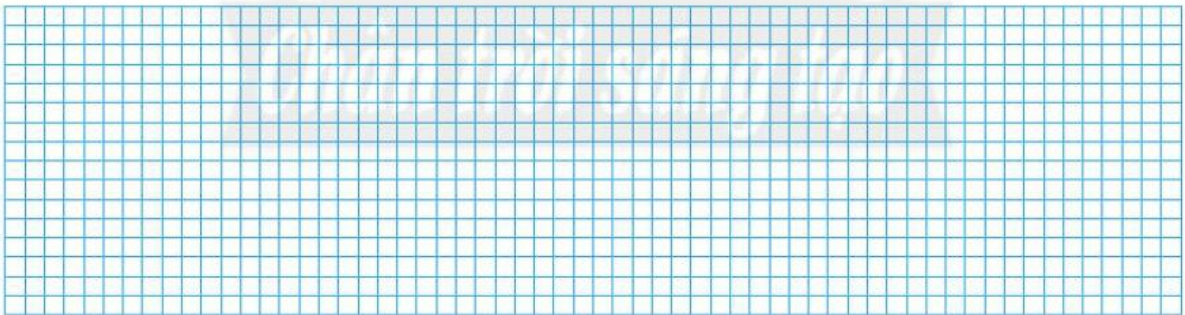
Một cửa hàng bán dầu ăn buổi sáng bán được **38** l dầu, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng **25** l dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu?



6

Thử thách.

Chúng tôi là những số tròn chục nhưng không có **20**. Mỗi chúng tôi thêm **20** nữa thì đều được một số nhỏ hơn **100**. Vậy chúng tôi có thể là những số nào?



PHÉP TRỪ CÓ SỐ BỊ TRỪ LÀ SỐ TRÒN CHỤC

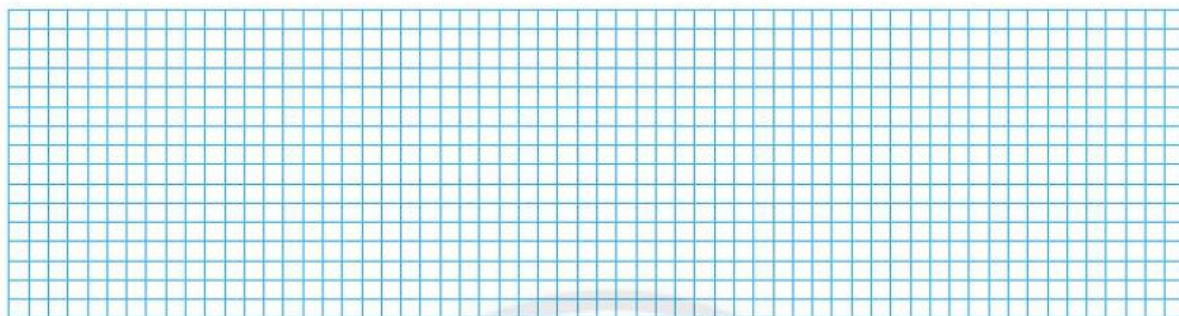
1 Đặt tính rồi tính.

$80 - 15$

$90 - 48$

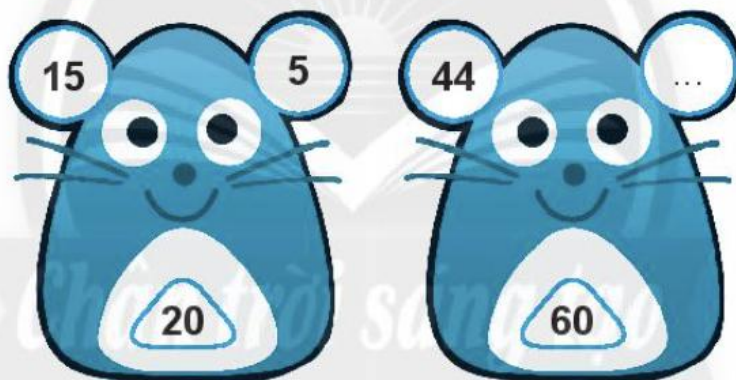
$30 - 7$

$70 - 9$



2 Số? (theo mẫu)

Mẫu:



3 Tính nhẩm.

$$20 \text{ cm} - 4 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$100 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$18 \text{ dm} - 9 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

$$90 \text{ dm} - 30 \text{ dm} = \dots\dots\dots$$

4 Nói (theo mẫu).



$$20 - 17 > \dots$$



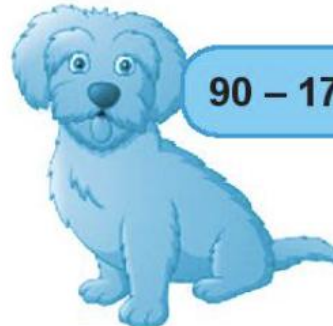
$$40 - 31 = \dots$$



$$30 - 18 > \dots$$



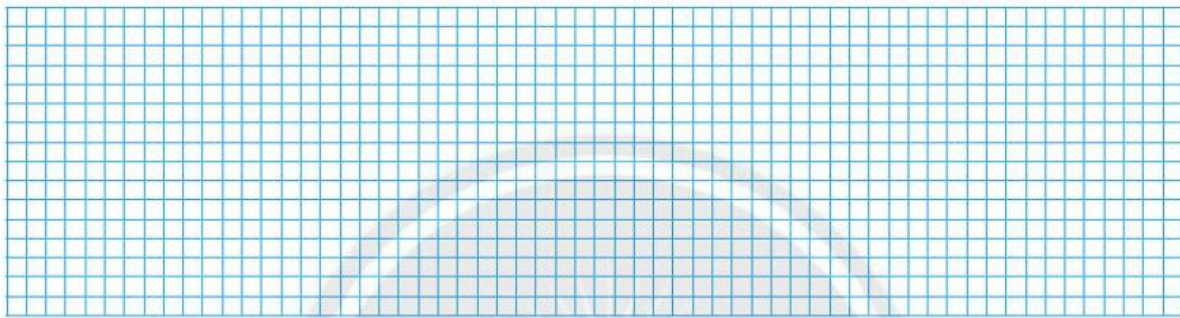
$$80 - 10 = \dots$$



$$90 - 17 < \dots$$

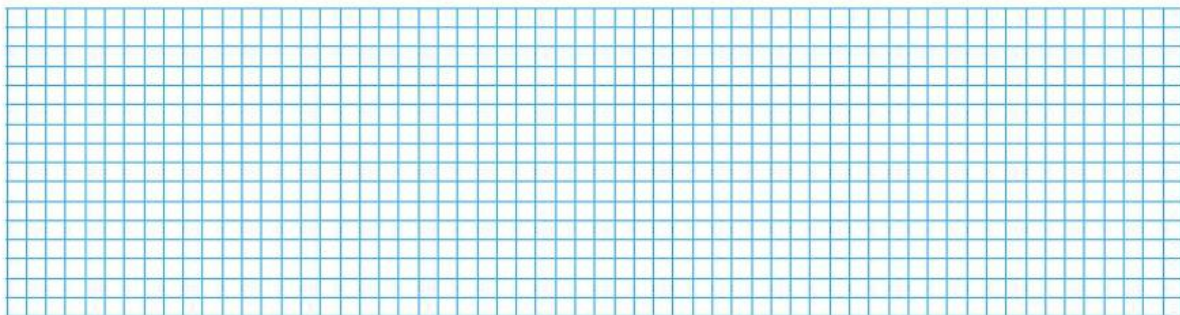
5

Anh Bi cao **90** cm.
 Bé Na thấp hơn anh Bi **18** cm.
 Hỏi bé Na cao bao nhiêu xăng-ti-mét?



6

Lúc đầu có **60** con bướm,
 sau đó **28** con bay đi.
 Hỏi còn lại bao nhiêu
 con bướm?



PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

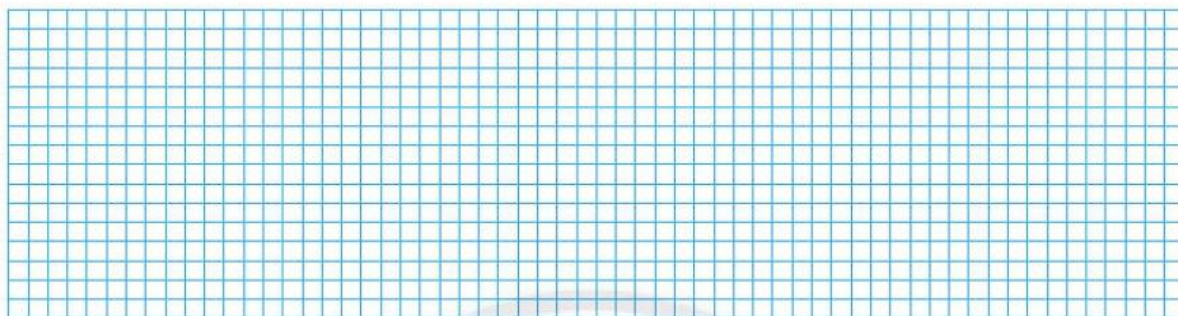
1 Đặt tính rồi tính.

$62 - 15$

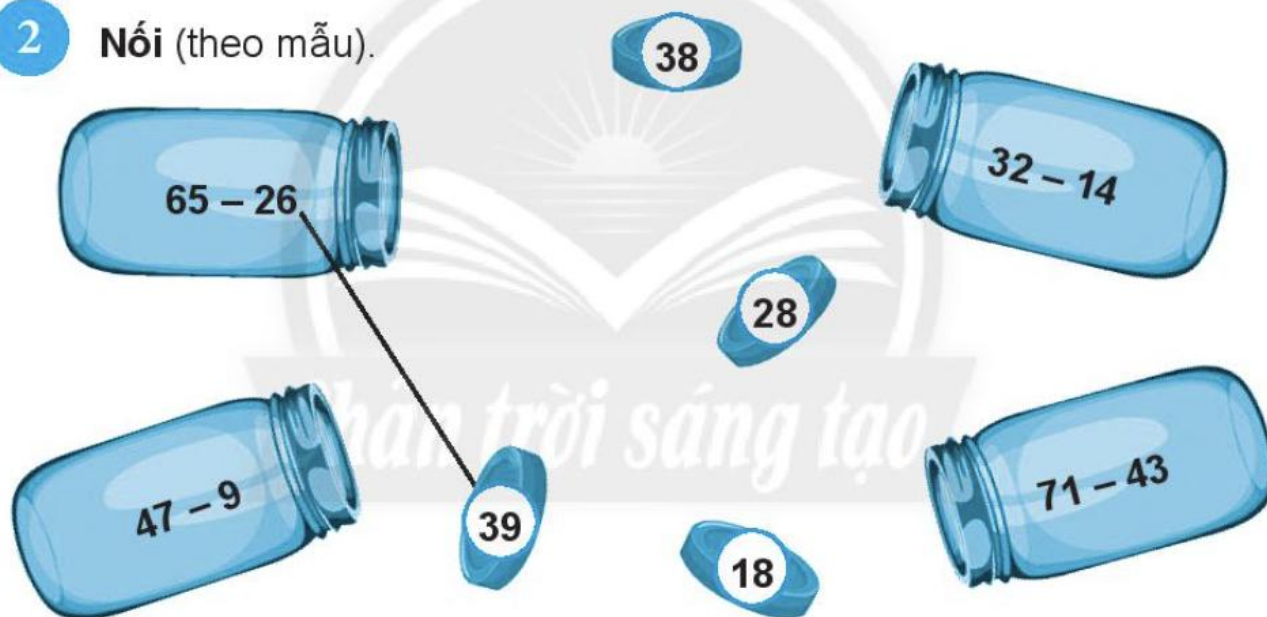
$87 - 48$

$22 - 7$

$34 - 6$

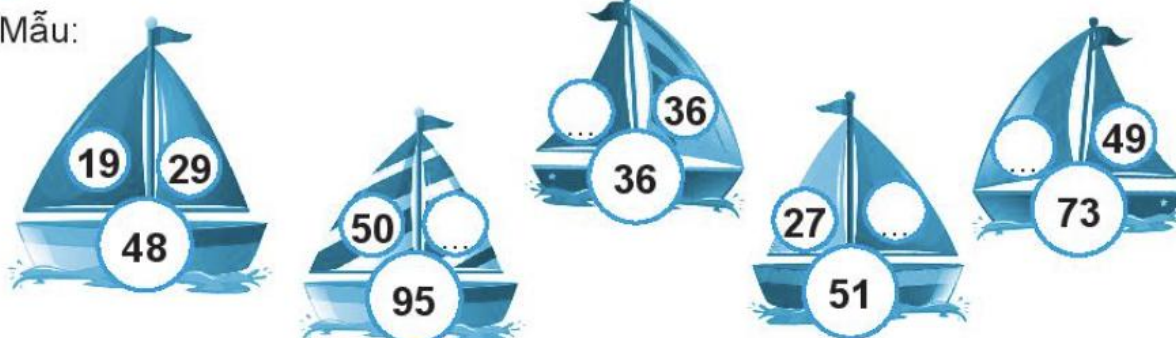


2 Nối (theo mẫu).



3 Số? (theo mẫu)

Mẫu:



4 Tính nhẩm.

$$60 - 10 + 30 = \dots\dots\dots$$

$$20 - 7 - 3 = \dots\dots\dots$$

$$100 - 20 - 40 = \dots\dots\dots$$

$$15 + 5 - 8 = \dots\dots\dots$$

5

>

$$60 \dots 93 - 26$$

$$59 \dots 72 - 19$$

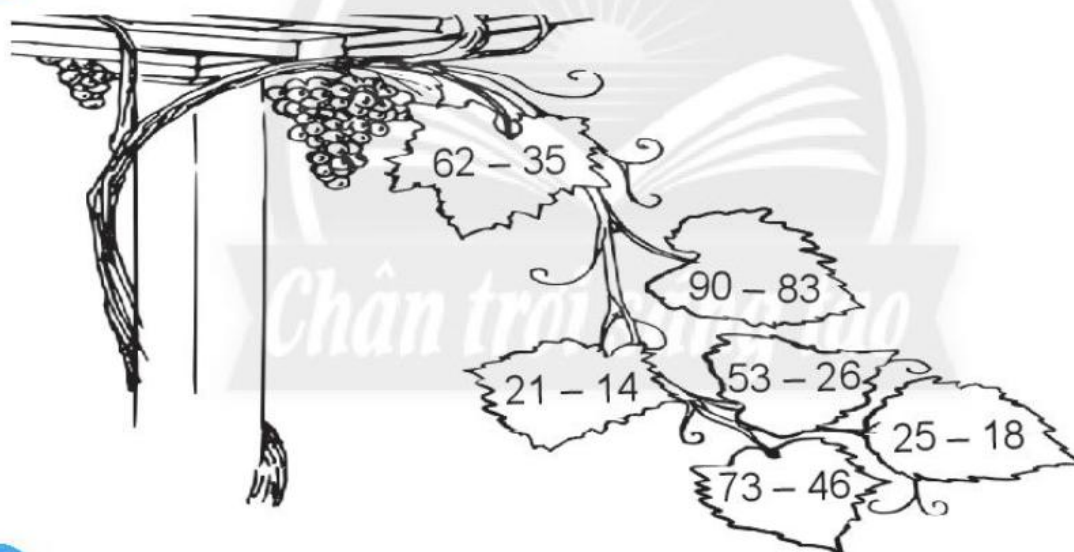
<

=

$$33 \dots 61 - 28$$

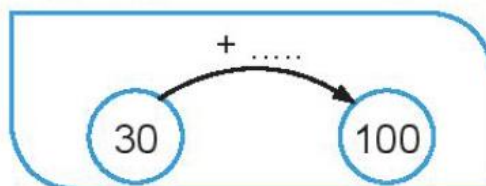
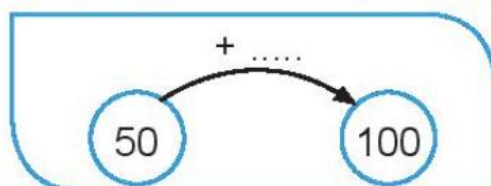
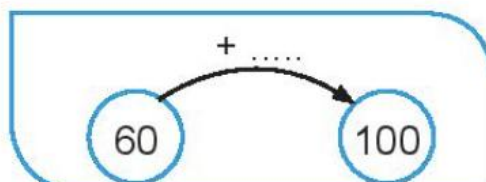
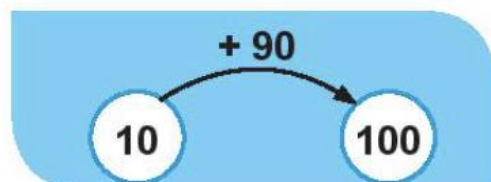
$$68 \dots 68 - 0$$

6 Tô màu giống nhau cho những chiếc lá có hiệu bằng nhau.



7 Số?

Mẫu:



8 Tính:

a) $25 - 5 - 12 = \dots\dots\dots$

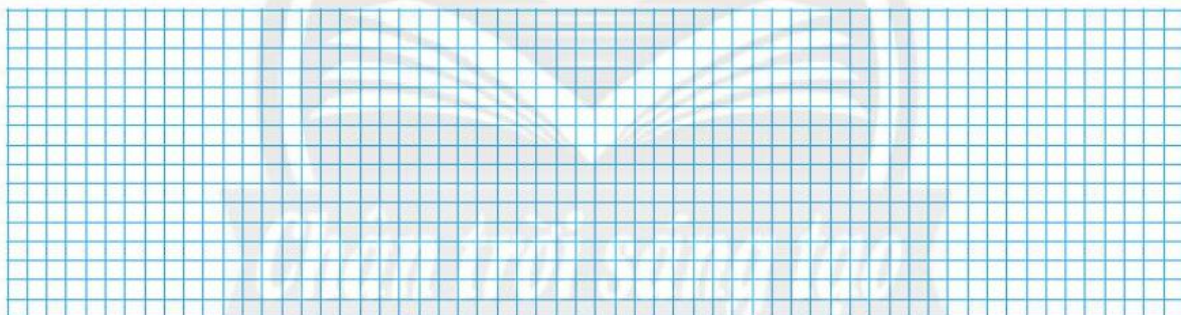
b) $52 - 2 - 17 = \dots\dots\dots$

c) $73 - 3 - 44 = \dots\dots\dots$

d) $48 - 8 - 26 = \dots\dots\dots$

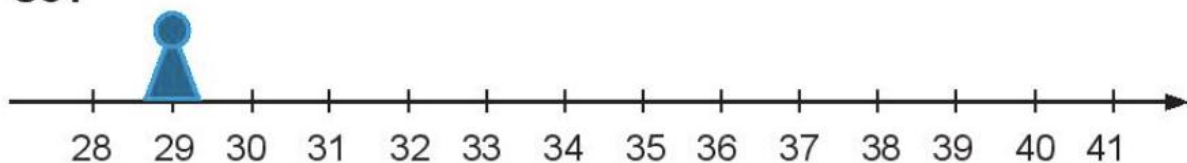
9

Trong hồ có **25** con cá, một số con trốn trong đám rong, còn lại **16** con đang bơi. Hỏi có bao nhiêu con cá trốn trong đám rong?



10 Thử thách.

Số?



Quân cờ của Nam nằm ở vạch **29**.

Nam tung ba quân xúc xắc rồi di chuyển quân cờ theo tổng số các chấm tròn.

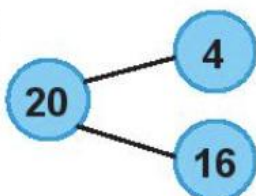
Muốn di chuyển quân cờ đến vạch **41**, thì mặt trên của quân xúc xắc cuối cùng phải có chấm tròn.



EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

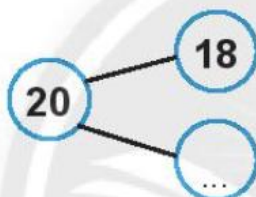
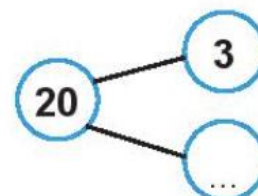
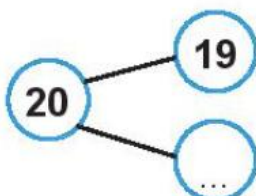
1 Làm theo mẫu.

Mẫu:



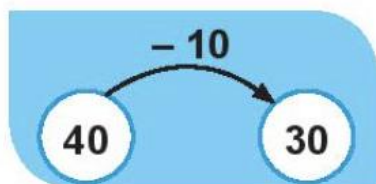
$$20 - 4 = 16$$

$$20 - 16 = 4$$

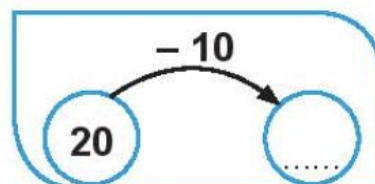
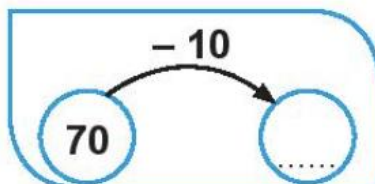


2 Số? (theo mẫu)

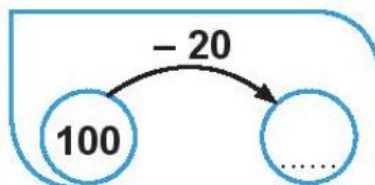
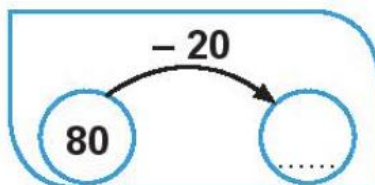
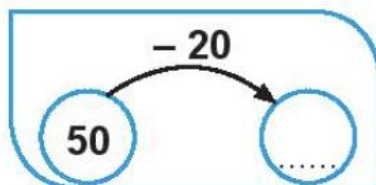
Mẫu:



a)



b)



3

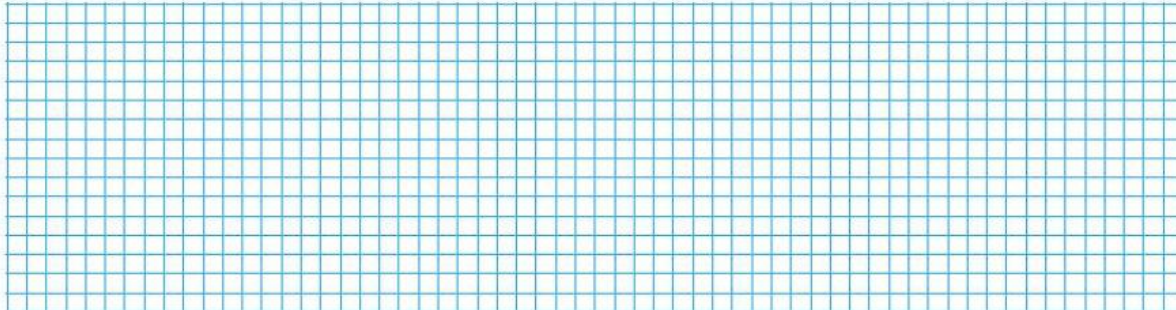
Đặt tính rồi tính.

$73 - 28$

$60 - 34$

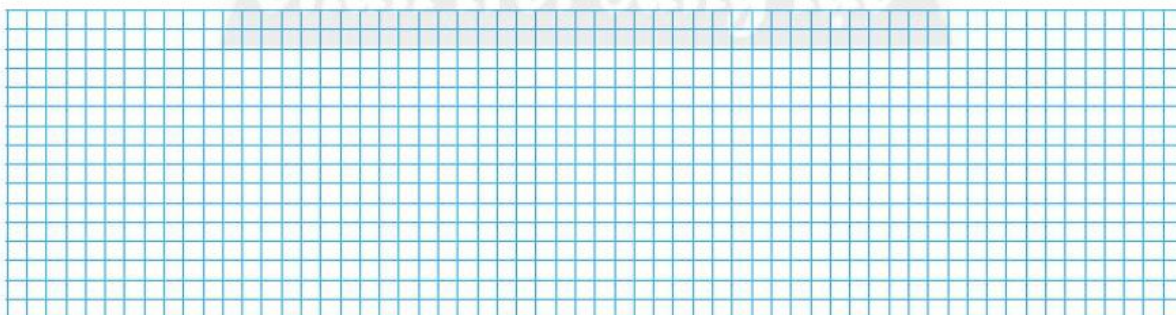
$85 - 7$

$30 - 3$



4

Nam có **52** con tem. Nam
tặng Minh **18** con tem.
Hỏi Nam còn lại bao nhiêu
con tem?



5

a) Đánh dấu (✓) vào xô có chứa **nhều nước hơn**.

b) **Viết** vào chỗ chấm.

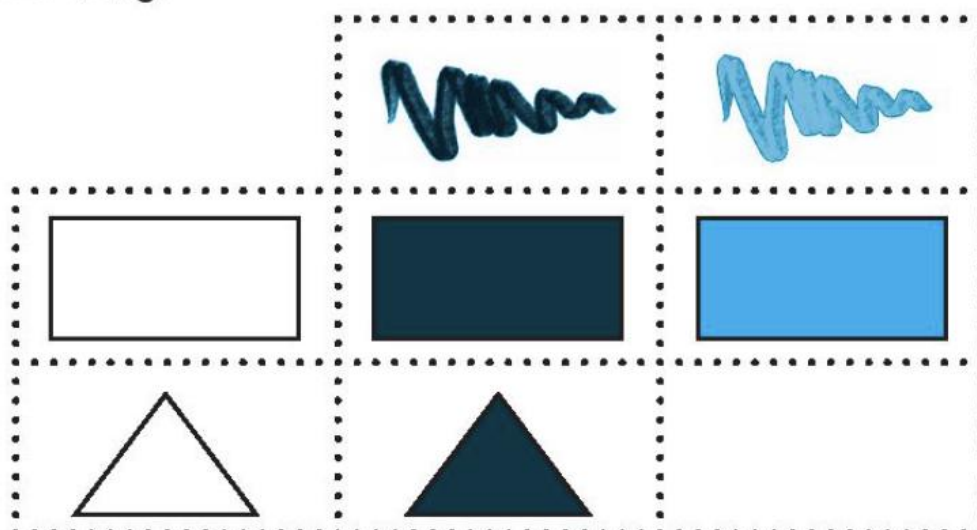
Xô màu đựng nhiều hơn xô màu là l nước.



6

Thử thách.

Vẽ hình vào ô trống.



THU THẬP, PHÂN LOẠI, KIỂM ĐẾM

Số?

1 Tìm hiểu về các dụng cụ thể thao.

a) **Thu thập**

Dưới đây là các dụng cụ thể thao trong tủ một lớp học.



b) **Phân loại**

Có loại dụng cụ (quả cầu, quả bóng và sợi dây).

c) **Kiểm đếm**

Có quả bóng.

Có sợi dây.

Có quả cầu.

2 Tìm hiểu về các bạn trong lớp em.

a) **Thu thập**

Quan sát các học sinh trong lớp học của em.



b) **Phân loại**

Theo giới tính, lớp em gồm các bạn nam và các bạn nữ.

c) **Kiểm đếm**

Có bạn nam.

Có bạn nữ.

3 Tìm hiểu về phương tiện đi học của học sinh tổ em.

a) **Thu thập**

Trao đổi trong tổ để biết mỗi bạn đến trường bằng phương tiện nào.

b) **Phân loại**

Các bạn tổ em đến trường bằng loại phương tiện: đi bộ, xe đạp, xe máy và các phương tiện khác (xe buýt, xe ô tô, ...).

c) **Kiểm đếm**

Có bạn đi bộ.

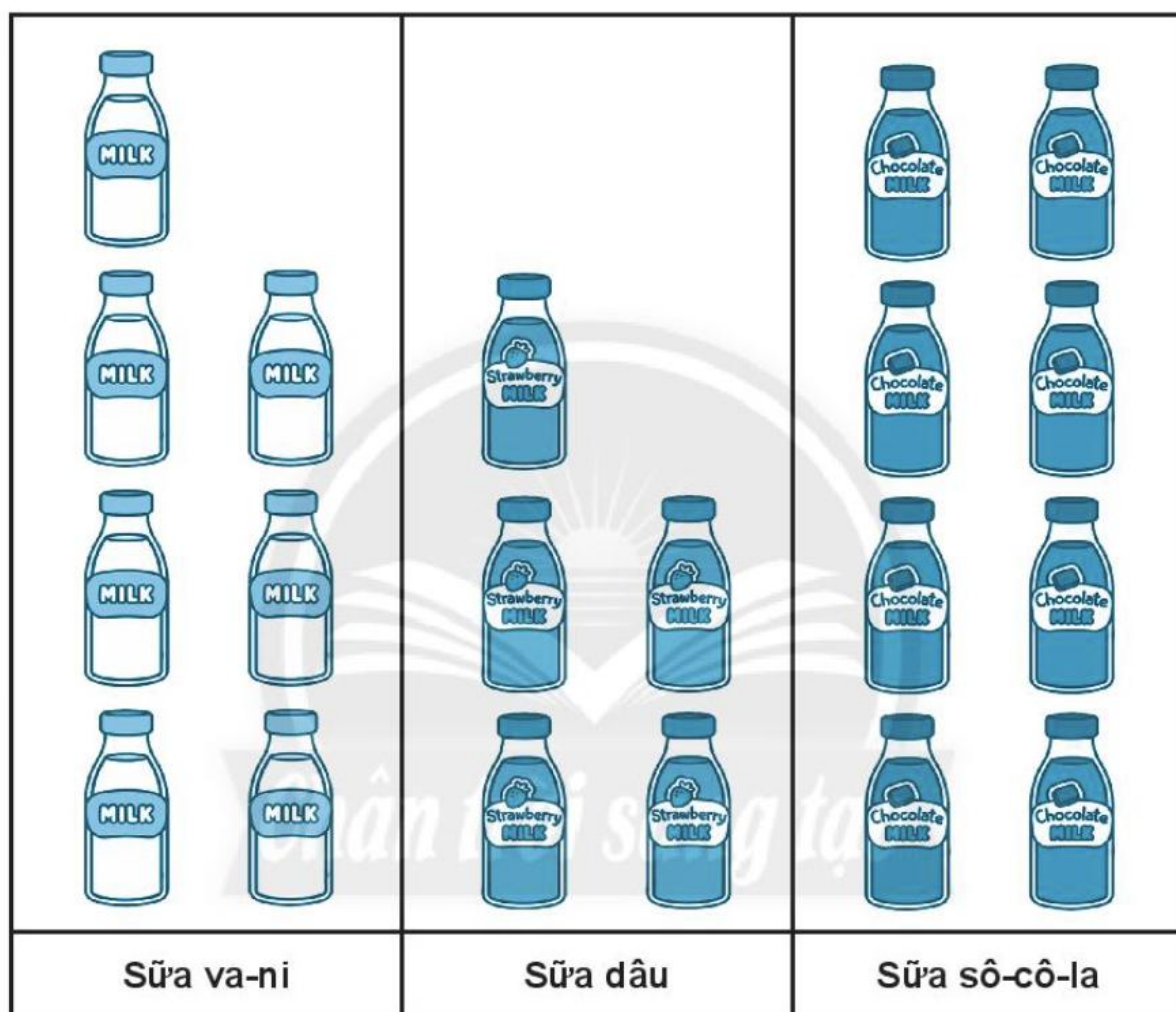
Có bạn đi xe đạp (tự đi hoặc người thân chở).

Có bạn đi xe máy (người thân chở).

Có bạn đi bằng các phương tiện khác.

BIỂU ĐỒ TRANH

1 Sữa trong thùng.



Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

- Sữa dâu ít nhất, sữa sô-cô-la nhiều nhất.
- Sữa va-ni nhiều hơn sữa sô-cô-la 1 chai.
- Sữa dâu ít hơn sữa va-ni 2 chai.
- Tất cả có 20 chai sữa.

☐

☐

☐

☐

2

Quan sát cây trong vườn nhà ông bà.



Biểu đồ tranh biểu thị cây trong vườn nhà ông bà:

Cây trong vườn nhà ông bà	
 Cây chuối	
 Cây đu đủ	
 Cây dừa	

Mỗi  thể hiện một cây.

Điền từ (**cây chuối, cây đu đủ** hay **cây dừa**) vào chỗ chấm.

- a) Số nhiều nhất.
- b) Số ít nhất.
- c) Số nhiều hơn số là 2 cây.
- d) Tổng số và là 15 cây.

3 Biểu đồ sau biểu thị số thức ăn trong một buổi liên hoan.

Bánh ngọt	
Kem	
Kẹo mút	
Bánh kẹp thịt	

a) **Số?**

Có cái bánh ngọt.

Có cây kem.

Có cái kẹo mút.

Có cái bánh kẹp thịt.

b) Điền từ (**nhiều hơn, ít hơn** hay **nhiều nhất**) vào chỗ chấm:

Số kem là

Số bánh ngọt số kem nhưng số kẹo mút.

4 Tìm hiểu về các bạn cùng tổ.

a) **Thu thập**

Dưới đây là các bạn học sinh trong một tổ.



• **Phân loại**

Bạn đeo kính, bạn không đeo kính.

• **Kiểm đếm**

Số?

Có bạn đeo kính.

Có bạn không đeo kính.

b) Vẽ dấu **X** vào bảng thể hiện số học sinh mỗi loại.
(Mỗi dấu **X** thể hiện một học sinh).

Bạn đeo kính	
Bạn không đeo kính	

c) **Viết** các từ thích hợp vào chỗ chấm.

- Số bạn đeo kính số bạn không đeo kính là 4 bạn.
- Số bạn không đeo kính số bạn đeo kính là 4 bạn.

5 Tìm hiểu về đồ chơi yêu thích của các bạn trong nhóm.

a) **Thu thập**

Có một nhóm học sinh, mỗi bạn chọn một món đồ chơi yêu thích.

Dưới đây là các món đồ chơi mà các bạn đã chọn:



• **Phân loại**

Số?

Các món đồ chơi trên gồm loại.

• **Kiểm đếm**

Số?

Có xe ô tô. Có gấu bông. Có búp bê.

b) Vẽ dấu **X** vào bảng thể hiện số đồ chơi mỗi bạn chọn.

(Mỗi dấu **X** thể hiện một món đồ chơi).

Xe ô tô	
Gấu bông	
Búp bê	

c) Dùng các từ **nhieu nhất, bằng** để viết về số đồ chơi trên.

-
-

CÓ THỂ, CHẮC CHẮN, KHÔNG THỂ

1 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

- a) $8\text{ cm} + 3\text{ cm}$ **chắc chắn** lớn hơn 1 dm .
- b) $13\text{ cm} - 12\text{ cm}$ **có thể** bằng 1 dm .
- c) 1 gang tay của em **không thể** dài 5 dm .

☐
☐
☐

2 Quan sát hình ảnh sau:



Đánh dấu (✓) vào câu đúng.

- a) Khối hình lấy ra **có thể** là khối lập phương.
- b) Khối hình lấy ra **không thể** là khối lập phương.
- c) Khối hình lấy ra **chắc chắn** là khối hộp chữ nhật.

☐
☐
☐

3 Điền từ thích hợp (**có thể, chắc chắn, không thể**) vào chỗ chấm.

- a) Không rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, em sẽ bị nhiễm bệnh giun sán.
- b) Em thức dậy lúc **7 giờ** sáng thì em có mặt tại trường vào lúc **7 giờ** sáng hôm đó.
- c) Nếu vượt đèn đỏ khi tham gia giao thông thì vi phạm Luật giao thông.

NGÀY, GIỜ

1 Nói (theo mẫu).

a)

14:00 17:00 3:00 18:00

13:00 16:00 15:00 5:00

b)

00:00 22:00 21:00 8:00

10:00 23:00 19:00 20:00

2

Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

- a) Một ngày có 24 giờ.
- b) 24 giờ trong một ngày được tính từ 0 giờ đến 12 giờ.
- c) Buổi sáng: từ 1 giờ đến 10 giờ.
- d) Buổi trưa: từ 11 giờ đến 15 giờ.
- e) Buổi chiều: từ 13 giờ đến 18 giờ.
- g) Buổi tối: từ 19 giờ đến 21 giờ.
- h) Buổi đêm: từ 24 giờ đến 0 giờ.

3

Vẽ thêm kim giờ cho phù hợp.



Buổi sáng,
Nam thức dậy lúc **6** giờ.



Nam ăn cơm lúc **11** giờ trưa.



Nam tan học
lúc **16** giờ.



7 giờ tối, Nam chuẩn bị
sách vở cho ngày mai.



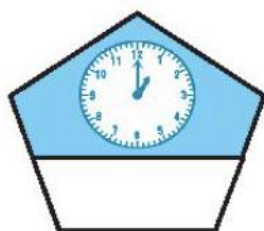
Nam ngủ
lúc **10** giờ đêm.

4 Làm theo mẫu.

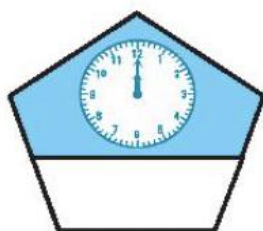
Mẫu:



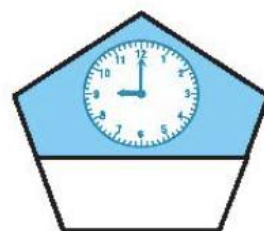
5 giờ chiều hay 17 giờ.



1 giờ chiều hay
..... giờ.



12 giờ đêm hay
..... giờ.



9 giờ tối hay
..... giờ.

5 Số? (theo mẫu)

Mẫu:



16 giờ, chúng em đi bơi.



..... giờ, gia đình em ăn cơm tối.

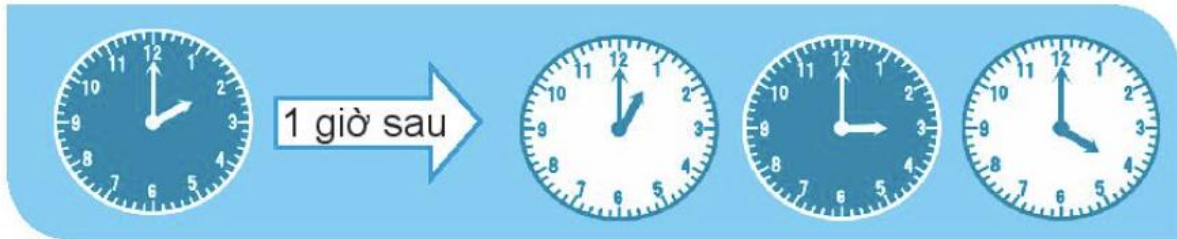


..... giờ, em đi ngủ.

6 Khám phá.

Tô màu đồng hồ (theo mẫu).

Mẫu:



a)



b)



NGÀY, THÁNG

- 1 Xem tờ lịch tháng 2 sau. Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

Tháng 2 2022

- Tháng 2 này có ngày.
- Ngày 3 tháng 2 là thứ
- Tháng 2 có ngày Chủ nhật.
- Ngày cuối cùng của tháng 2 là thứ ngày
- Thứ Năm tuần này là ngày 10. Thứ Năm tuần sau là ngày

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
	1	2	3	...	...	6
7	...	9	10	...	12	...
...	15	...	...	18	19	20
21	...	23	...	25	...	27
28						

- 2 Xem tờ lịch tháng 3 sau.

a) Viết tiếp các ngày còn thiếu vào tờ lịch.

b) **Số?**

- Tháng 3 có ngày.
- Chủ nhật tuần này là ngày 20 tháng 3.
- Chủ nhật tuần trước là ngày tháng 3.
- Chủ nhật tuần sau là ngày tháng 3.

Tháng 3 2022

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
	1	2	3	4	5	6
7	...	9	10	11	12	...
14	15	16	17	...	...	20
21	22	...	...	25	26	...
28	...	30	...			

- c) Ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 năm nay là thứ
 Còn đúng 1 tuần nữa là đến ngày 8 tháng 3, hôm nay là thứ
 ngày tháng 3.

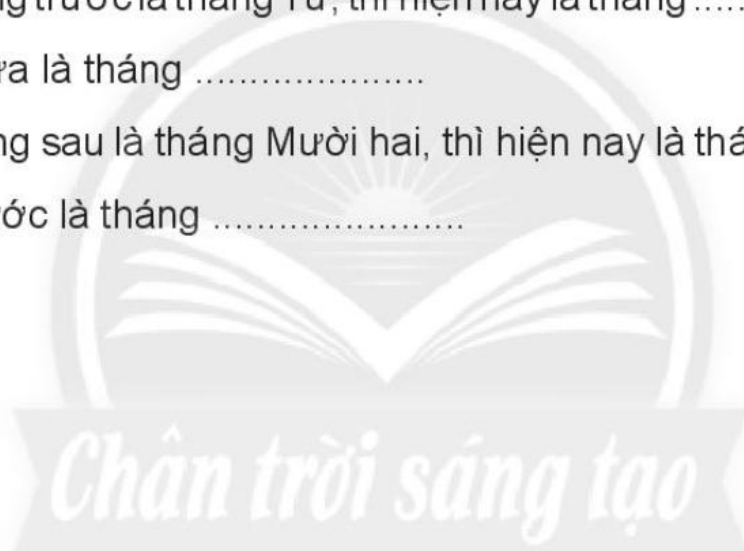
Viết tiếp vào chỗ chấm cho hợp lí.

3 Nam tham gia Câu lạc bộ bơi lội vào thứ Tư và thứ Bảy; tham gia Câu lạc bộ mỹ thuật vào thứ Năm và thứ Bảy. Thứ Bảy ngày 5 tháng 3 là ngày đầu tiên Nam học cả hai môn. Tiếp theo, trong tháng 3, Nam sẽ học cả hai môn vào các ngày: 12;

.....

4 Nếu tháng trước là tháng Tư, thì hiện nay là tháng, hai tháng nữa là tháng

Nếu tháng sau là tháng Mười hai, thì hiện nay là tháng, ba tháng trước là tháng



EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

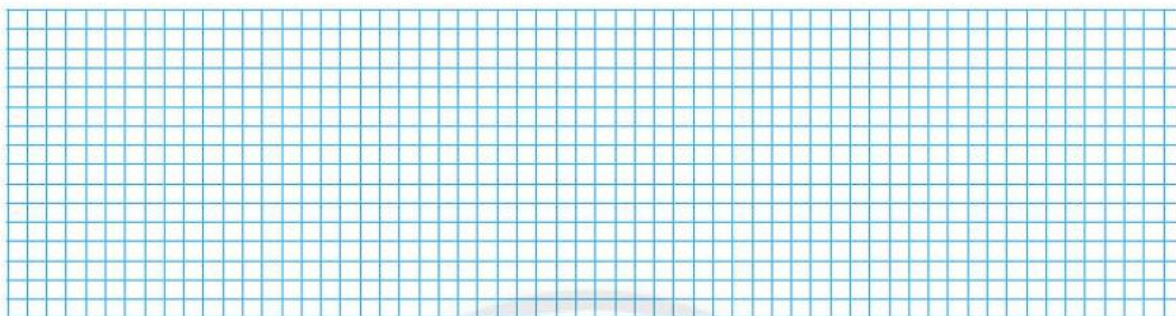
1 Đặt tính rồi tính.

$28 + 65$

$47 + 9$

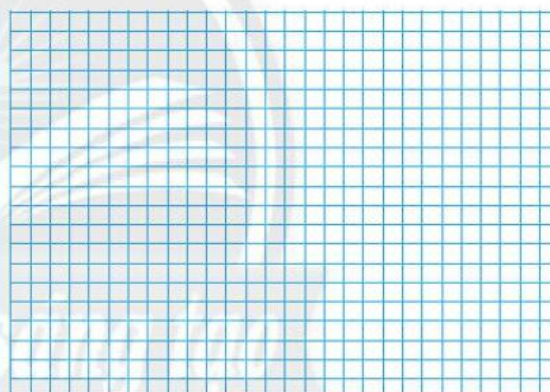
$82 - 53$

$91 - 4$



2

Số viết ở mỗi hộp chỉ số lượng bóng của từng hộp. Cả hai hộp có bao nhiêu quả bóng?



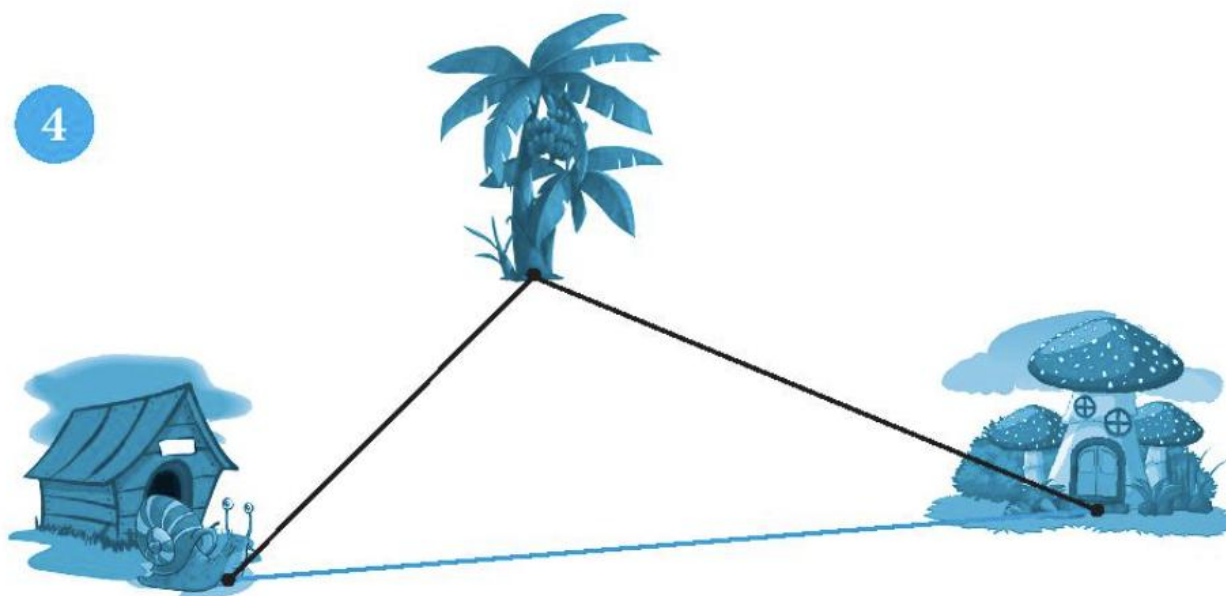
3

Quan sát hình ảnh, **viết** vào chỗ chấm.

Pháo hoa chúc mừng năm mới
sẽ bắt đầu bắn lúc giờ
buổi ,
thứ ngày tháng



4



Từ nhà Sên đến nhà Nấm có hai cách đi: theo đường màu đen hoặc theo đường màu xanh.

Viết vào chỗ chấm.

a) **Quan sát hình, ước lượng:** Đường màu ngắn hơn đường màu

b) **Đo và tính:**

- Đường màu xanh dài cm.
- Đường màu đen dài cm.
- Đường màu xanh ngắn hơn đường màu đen cm.

5

Tìm hiểu về số bạn nữ, số bạn nam trong tổ em.

a) **Số?** Tổ em có bạn nữ và bạn nam.

b) **Tô màu** thể hiện số bạn trong tổ: **Mỗi bạn tô một ô vuông.**

(Số ô vuông được tô bằng số bạn trong tổ, các ô còn lại không tô)

Nữ							
Nam							

c) Dùng từ **nhiều hơn** hay **bằng** để viết về số bạn nam, nữ.

.....

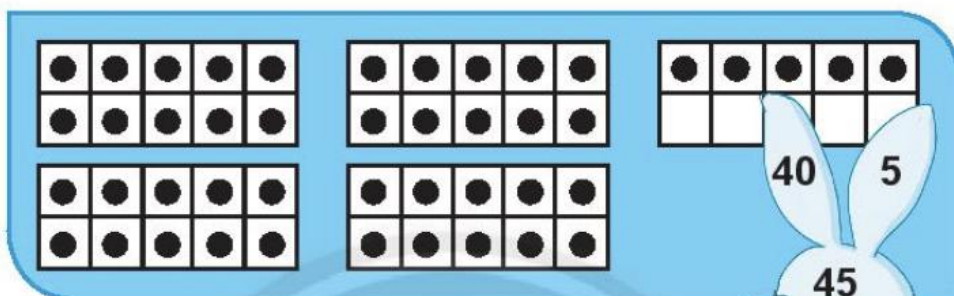
ÔN TẬP HỌC KÌ I

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1 Quan sát hình vẽ các chấm tròn.

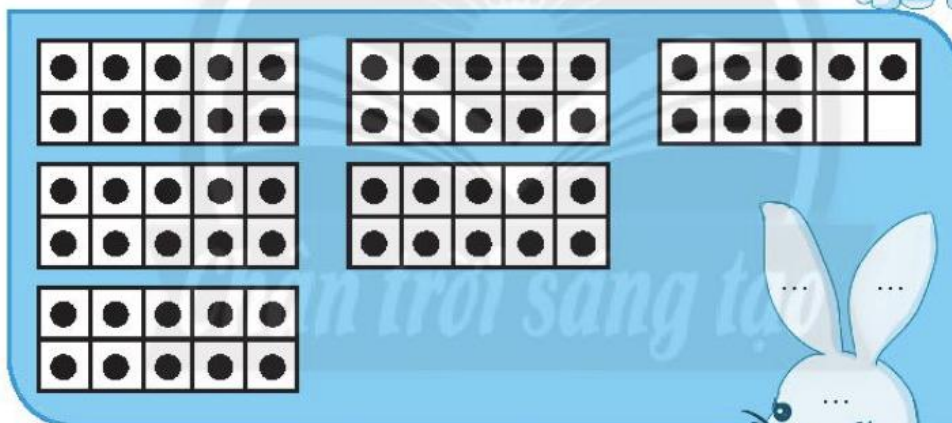
Số? (theo mẫu)

Mẫu:



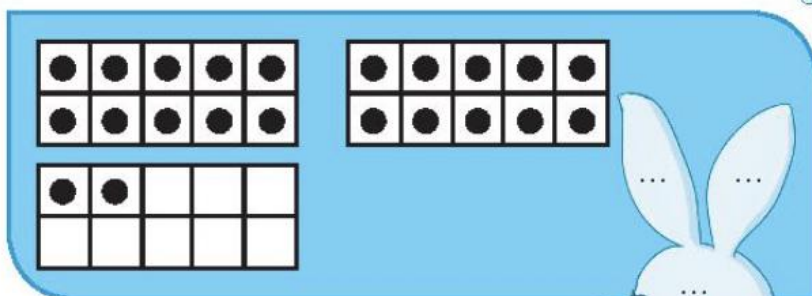
Có **45** chấm tròn.

a)



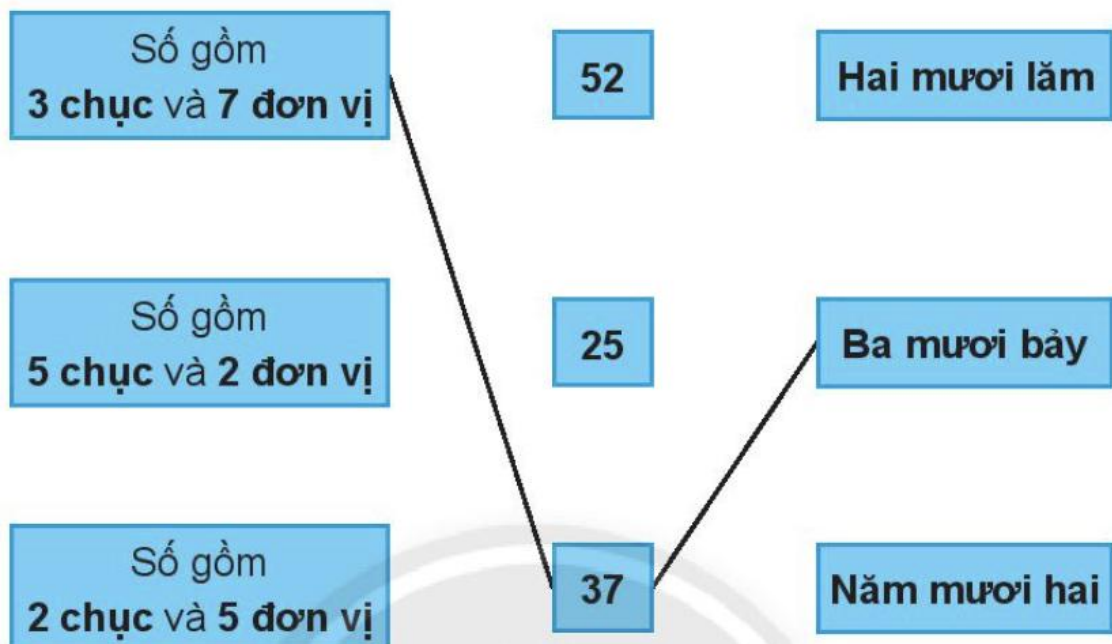
Có chấm tròn.

b)

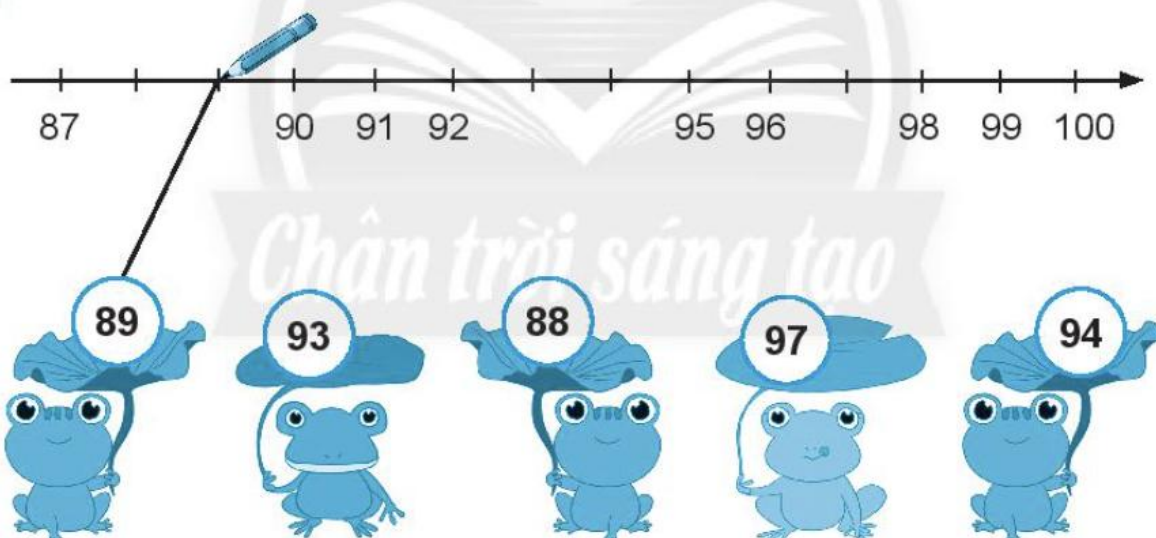


Có chấm tròn.

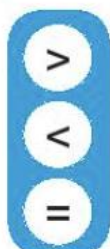
2 Nối các ô phù hợp (theo mẫu).



3 Nói (theo mẫu).



4



35 22

38 46

77 79

$80 + 2$ 82

64 $60 + 40$

$50 + 2$ $20 + 5$

5 Đánh dấu (✓) vào số lớn nhất.

a)



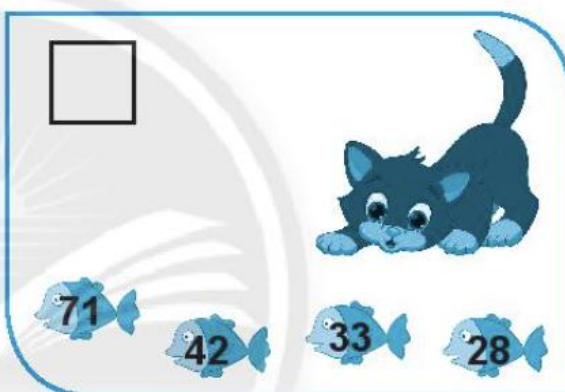
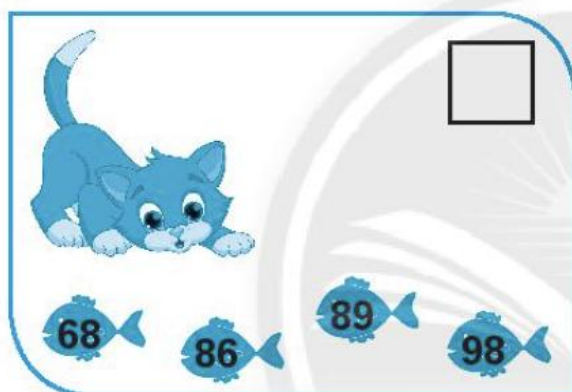
b)



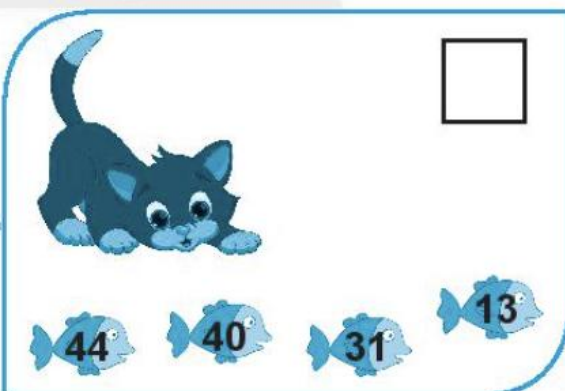
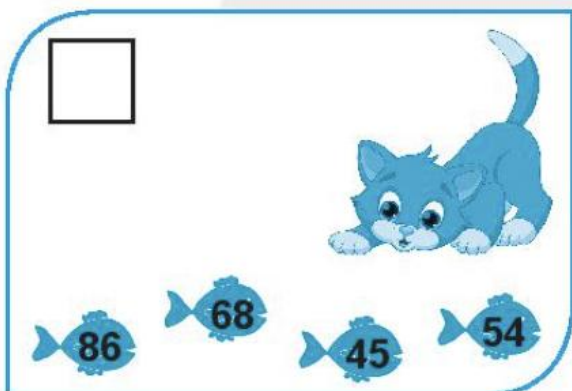
6 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Dãy số được sắp theo thứ tự

a) từ bé đến lớn.



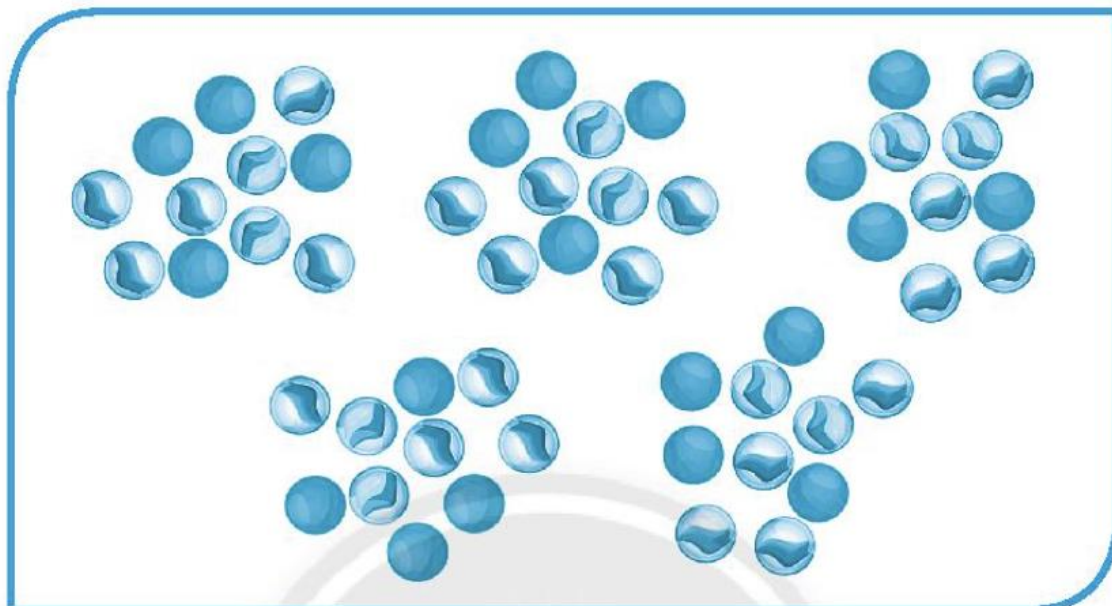
b) từ lớn đến bé.



7 Ước lượng rồi đếm.

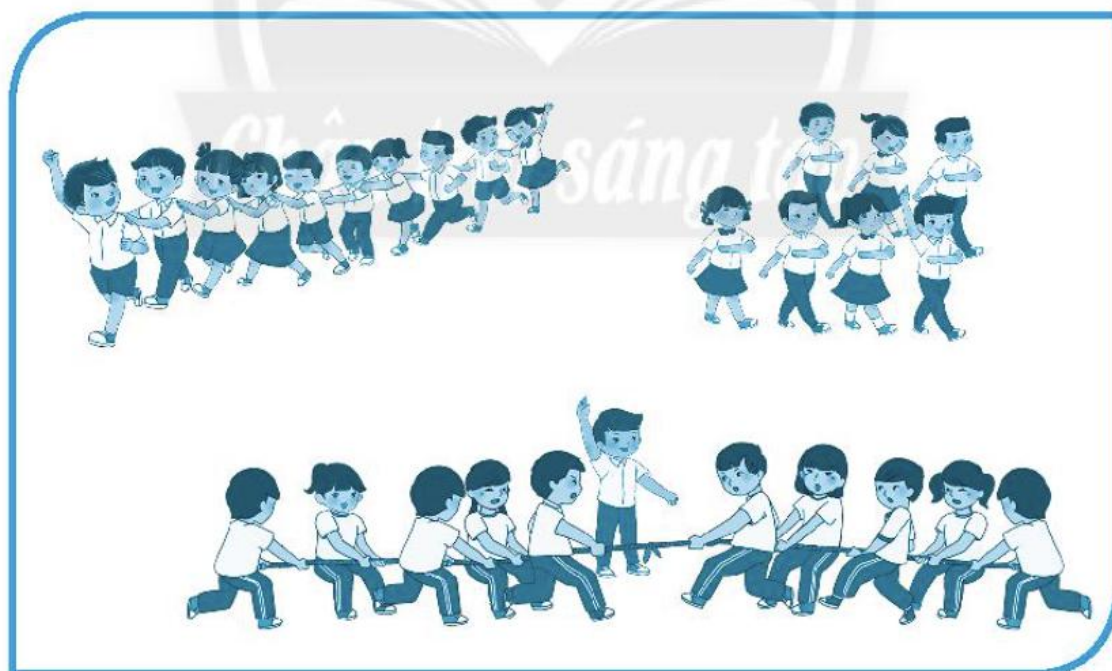
Số?

a)



- Ước lượng: Có khoảng viên bi.
- Đếm: Có viên bi.

b)



- Ước lượng: Có khoảng bạn.
- Đếm: Có bạn.

ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1 Tính nhẩm.

$7 + 8 = \dots$

$6 + 6 = \dots$

$4 + 9 = \dots$

$11 - 3 = \dots$

$14 - 5 = \dots$

$16 - 8 = \dots$

$70 + 10 = \dots$

$20 + 30 = \dots$

$40 + 60 = \dots$

$60 - 30 = \dots$

$90 - 40 = \dots$

$100 - 50 = \dots$

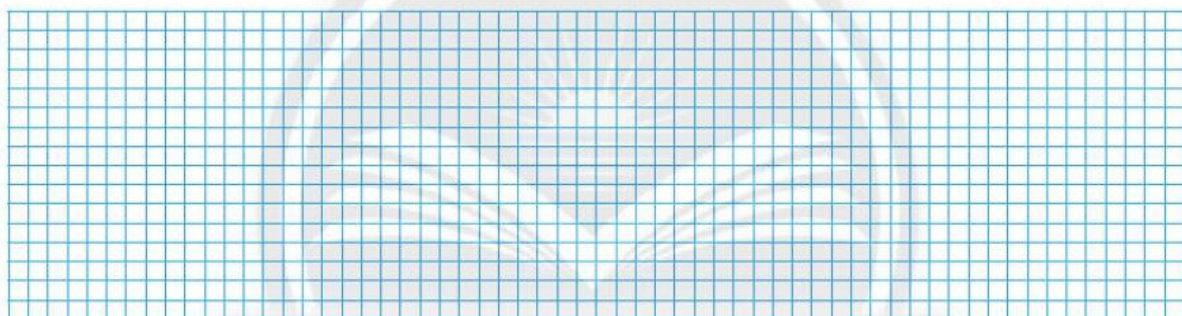
2 Đặt tính rồi tính.

$38 + 19$

$88 + 5$

$40 - 27$

$93 - 8$



3 Tính:

$25 + 10 + 9 = \dots$

$36 + 20 + 8 = \dots$

$25 + 19 = \dots$

$36 + 28 = \dots$

$65 - 30 - 6 = \dots$

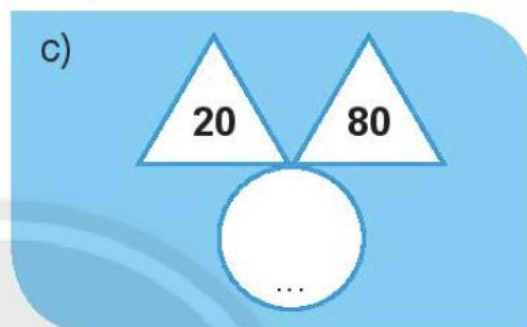
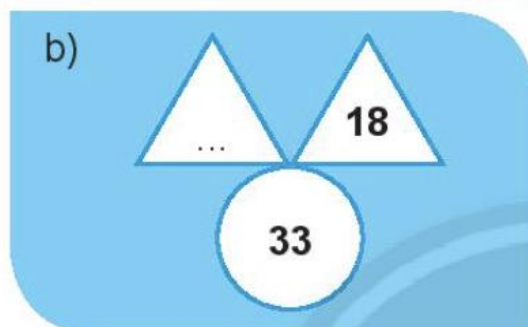
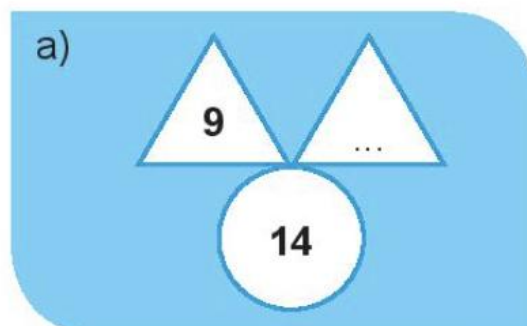
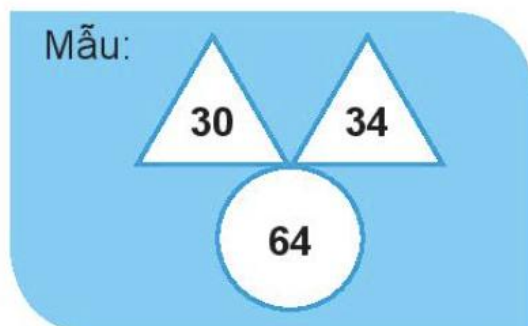
$42 - 20 - 7 = \dots$

$65 - 36 = \dots$

$42 - 27 = \dots$

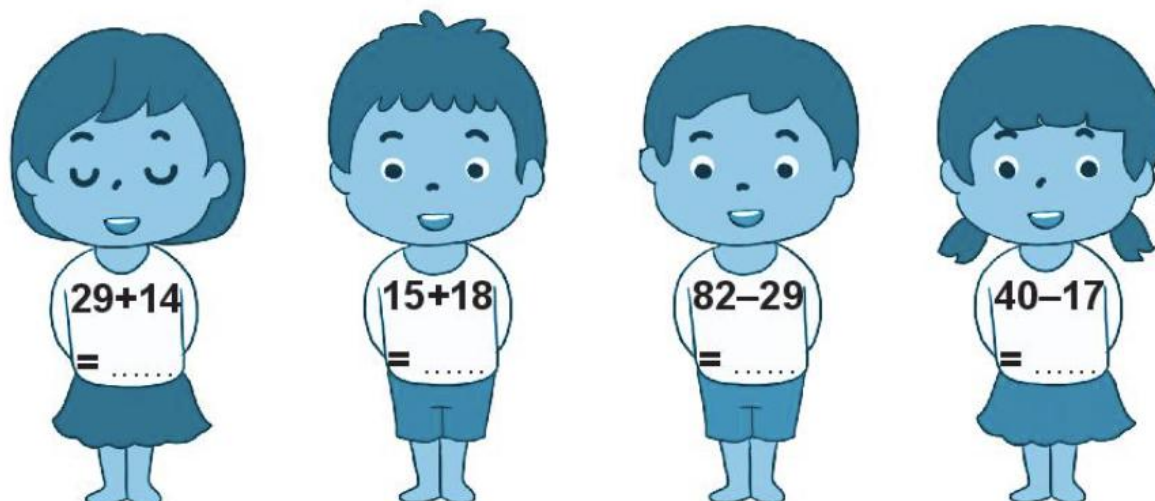
Chân trời sáng tạo

4 **Số?** (theo mẫu)



5

- a) **Tính** để biết mỗi bạn đội mũ (nón) nào.
b) **Tô** cùng màu: mũ và áo của cùng một bạn.



6 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

$$14 + 5 = 15 - 6 \quad \square$$

$$17 - 2 < 16 - 3 \quad \square$$

$$19 + 5 < 14 - 4 \quad \square$$

$$16 + 4 > 20 - 1 \quad \square$$

$$16 + 7 = 17 + 6 \quad \square$$

$$15 + 4 > 13 - 4 \quad \square$$

7 Vui học.

Tính rồi tô màu theo kết quả phép tính.

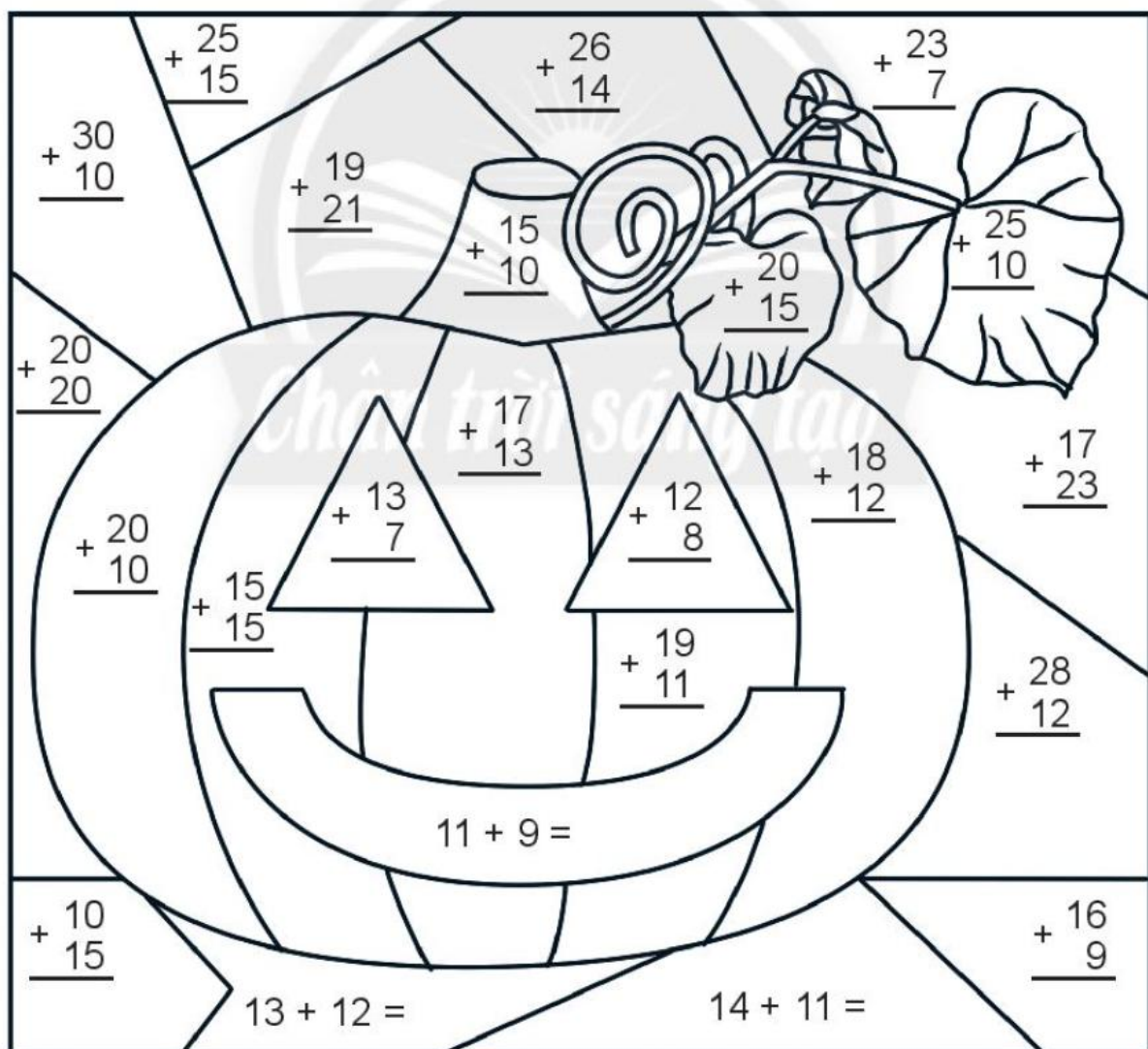
20: màu vàng

25: màu nâu

30: màu cam

35: màu xanh lá cây

40: màu tím



8 Tìm hạt dẻ cho sóc.

Nối hai số có tổng là **số tròn chục** (theo mẫu).



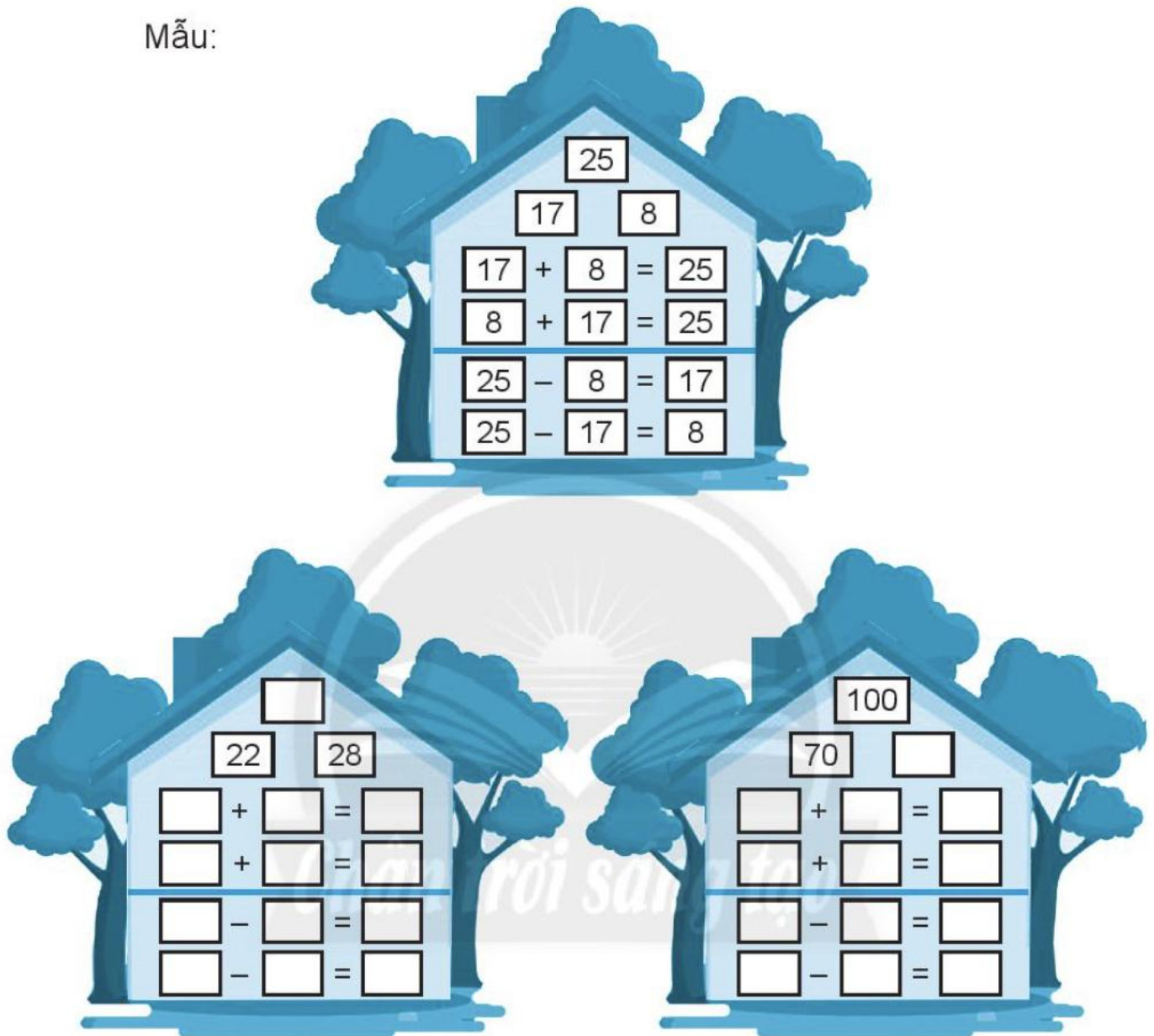
9 Số?

Biết rằng tổng các số theo cột dọc hay hàng ngang đều bằng **70**.

20		20
	20	40

10 Làm theo mẫu.

Mẫu:



11 Điền dấu phép tính thích hợp (+ hay -).

14 8 = 22

17 2 < 16

28 9 > 30

20 30 = 50

57 18 < 40

44 6 > 48

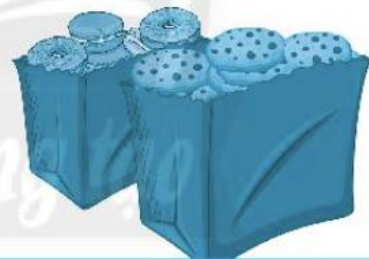
12

Có **83** con kiến đi kiếm mồi,
trong đó **37** con đã về tổ.
Hỏi còn bao nhiêu con chưa
về tổ?

A colorful illustration of a large mound of brown soil. Numerous ants, depicted in various shades of brown and black, are scattered across the mound and the surrounding ground. Some ants are carrying small particles of food. The mound is flanked by two green plants with yellow flowers. The background is a light blue sky with a few white clouds.

13

Bác Ba nướng **25** cái bánh ca cao và bánh dâu. Trong đó có **7** cái bánh ca cao. Hỏi bác Ba nướng bao nhiêu cái bánh dâu?

[illegible]

14 Quan sát hình vẽ.



a) **Số?**

- Có hình tròn.
- Có hình tam giác.
- Có hình vuông.

b) **Đánh dấu (X) vào bảng** (mỗi dấu **X** thể hiện 1 hình).

Hình tròn	Hình tam giác	Hình vuông

c) **Viết** tiếp vào chỗ chấm.

- Hình **nhiều nhất**, có hình.
- Hình **ít nhất**, có hình.
- Số hình tam giác **nhiều hơn** số hình vuông là hình.

15 Vui học.

Quan sát bảng sau (mỗi số thể hiện một chữ cái).

19	34	35	63	68	75
Ơ	A	L	P	I	H

Tính rồi viết chữ cái vào ô trống, em ghép được từ gì?

$35 + 0 = \dots\dots\dots$	L	$68 + 7 = \dots\dots\dots$	
$26 - 7 = \dots\dots\dots$		$40 - 6 = \dots\dots\dots$	
$54 + 9 = \dots\dots\dots$		$73 - 5 = \dots\dots\dots$	

Em ghép được từ

16 Thử thách.

Số? (Mỗi con vật thể hiện một số.)

 +  = 60	 :
 + 13 = 	 :
 +  = 	 :
 - 29 = 	 :

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

$1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$ ☐

$20 \text{ cm} = 2 \text{ dm}$ ☐

$5 \text{ dm} < 25 \text{ cm}$ ☐

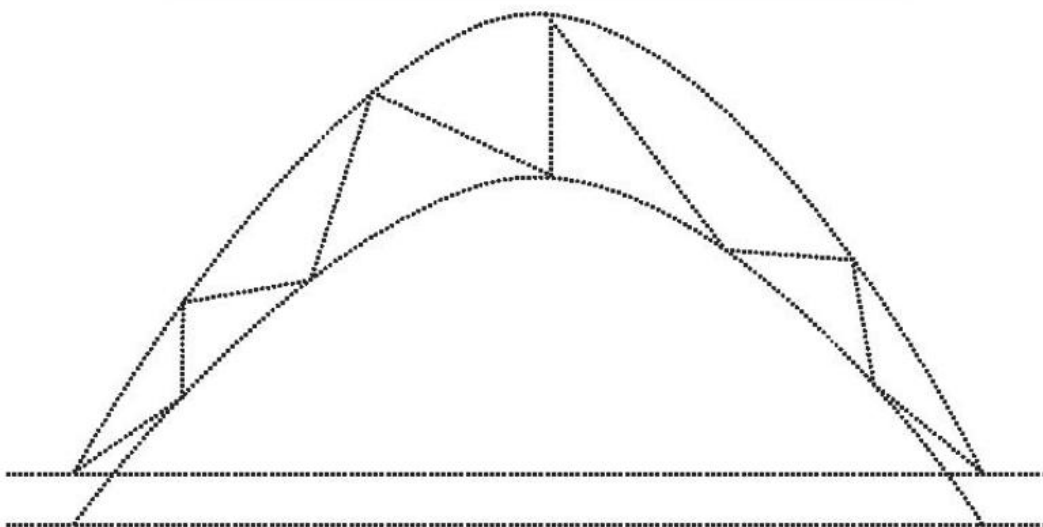
$30 \text{ cm} > 1 \text{ dm}$ ☐

2 **cm** hay **dm**?

- a) Bàn học của em dài **45**
- b) Cửa lớp cao khoảng **20**
- c) Gang tay của em dài khoảng **15**
- d) Chiều dài bảng lớp đo được **30**

3 Quan sát hình vẽ.

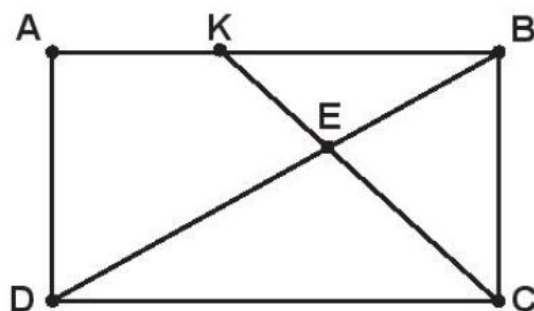
Tô màu đỏ cho đường thẳng, màu xanh lá cho đường cong và màu xanh dương cho đường gấp khúc.



4 Quan sát hình vẽ.

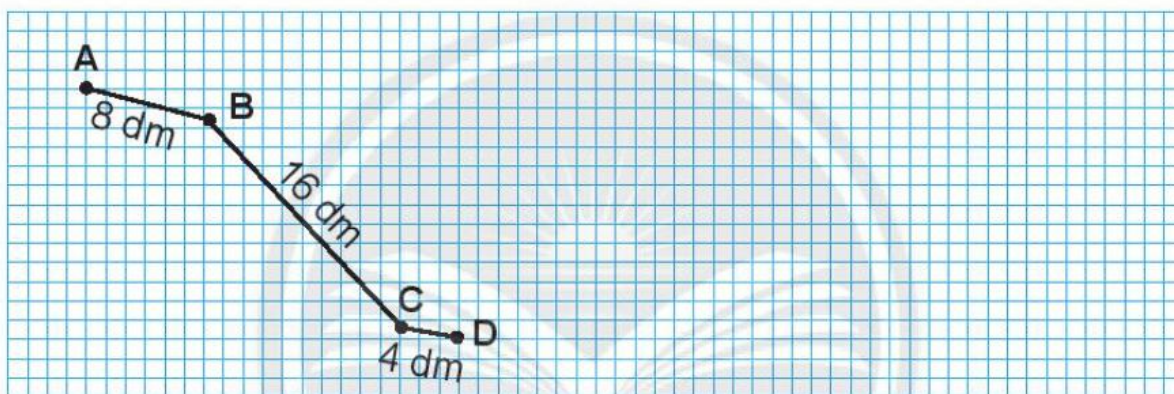
Ba điểm nào thẳng hàng?

.....



5

Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.



6 Số?

- Tháng 4 có ngày,
 có ngày Chủ nhật.
 Đó là những ngày:.....

- Thứ Sáu đầu tiên của
 tháng 4 là ngày

Chân trời sáng tạo

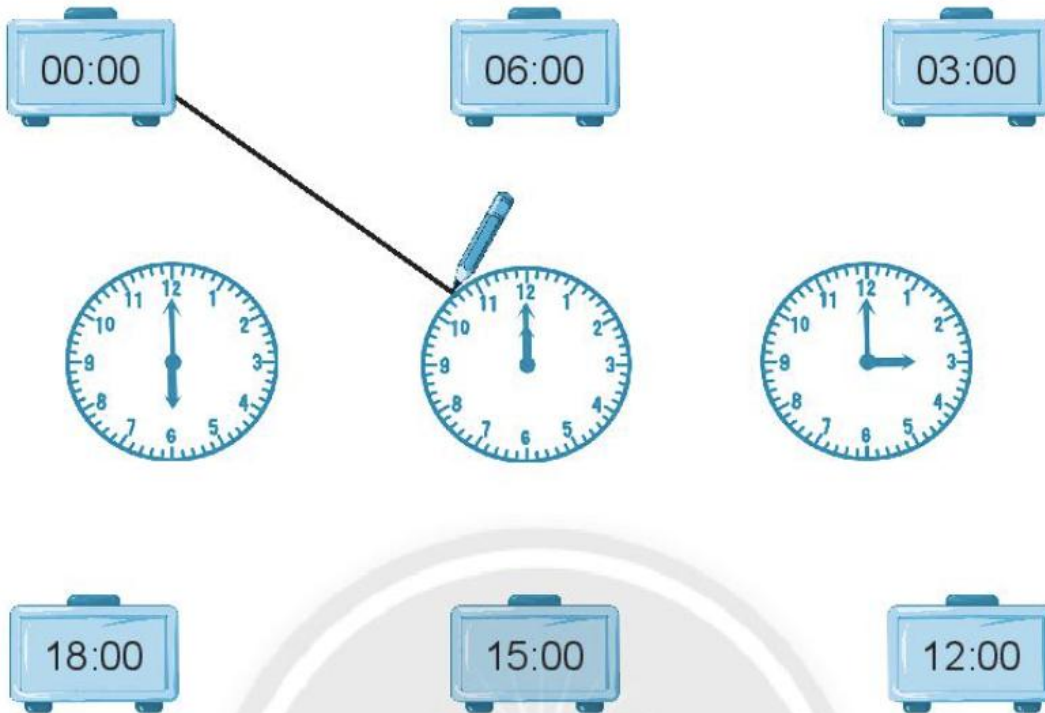
Tháng 4

2022

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

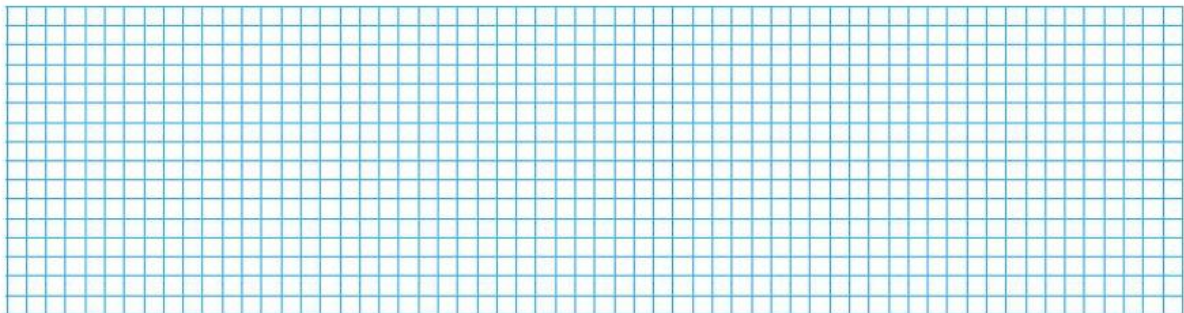
7

Nối (theo mẫu).



8

Thùng gỗ đựng được
nhiều hơn xô **25 l** nước.
Hỏi thùng gỗ đựng được
bao nhiêu lít nước?



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1 Quan sát hình ảnh.



a) **Vẽ thêm kim giờ** để các đồng hồ chỉ đúng giờ khởi hành của tàu.



b) **Số?**



Trên tàu có hành khách.



Trên tàu có trẻ em.

2

Trên một chuyến tàu, người ta đem lên **96** chai nước suối để phát cho mỗi hành khách một chai. Sau khi phát xong thì còn lại **27** chai nước.

Hỏi chuyến tàu đó có bao nhiêu hành khách?



3

Quan sát bảng sau rồi điền vào chỗ chấm.

Số người đi tàu đường thủy

75 chỗ

Giờ khởi hành:

8 giờ, 10 giờ,

13 giờ, 15 giờ.

Chuyến tàu 8 giờ	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓
Chuyến tàu 10 giờ	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	
Chuyến tàu 13 giờ	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	
Chuyến tàu 15 giờ	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓✓✓✓	✓✓

(Mỗi ✓ thể hiện một người)

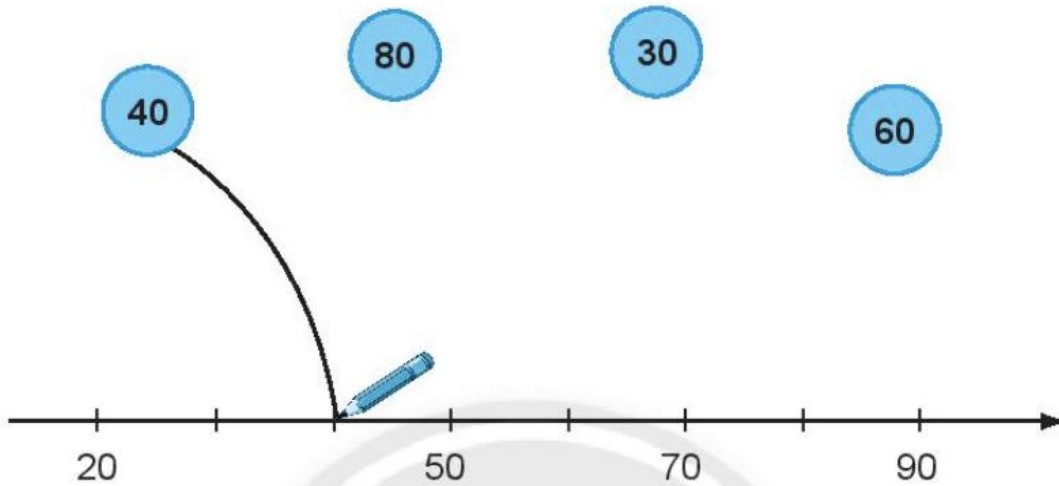
- Chuyến tàu khởi hành lúcgiờ đông khách nhất.
- Chuyến tàu khởi hành lúcgiờ vắng khách nhất.
- Chuyến tàu đông khách nhất nhiều hơn chuyến tàu vắng khách nhất là người.
- Chuyến tàu khởi hành lúc 13 giờ còn trống bao nhiêu ghế?

Phép tính tìm số ghế còn trống:

--	--	--	--	--

KIỂM TRA

1 **Nối** (theo mẫu).



2 **Viết** các số 98; 43; 74; 25 theo thứ tự từ lớn đến bé.

.....

3 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Biết số bị trừ và số trừ lần lượt là **55** và **37**. Vậy:

- Hiệu là 92. ☐
- Hiệu là 18. ☐

4 **Điền** số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $7 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

b) $90 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

5 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Hình vẽ bên có:

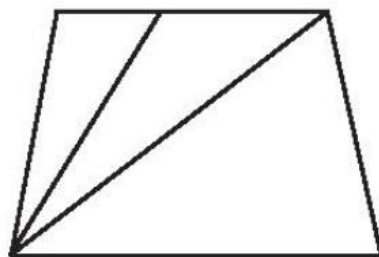
6 đoạn thẳng.

☐

7 đoạn thẳng.

☐

8 đoạn thẳng.

☐

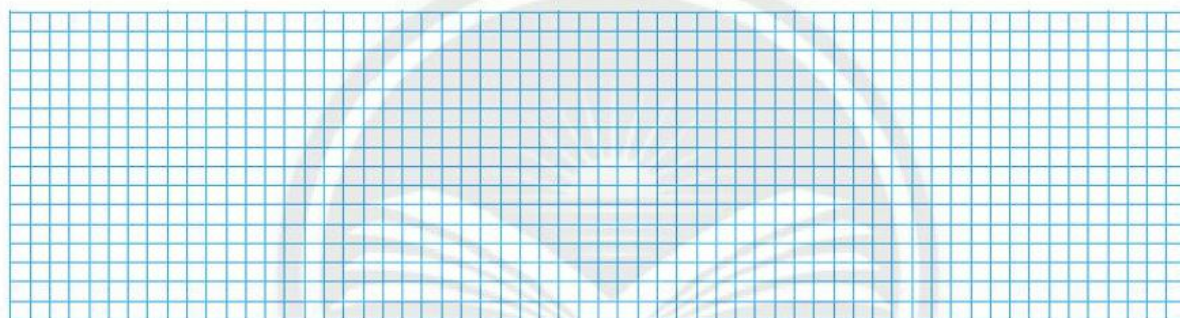
6 Đặt tính rồi tính.

$38 + 56$

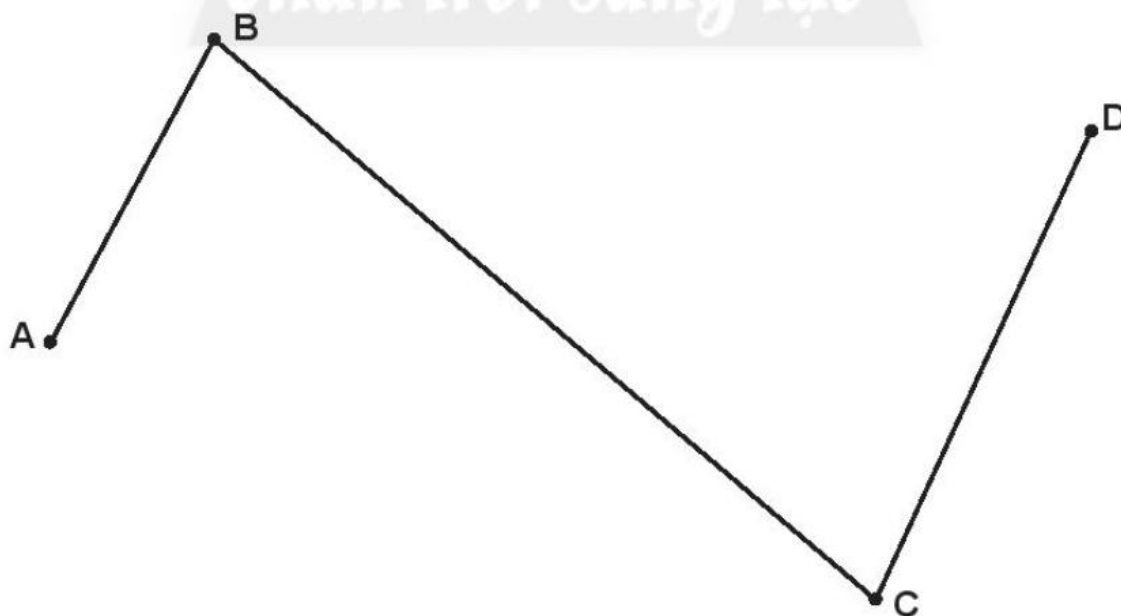
$49 + 7$

$92 - 43$

$93 - 4$

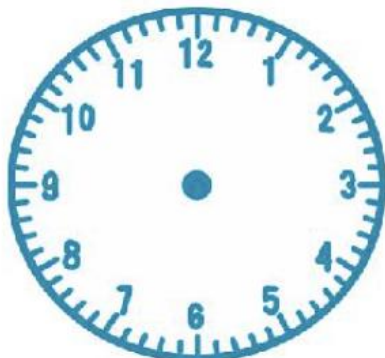


7 Đo rồi tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

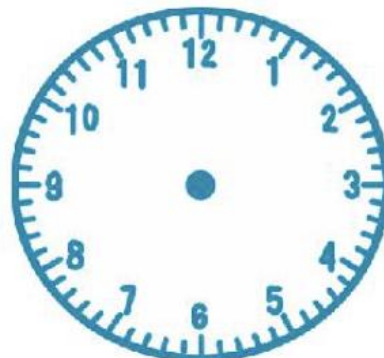


8

a) Vẽ thêm kim giờ và kim phút để đồng hồ chỉ: **8 giờ**.

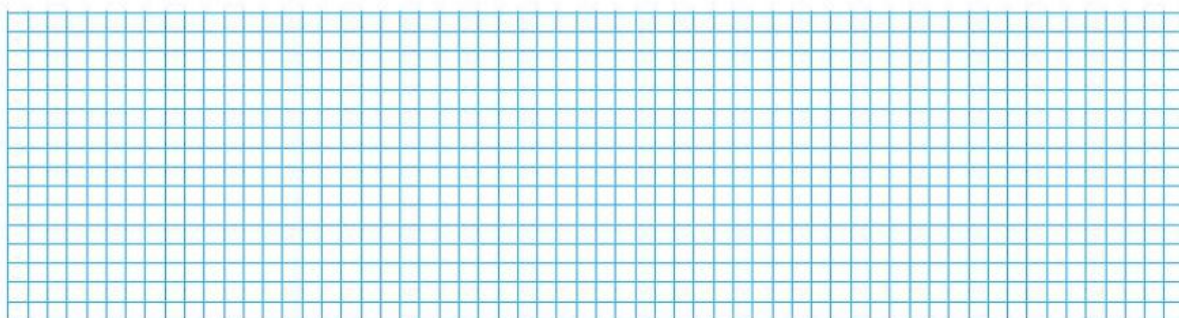


b) Vẽ thêm kim giờ và kim phút để đồng hồ chỉ: **20 giờ**.



9

Trong dịp lễ 20/11 vừa qua, khối lớp Bốn và lớp Năm làm **70** chậu sen đá tặng thầy cô, trong đó khối lớp Năm làm được **47** chậu. Hỏi khối lớp Bốn đã làm được bao nhiêu chậu sen đá?





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
3. TẬP VIẾT 2 – TẬP MỘT
4. TẬP VIẾT 2 – TẬP HAI
5. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP MỘT
6. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP HAI
7. Vở bài tập
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
8. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 2
9. Vở bài tập
ÂM NHẠC 2
10. Vở bài tập
MĨ THUẬT 2
11. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử:

<http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-25584-6



9 786040 255846

Giá: 20.000 đ